THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐƯỢC THAY THẾ VÀ BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BKHCN ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

A. Thủ tục hành chính cấp Trung ương

1. Cấp lại giấy phép sử dụng băng tần

Trình tự thực hiện	- Trong thời hạn 30 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần còn hiệu lực 06 tháng, tổ chức có nhu cầu được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có văn bản thông báo cho tổ chức biết về hồ sơ không hợp lệ. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, tổ chức phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. - Chậm nhất 90 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần hết hạn, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo cho tổ chức đủ điều kiện xét cấp lại giấy phép sử dụng băng tần về mức thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện phải nộp để được cấp giấy phép sử dụng băng tần. - Chậm nhất *40 ngày* trước ngày giấy phép sử dụng băng tần đã cấp hết hiệu lực, tổ chức đã nộp đủ các khoản tiền được cấp giấy phép sử dụng băng tần; trường hợp không cấp lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; (Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ: + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội;

	+ Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, thành phố Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, thành phố Đà Nẵng). - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *Bản khai theo Mẫu 2 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	Chậm nhất *40 ngày* trước ngày giấy phép sử dụng băng tần đã cấp hết hiệu lực, tổ chức đã nộp hồ sơ hợp lệ và nộp đủ các khoản tiền quy định được cấp giấy phép sử dụng băng tần.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép sử dụng băng tần
Phí, lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Bản khai theo Mẫu 2 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Có giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông. - Đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính về tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật đối với băng tần, kênh tần số đã cấp trước đó được đề nghị cấp lại.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;

	- Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Mẫu 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TẦN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện.

<table>
<tr><td>1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ</td><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td rowspan="2">1.1. Số định danh/Mã số thuế</td><td>Số</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td>Địa chỉ trụ sở chính</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td rowspan="2">1.2. Giấy phép viễn thông theo quy định</td><td>Số</td><td></td><td>Ngày cấp</td><td></td></tr>
<tr><td>Thời hạn</td><td colspan="3">Từ ngày: ……Đến ngày: …….</td></tr>
<tr><td rowspan="3">1.3. Tài khoản</td><td>Số</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td>Ngân hàng</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td>Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu</td><td colspan="3">☐ Đồng ý
☐ Không đồng ý</td></tr>
<tr><td rowspan="2">1.4. Địa chỉ liên lạc</td><td colspan="4">Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:</td></tr>
<tr><td colspan="4">Tỉnh/thành phố:</td></tr>
<tr><td>1.5. Số điện thoại/ Email</td><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td>2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG</td><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td>3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp, cấp lại, gia hạn)</td><td colspan="4">☐ 15 năm ☐ Khác:……</td></tr>
<tr><td>4. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ</td><td colspan="4">☐ Trực tiếp
☐ Dịch vụ bưu chính
☐ Cổng Dịch vụ công quốc gia</td></tr>
<tr><td colspan="5">5. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)</td></tr>
<tr><td colspan="5">☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép</td></tr>
<tr><td>6. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI</td><td colspan="4">☐ Cấp
☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số …….
☐ Gia hạn cho giấy phép số ……. .
☐ Cấp lại</td></tr>
<tr><td>7. PHẠM VI PHỦ SÓNG</td><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td rowspan="2">8. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHUNG</td><td colspan="2">8.1. Đoạn băng tần sử dụng</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td colspan="2">8.2. Công nghệ sử dụng</td><td colspan="2"></td></tr>
</table>

	8.2.1. Tiêu chuẩn công nghệ	
	8.2.2. Các mức giới hạn phát xạ	
	8.3. Các tham số khác (nếu có)	
9. CẤU HÌNH MẠNG LƯỚI (nếu có)		
10. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)		

11. TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:

11.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.

11.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

11.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng – ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

11.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Đối với cấp, cấp lại: phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Đối với gia hạn: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại các Mục 1, 3, 4, 5, 6 trong bản khai. Tại Mục 6 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị gia hạn.

- Đối với sửa đổi, bổ sung: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại Mục 1 và chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép tại các mục khác của bản khai trừ Mục 3. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

Số 115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: Số 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504 Fax: 0210.3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 2: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần.

Mục 1. Viết bằng chữ in hoa tên hợp pháp của tổ chức cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/Số định danh).

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/Số định danh.

Mục 1.2. Kê khai theo Giấy phép viễn thông tương ứng theo quy định của pháp luật về viễn thông. Trường hợp đang thực hiện thủ tục gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông tương ứng, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp văn bản chứng minh việc đã nộp hồ sơ gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông và bổ sung thông tin về Giấy phép viễn thông tương ứng được cấp để hoàn thiện bản khai.

Mục 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu "X" vào ô "Đồng ý" hoặc "Không đồng ý" nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Mục 1.4. Kê khai địa chỉ liên lạc của tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức.

Mục 1.5. Kê khai số điện thoại/email liên hệ tổ chức đề nghị cấp phép hoặc số điện thoại/email của cá nhân trực tiếp phụ trách về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép.

Mục 2. Ghi rõ sử dụng băng tần cho mục đích gì, ví dụ: cung cấp dịch vụ thông tin di động toàn quốc, thử nghiệm công nghệ mới, …

Mục 3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2033" (ghi theo ngày/tháng/năm).

Mục 4. Tổ chức lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các mục trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức kê khai tại mục 1.4.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 5. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô 01 lần: nếu tổ chức đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Mục 6. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng đối với trường hợp cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung. Trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung ghi kèm số giấy phép cần gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

Mục 7. Kê khai phạm vi phủ sóng đề nghị cấp phép: tên các địa phương (ví dụ: tỉnh/thành phố, xã/phường…) nằm trong vùng phủ sóng hoặc toàn quốc.

Mục 8. Các thông số kỹ thuật chung:

8.1. Kê khai đoạn băng tần đề nghị cấp phép sử dụng.

8.2. Kê khai các công nghệ sử dụng ứng với đoạn băng tần. Ví dụ: WCDMA, GSM…. (trường hợp sử dụng đồng thời nhiều loại công nghệ trên cùng một băng tần thì kê khai hết các công nghệ mà doanh nghiệp đang sử dụng).

8.2.1. Kê khai tiêu chuẩn công nghệ sử dụng.

8.2.2. Kê khai các mức giới hạn phát xạ (phát xạ giả, phát xạ trong băng, phát xạ ngoài băng...).

Mục 9.	Kê khai cấu hình mạng lưới.
Mục 10.	Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.
Ký tên, đóng dấu	- Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính: ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

2. Cấp trực tiếp giấy phép sử dụng băng tần

Trình tự thực hiện	- *Tổ chức hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng băng tần theo quy định tại điểm A.XIII.1 Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện). - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, tổ chức phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; + Trong thời hạn *26 ngày làm việc*, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép theo *Mẫu 2 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*; trường hợp từ chối cấp giấy phép có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; (Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ: + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, thành phố Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, thành phố Đà Nẵng). - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *Bản khai theo Mẫu 2 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*26 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng băng tần (Mẫu 2 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP)*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Bản khai theo Mẫu 2 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Có giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông.*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Mẫu 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TẦN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện.

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ				
1.1. Số định danh/Mã số thuế	Số			
	Địa chỉ trụ sở chính			
1.2. Giấy phép viễn thông theo quy định	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn	Từ ngày: ……Đến ngày: …….		
1.3. Tài khoản	Số			
	Ngân hàng			
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	☐ Đồng ý ☐ Không đồng ý		
1.4. Địa chỉ liên lạc	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:			
	Tỉnh/thành phố:			
1.5. Số điện thoại/ Email				
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG				
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp, cấp lại, gia hạn)	☐ 15 năm ☐ Khác:……			
4. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Cổng Dịch vụ công quốc gia			
5. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)				
☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép				
6. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI	☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số ……. ☐ Gia hạn cho giấy phép số …… . ☐ Cấp lại			
7. PHẠM VI PHỦ SÓNG				
8. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHUNG	8.1. Đoạn băng tần sử dụng			
	8.2. Công nghệ sử dụng			

	8.2.1. Tiêu chuẩn công nghệ	
	8.2.2. Các mức giới hạn phát xạ	
	8.3. Các tham số khác (nếu có)	
9. CẤU HÌNH MẠNG LƯỚI (nếu có)		
10. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)		

11. TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:

11.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.

11.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

11.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng – ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

11.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Đối với cấp, cấp lại: phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Đối với gia hạn: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại các Mục 1, 3, 4, 5, 6 trong bản khai. Tại Mục 6 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị gia hạn.

- Đối với sửa đổi, bổ sung: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại Mục 1 và chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép tại các mục khác của bản khai trừ Mục 3. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

Số 115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: Số 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504 Fax: 0210.3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 2: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần.

Mục 1. Viết bằng chữ in hoa tên hợp pháp của tổ chức cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/Số định danh).

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/Số định danh.

Mục 1.2. Kê khai theo Giấy phép viễn thông tương ứng theo quy định của pháp luật về viễn thông. Trường hợp đang thực hiện thủ tục gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông tương ứng, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp văn bản chứng minh việc đã nộp hồ sơ gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông và bổ sung thông tin về Giấy phép viễn thông tương ứng được cấp để hoàn thiện bản khai.

Mục 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu "X" vào ô "Đồng ý" hoặc "Không đồng ý" nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Mục 1.4. Kê khai địa chỉ liên lạc của tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức.

Mục 1.5. Kê khai số điện thoại/email liên hệ tổ chức đề nghị cấp phép hoặc số điện thoại/email của cá nhân trực tiếp phụ trách về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép.

Mục 2. Ghi rõ sử dụng băng tần cho mục đích gì, ví dụ: cung cấp dịch vụ thông tin di động toàn quốc, thử nghiệm công nghệ mới, …

Mục 3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2033" (ghi theo ngày/tháng/năm).

Mục 4. Tổ chức lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các mục trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức kê khai tại mục 1.4.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 5. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô 01 lần: nếu tổ chức đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Mục 6. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng đối với trường hợp cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung. Trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung ghi kèm số giấy phép cần gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

Mục 7. Kê khai phạm vi phủ sóng đề nghị cấp phép: tên các địa phương (ví dụ: tỉnh/thành phố, xã/phường…) nằm trong vùng phủ sóng hoặc toàn quốc.

Mục 8. Các thông số kỹ thuật chung:

8.1. Kê khai đoạn băng tần đề nghị cấp phép sử dụng.

8.2. Kê khai các công nghệ sử dụng ứng với đoạn băng tần. Ví dụ: WCDMA, GSM…. (trường hợp sử dụng đồng thời nhiều loại công nghệ trên cùng một băng tần thì kê khai hết các công nghệ mà doanh nghiệp đang sử dụng).

8.2.1. Kê khai tiêu chuẩn công nghệ sử dụng.

8.2.2. Kê khai các mức giới hạn phát xạ (phát xạ giả, phát xạ trong băng, phát xạ ngoài băng...).

Mục 9. Kê khai cấu hình mạng lưới.

Mục 10.	Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.
Ký tên, đóng dấu	- Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính: ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

3. Gia hạn giấy phép sử dụng băng tần

Trình tự thực hiện	- Trước khi hết hạn ít nhất 60 ngày, tổ chức hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng băng tần theo quy định *tại điểm A.XVI.1 Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có văn bản thông báo cho tổ chức biết về hồ sơ không hợp lệ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, tổ chức phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; + Chậm nhất *48 ngày trước ngày* giấy phép sử dụng băng tần hết hạn, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo cho tổ chức đủ điều kiện xét gia hạn mức thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện phải nộp, trường hợp không đủ điều kiện xét gia hạn thì phải nêu rõ lý do; + Trước khi giấy phép hết hạn, tổ chức đã nộp đủ các khoản tiền quy định tại *điểm A.XVI.2.b Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP được gia hạn giấy phép theo Mẫu 2 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; (Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ: + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, thành phố Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, thành phố Đà Nẵng). - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).

Thành phần hồ sơ; số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *Bản khai theo Mẫu 2 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- Chậm nhất *48 ngày* trước ngày giấy phép sử dụng băng tần hết hạn, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo cho tổ chức đủ điều kiện xét gia hạn mức thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện phải nộp, trường hợp không đủ điều kiện xét gia hạn thì phải nêu rõ lý do; - Trước khi giấy phép hết hạn, tổ chức đã nộp đủ các khoản tiền quy định tại *điểm A.XVI.2.b Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP được gia hạn giấy phép theo Mẫu 2 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng băng tần (Mẫu 2 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP)*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Bản khai theo Mẫu 2 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Có giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;

	- Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Mẫu 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TẦN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện.

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ				
1.1. Số định danh/Mã số thuế	Số			
	Địa chỉ trụ sở chính			
1.2. Giấy phép viễn thông theo quy định	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn	Từ ngày: ……Đến ngày: …….		
1.3. Tài khoản	Số			
	Ngân hàng			
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	□ Đồng ý □ Không đồng ý		
1.4. Địa chỉ liên lạc	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:			
	Tỉnh/thành phố:			
1.5. Số điện thoại/ Email				
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG				
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp, cấp lại, gia hạn)	□ 15 năm □ Khác:……			
4. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia			
5. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)				
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép				
6. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI	□ Cấp □ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số ……. □ Gia hạn cho giấy phép số ……. . □ Cấp lại			
7. PHẠM VI PHỦ SÓNG				

8. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHUNG	8.1. Đoạn băng tần sử dụng	
	8.2. Công nghệ sử dụng	
	8.2.1. Tiêu chuẩn công nghệ	
	8.2.2. Các mức giới hạn phát xạ	
	8.3. Các tham số khác (nếu có)	
9. CẤU HÌNH MẠNG LƯỚI (nếu có)		
10. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)		

11. TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:

11.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.

11.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

11.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng – ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

11.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Đối với cấp, cấp lại: phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Đối với gia hạn: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại các Mục 1, 3, 4, 5, 6 trong bản khai. Tại Mục 6 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị gia hạn.

- Đối với sửa đổi, bổ sung: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại Mục 1 và chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép tại các mục khác của bản khai trừ Mục 3. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

Số 115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: Số 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504 Fax: 0210.3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 2: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần.

Mục 1. Viết bằng chữ in hoa tên hợp pháp của tổ chức cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/Số định danh).

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/Số định danh.

Mục 1.2. Kê khai theo Giấy phép viễn thông tương ứng theo quy định của pháp luật về viễn thông. Trường hợp đang thực hiện thủ tục gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông tương ứng, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp văn bản chứng minh việc đã nộp hồ sơ gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông và bổ sung thông tin về Giấy phép viễn thông tương ứng được cấp để hoàn thiện bản khai.

Mục 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu "X" vào ô "Đồng ý" hoặc "Không đồng ý" nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Mục 1.4. Kê khai địa chỉ liên lạc của tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức.

Mục 1.5. Kê khai số điện thoại/email liên hệ tổ chức đề nghị cấp phép hoặc số điện thoại/email của cá nhân trực tiếp phụ trách về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép.

Mục 2. Ghi rõ sử dụng băng tần cho mục đích gì, ví dụ: cung cấp dịch vụ thông tin di động toàn quốc, thử nghiệm công nghệ mới, …

Mục 3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2033” (ghi theo ngày/tháng/năm).

Mục 4. Tổ chức lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các mục trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức kê khai tại mục 1.4.

- Đánh dấu "X" vào ô “Cổng Dịch vụ công quốc gia” thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 5. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu “X” vào ô 01 lần: nếu tổ chức đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Mục 6. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng đối với trường hợp cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung. Trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung ghi kèm số giấy phép cần gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

Mục 7. Kê khai phạm vi phủ sóng đề nghị cấp phép: tên các địa phương (ví dụ: tỉnh/thành phố, xã/phường…) nằm trong vùng phủ sóng hoặc toàn quốc.

Mục 8. Các thông số kỹ thuật chung:

8.1. Kê khai đoạn băng tần đề nghị cấp phép sử dụng.

8.2. Kê khai các công nghệ sử dụng ứng với đoạn băng tần. Ví dụ: WCDMA, GSM…. (trường hợp sử dụng đồng thời nhiều loại công nghệ trên cùng một băng tần thì kê khai hết các công nghệ mà doanh nghiệp đang sử dụng).

8.2.1. Kê khai tiêu chuẩn công nghệ sử dụng.

8.2.2. Kê khai các mức giới hạn phát xạ (phát xạ giả, phát xạ trong băng, phát xạ ngoài băng...).

Mục 9. Kê khai cấu hình mạng lưới.

Mục 10.	Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.
Ký tên, đóng dấu	- Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính: ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

4. Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần theo quy định tại *điểm A.XV.1 Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, tổ chức phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; + *Trong thời hạn 26 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện sửa đổi, bổ sung giấy phép theo mẫu 2 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*; trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; (Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ: + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, thành phố Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, thành phố Đà Nẵng). - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *Bản khai theo Mẫu 2 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết	*26 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng băng tần (Mẫu 2 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP)*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Bản khai theo Mẫu 2 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Có giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

	- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Mẫu 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TẦN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện.

<table>
<tr><td>1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ</td><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td rowspan="2">1.1. Số định danh/Mã số thuế</td><td>Số</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td>Địa chỉ trụ sở chính</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td rowspan="2">1.2. Giấy phép viễn thông theo quy định</td><td>Số</td><td></td><td>Ngày cấp</td><td></td></tr>
<tr><td>Thời hạn</td><td colspan="3">Từ ngày: ……Đến ngày: …….</td></tr>
<tr><td rowspan="3">1.3. Tài khoản</td><td>Số</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td>Ngân hàng</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td>Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu</td><td colspan="3">☐ Đồng ý
☐ Không đồng ý</td></tr>
<tr><td rowspan="2">1.4. Địa chỉ liên lạc</td><td colspan="4">Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:</td></tr>
<tr><td colspan="4">Tỉnh/thành phố:</td></tr>
<tr><td>1.5. Số điện thoại/ Email</td><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td>2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG</td><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td>3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp, cấp lại, gia hạn)</td><td colspan="4">☐ 15 năm ☐ Khác:……</td></tr>
<tr><td>4. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ</td><td colspan="4">☐ Trực tiếp
☐ Dịch vụ bưu chính
☐ Cổng Dịch vụ công quốc gia</td></tr>
<tr><td colspan="5">5. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)</td></tr>
<tr><td colspan="5">☐ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép</td></tr>
<tr><td>6. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI</td><td colspan="4">☐ Cấp
☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số …….
☐ Gia hạn cho giấy phép số ……. .
☐ Cấp lại</td></tr>
<tr><td>7. PHẠM VI PHỦ SÓNG</td><td colspan="4"></td></tr>
<tr><td></td><td>8.1. Đoạn băng tần sử dụng</td><td colspan="3"></td></tr>
</table>

8. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHUNG	8.2. Công nghệ sử dụng	
	8.2.1. Tiêu chuẩn công nghệ	
	8.2.2. Các mức giới hạn phát xạ	
	8.3. Các tham số khác (nếu có)	
9. CẤU HÌNH MẠNG LƯỚI (nếu có)		
10. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)		
11. TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 11.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 11.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện. 11.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng – ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan. 11.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.		

……, ngày….. tháng….. năm……

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Đối với cấp, cấp lại: phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Đối với gia hạn: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại các Mục 1, 3, 4, 5, 6 trong bản khai. Tại Mục 6 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị gia hạn.

- Đối với sửa đổi, bổ sung: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại Mục 1 và chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép tại các mục khác của bản khai trừ Mục 3. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

Số 115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: Số 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504 Fax: 0210.3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 2: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần.

Mục 1. Viết bằng chữ in hoa tên hợp pháp của tổ chức cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/Số định danh).

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/Số định danh.

Mục 1.2. Kê khai theo Giấy phép viễn thông tương ứng theo quy định của pháp luật về viễn thông. Trường hợp đang thực hiện thủ tục gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông tương ứng, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp văn bản chứng minh việc đã nộp hồ sơ gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông và bổ sung thông tin về Giấy phép viễn thông tương ứng được cấp để hoàn thiện bản khai.

Mục 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu "X" vào ô "Đồng ý" hoặc "Không đồng ý" nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Mục 1.4. Kê khai địa chỉ liên lạc của tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức.

Mục 1.5. Kê khai số điện thoại/email liên hệ tổ chức đề nghị cấp phép hoặc số điện thoại/email của cá nhân trực tiếp phụ trách về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép.

Mục 2. Ghi rõ sử dụng băng tần cho mục đích gì, ví dụ: cung cấp dịch vụ thông tin di động toàn quốc, thử nghiệm công nghệ mới, …

Mục 3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2033" (ghi theo ngày/tháng/năm).

Mục 4. Tổ chức lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các mục trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức kê khai tại mục 1.4.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 5. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô 01 lần: nếu tổ chức đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Mục 6. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng đối với trường hợp cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung. Trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung ghi kèm số giấy phép cần gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

Mục 7. Kê khai phạm vi phủ sóng đề nghị cấp phép: tên các địa phương (ví dụ: tỉnh/thành phố, xã/phường…) nằm trong vùng phủ sóng hoặc toàn quốc.

Mục 8. Các thông số kỹ thuật chung:

8.1. Kê khai đoạn băng tần đề nghị cấp phép sử dụng.

8.2. Kê khai các công nghệ sử dụng ứng với đoạn băng tần. Ví dụ: WCDMA, GSM…. (trường hợp sử dụng đồng thời nhiều loại công nghệ trên cùng một băng tần thì kê khai hết các công nghệ mà doanh nghiệp đang sử dụng).

8.2.1. Kê khai tiêu chuẩn công nghệ sử dụng.

8.2.2. Kê khai các mức giới hạn phát xạ (phát xạ giả, phát xạ trong băng, phát xạ ngoài băng...).

Mục 9.	Kê khai cấu hình mạng lưới.
Mục 10.	Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.
Ký tên, đóng dấu	- Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính: ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

5. Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị phát thanh, truyền hình

Trình tự thực hiện	- Tổ chức hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị phát thanh, truyền hình theo quy định và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trong thời hạn *16 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép theo *mẫu 1d mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng *16 ngày làm việc* của một tổ chức, Cục Tần số vô tuyến điện giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy phép trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; (Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ: + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, thành phố Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, thành phố Đà Nẵng). - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;*

	- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1d mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp giấy phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp giấy phép để ấn định tần số vô tuyến điện và cấp giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*- 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.* - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 16 ngày làm việc của một tổ chức.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	- Tổ chức là cơ quan báo chí. - Tổ chức không phải là cơ quan báo chí phát các chương trình phát thanh, phát lại các chương trình phát thanh quảng bá. - Tổ chức, doanh nghiệp truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1d mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP)*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1d mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số

	42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……..	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1d

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1d

Áp dụng đối với thiết bị phát thanh, truyền hình

□ Cấp □ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……..

Tờ số: ……/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: ……

1. LOẠI ĐÀI:	□ Phát thanh tương tự □ Phát thanh số □ Truyền hình số □ Khác:…….		
2. LOẠI MẠNG	□ Đơn tần □ Đa tần □ Khác:……..		
3. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG			
4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)			
□ 1 năm □ 2 năm □ 3 năm □ 10 năm □ Khác:…….			
5. DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG TRÊN KÊNH TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP			
Tên kênh chương trình	**Tốc độ bit tối đa/tối thiểu (Mbit/s)**		
6. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN			
6.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất			
6.2. Công suất danh định (W)		6.3. Công suất phát sóng đề nghị (W)	
6.4. Băng tần thiết bị phát		6.5. Hệ - tiêu chuẩn	
6.6. Kênh/tần số phát đề nghị (nếu có)		6.7. Ký hiệu phát xạ	
6.8. Tên/ Mã trạm			
6.9. Địa điểm đặt	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		

	Tỉnh/thành phố:		
7. ĂNG-TEN			
7.1. Kiểu (Nhãn hiệu)		7.2. Phân cực	
7.3. Hướng tính	□ ND □ D Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°):		
7.4. Hệ số khuếch đại (dBi)		7.5. Độ cao so với mặt đất (m)	
7.6. Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:..... E / Vĩ độ: .....N		
7.7. Cấu trúc bố trí			
8. TỔN HAO (dB) (nếu có)			
9. GIỜ HOẠT ĐỘNG			

10. ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH SỐ MẶT ĐẤT VÀ TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT	
10.1. Khoảng bảo vệ (Guard interval)	
10.2. Số lượng sóng mang (Number of carrier)	
10.3. Chế độ thu (Reception mode)	
10.4. Kiểu điều chế	
10.5. Tỉ lệ mã	
10.6. Pilot pattern	
11. PHẦN KHAI BỔ SUNG ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH AM BĂNG TẦN MF CẦN ĐĂNG KÝ QUỐC TẾ (BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA LIÊN MINH VIỄN THÔNG QUỐC TẾ - ITU KHI CÓ YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ).	
11.1. Độ dẫn điện đất (Ground conductivity- mS/m)	
11.2. Hệ số bảo vệ kênh lân cận (Adjacent channel protection radio – dB)	
11.3. Tăng ích ăng-ten theo các hướng: 0, 10, 20, …, 350^0 (cung cấp đối với ăng-ten có hướng)	
12. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với thiết bị phát thanh truyền hình.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d nếu đề nghị cấp. Mỗi thiết bị khai vào một tờ khai. Ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai. Mỗi giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung khai vào một tờ khai. Ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

1. LOẠI ĐÀI

- Đánh dấu "X" vào ô "Phát thanh tương tự" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài phát thanh FM.

- Đánh dấu "X" vào ô "Phát thanh số" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài phát thanh số.

- Đánh dấu "X" vào ô "Truyền hình số" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài truyền hình số.

- Đánh dấu "X" vào ô "Khác" nếu chưa thuộc các loại trên và kê khai rõ loại đài phát sóng.

2. LOẠI MẠNG

- Đánh dấu "X" vào ô "Đơn tần" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho mạng đơn tần.

- Đánh dấu "X" vào ô "Đa tần" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho mạng đa tần.

- Khác: ghi rõ nếu không phải đơn tần, không phải đa tần.

3. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

- Đối với phát thanh tương tự: ghi rõ phát sóng, phát lại kênh chương trình nào (ví dụ: phát lại kênh chương trình VOV1 của Đài Tiếng nói Việt Nam).

- Đối với phát thanh số: ghi rõ phát sóng, phát lại kênh chương trình nào (ví dụ: phát lại kênh chương trình VOV1 của Đài Tiếng nói Việt Nam).

- Đối với truyền hình số:

+ Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp truyền dẫn phát sóng truyền hình quảng bá: Ghi phát sóng các kênh chương trình quảng bá (đảm bảo các kênh chương trình được phép phát sóng quảng bá theo quy định).

+ Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền: Ghi phát sóng theo Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số ….

4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

5. DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG TRÊN KÊNH TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Kê khai danh sách các kênh chương trình phát sóng trên kênh tần số đề nghị cấp phép. Đối với phát thanh số/ truyền hình số kê khai thêm tốc độ bit tối đa/tối thiểu (tính theo Mbit/s)

6. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

6.1. Kê khai đầy đủ tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.

6.2. Kê khai công suất phát thiết kế của thiết bị.

6.3. Kê khai mức công suất phát sóng đề nghị cấp phép (mức công suất trước khi đưa vào ăng-ten, nhỏ hơn hoặc bằng công suất danh định)

6.4. Kê khai dải tần số hoặc các kênh tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

6.5. Kê khai hệ tiêu chuẩn của đài do thiết kế chế tạo, ví dụ: DVB-T/T2; DAB+, DRM…

6.6. Kê khai kênh phát đề nghị được sử dụng hoặc tần số phát đề nghị được sử dụng (nếu có)

6.7. Ký hiệu phát xạ:

- Đối với phát thanh tương tự: Ví dụ: 180KF3EGN (mono); 300KF3EHN (stereo).

- Đối với phát thanh số: kê khai theo quy định. Ví dụ: 1M54X7EXF.

- Đối với truyền hình số: kê khai chung cho cả hình và tiếng. Ví dụ: 8M00X7FXF.

6.8. Kê khai Tên/mã trạm đề nghị sử dụng cho đài phát thanh, truyền hình trong khi hoạt động. Trường hợp không kê khai hoặc kê khai thiếu, hô hiệu sẽ do Cơ quan quản lý quy định.

6.9. Địa điểm đặt: kê khai đầy đủ địa chỉ đặt thiết bị, tên trụ sở đặt thiết bị, địa chỉ thường trú tại nơi đặt thiết bị (số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

7. ĂNG-TEN

7.1. Kiểu (Nhãn hiệu): kê khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo Tài liệu kỹ thuật (Ví dụ: Dipole, 759101195, Kathrein). Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Dipole, Panel, lồng, chữ V, tháp, v.v...)

7.2. Phân cực: kê khai loại phân cực của ăng-ten (ví dụ: thẳng đứng, nằm ngang, phân cực tròn,...)

7.3. Hướng tính: kê khai ăng-ten có hướng (D) hay vô hướng (ND) bằng cách đánh dấu "X" vào ô tương ứng. Đối với ăng-ten có hướng (D) kê khai góc phương vị của hướng bức xạ chính (là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ).

7.4. Hệ số khuếch đại (dBi): kê khai rõ hệ số khuếch đại của ăng-ten theo đơn vị dBi.

7.5. Độ cao so với mặt đất (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo mét (m).

7.6. Vị trí (tọa độ): kê khai độ chính xác của kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân.

7.7. Cấu trúc bố trí: kê khai việc bố trí ăng-ten theo thực tế triển khai.

8. TỔN HAO

Kê khai tổn hao của hệ thống tính theo đơn vị dB bao gồm tổn hao phi đơ (fider) của hệ thống ăng - ten, tổn hao của kết nối (connector). Mặc định là 0 dB nếu không kê khai.

9. GIỜ HOẠT ĐỘNG

Kê khai giờ hoạt động đề nghị. Đối với các Cơ quan báo chí giờ hoạt động kê khai theo Giấy phép hoạt động báo chí. Trường hợp hoạt động vào giờ bất kỳ trong ngày thì ghi “Hx”.

10. THIẾT BỊ PHÁT THANH SỐ MẶT ĐẤT VÀ TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT

10.1. Khoảng bảo vệ (Guard interval): 1/4; 1/8; 1/16 ...

10.2. Số lượng sóng mang (Number of carrier): 2k; 8k…

10.3. Chế độ thu (Reception mode): kê khai chế độ thu theo quy định: F - thu cố định, M - thu lưu động; A - thu trong nhà; B - thu ngoài trời.

10.4. Kiểu điều chế: kê khai kiểu điều chế của thiết bị (ví dụ: 256-QAM, 64-QAM...).

10.5. Tỉ lệ mã: kê khai tỉ lệ mã của thiết bị.

10.6. Pilot pattern: kê khai mẫu hình tín hiệu Pilot.

11. THIẾT BỊ PHÁT THANH AM BĂNG TẦN MF (Chỉ áp dụng cho các thiết bị cần đăng ký quốc tế).

11.1. Độ dẫn điện đất: kê khai độ dẫn điện đất theo đơn vị mS/m.

11.2. Hệ số bảo vệ kênh lân cận: kê khai rõ hệ số bảo vệ kênh lân cận theo đơn vị dB.

11.3. Tăng ích ăng-ten theo các hướng:kê khai tăng ích ăng-ten theo các hướng 0, 10, 20, ...350^0: áp dụng đối với ăng-ten có hướng

12. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.

6. Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị phát thanh, truyền hình

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị phát thanh, truyền hình theo quy định và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trong thời hạn *16 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép theo *mẫu 1d mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép và nêu rõ lý do. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng *16 ngày làm việc* của một tổ chức, Cục Tần số vô tuyến điện giải quyết hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; (Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ: + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, thành phố Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, thành phố Đà Nẵng). - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).

Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1d mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp giấy phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để ấn định tần số vô tuyến điện và cấp giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*- 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.* - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 16 ngày làm việc của một tổ chức.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	- Tổ chức là cơ quan báo chí. - Tổ chức không phải là cơ quan báo chí phát các chương trình phát thanh, phát lại các chương trình phát thanh quảng bá. - Tổ chức, doanh nghiệp truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1d mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP)*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1d mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……..	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1d

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1d

Áp dụng đối với thiết bị phát thanh, truyền hình

□ Cấp □ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……..

Tờ số: ……/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: ……

1. LOẠI ĐÀI:	□ Phát thanh tương tự □ Phát thanh số □ Truyền hình số □ Khác:…….		
2. LOẠI MẠNG	□ Đơn tần □ Đa tần □ Khác:……..		
3. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG			
4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)			
□ 1 năm □ 2 năm □ 3 năm □ 10 năm □ Khác:…….			
5. DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG TRÊN KÊNH TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP			
Tên kênh chương trình	**Tốc độ bit tối đa/tối thiểu (Mbit/s)**		
6. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN			
6.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất			
6.2. Công suất danh định (W)		6.3. Công suất phát sóng đề nghị (W)	
6.4. Băng tần thiết bị phát		6.5. Hệ - tiêu chuẩn	
6.6. Kênh/tần số phát đề nghị (nếu có)		6.7. Ký hiệu phát xạ	
6.8. Tên/ Mã trạm			
6.9. Địa điểm đặt	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		

	Tỉnh/thành phố:		
7. ĂNG-TEN			
7.1. Kiểu (Nhãn hiệu)		7.2. Phân cực	
7.3. Hướng tính	□ ND □ D Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°):		
7.4. Hệ số khuếch đại (dBi)		7.5. Độ cao so với mặt đất (m)	
7.6. Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:..... E / Vĩ độ: .....N		
7.7. Cấu trúc bố trí			
8. TỔN HAO (dB) (nếu có)			
9. GIỜ HOẠT ĐỘNG			

10. ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH SỐ MẶT ĐẤT VÀ TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT	
10.1. Khoảng bảo vệ (Guard interval)	
10.2. Số lượng sóng mang (Number of carrier)	
10.3. Chế độ thu (Reception mode)	
10.4. Kiểu điều chế	
10.5. Tỉ lệ mã	
10.6. Pilot pattern	
11. PHẦN KHAI BỔ SUNG ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH AM BĂNG TẦN MF CẦN ĐĂNG KÝ QUỐC TẾ (BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA LIÊN MINH VIỄN THÔNG QUỐC TẾ - ITU KHI CÓ YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ).	
11.1. Độ dẫn điện đất (Ground conductivity- mS/m)	
11.2. Hệ số bảo vệ kênh lân cận (Adjacent channel protection radio – dB)	
11.3. Tăng ích ăng-ten theo các hướng: 0, 10, 20, …, 350^0 (cung cấp đối với ăng-ten có hướng)	
12. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với thiết bị phát thanh truyền hình.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d nếu đề nghị cấp. Mỗi thiết bị khai vào một tờ khai. Ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai. Mỗi giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung khai vào một tờ khai. Ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

1. LOẠI ĐÀI

- Đánh dấu "X" vào ô "Phát thanh tương tự" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài phát thanh FM.

- Đánh dấu "X" vào ô "Phát thanh số" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài phát thanh số.

- Đánh dấu "X" vào ô "Truyền hình số" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài truyền hình số.

- Đánh dấu "X" vào ô "Khác" nếu chưa thuộc các loại trên và kê khai rõ loại đài phát sóng.

2. LOẠI MẠNG

- Đánh dấu "X" vào ô "Đơn tần" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho mạng đơn tần.

- Đánh dấu "X" vào ô "Đa tần" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho mạng đa tần.

- Khác: ghi rõ nếu không phải đơn tần, không phải đa tần.

3. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

- Đối với phát thanh tương tự: ghi rõ phát sóng, phát lại kênh chương trình nào (ví dụ: phát lại kênh chương trình VOV1 của Đài Tiếng nói Việt Nam).

- Đối với phát thanh số: ghi rõ phát sóng, phát lại kênh chương trình nào (ví dụ: phát lại kênh chương trình VOV1 của Đài Tiếng nói Việt Nam).

- Đối với truyền hình số:

+ Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp truyền dẫn phát sóng truyền hình quảng bá: Ghi phát sóng các kênh chương trình quảng bá (đảm bảo các kênh chương trình được phép phát sóng quảng bá theo quy định).

+ Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền: Ghi phát sóng theo Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số ….

4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

5. DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG TRÊN KÊNH TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Kê khai danh sách các kênh chương trình phát sóng trên kênh tần số đề nghị cấp phép. Đối với phát thanh số/ truyền hình số kê khai thêm tốc độ bit tối đa/tối thiểu (tính theo Mbit/s)

6. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

6.1. Kê khai đầy đủ tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.

6.2. Kê khai công suất phát thiết kế của thiết bị.

6.3. Kê khai mức công suất phát sóng đề nghị cấp phép (mức công suất trước khi đưa vào ăng-ten, nhỏ hơn hoặc bằng công suất danh định)

6.4. Kê khai dải tần số hoặc các kênh tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

6.5. Kê khai hệ tiêu chuẩn của đài do thiết kế chế tạo, ví dụ: DVB-T/T2; DAB+, DRM…

6.6. Kê khai kênh phát đề nghị được sử dụng hoặc tần số phát đề nghị được sử dụng (nếu có)

6.7. Ký hiệu phát xạ:

- Đối với phát thanh tương tự: Ví dụ: 180KF3EGN (mono); 300KF3EHN (stereo).
- Đối với phát thanh số: kê khai theo quy định. Ví dụ: 1M54X7EXF.

- Đối với truyền hình số: kê khai chung cho cả hình và tiếng. Ví dụ: 8M00X7FXF.

6.8. Kê khai Tên/mã trạm đề nghị sử dụng cho đài phát thanh, truyền hình trong khi hoạt động. Trường hợp không kê khai hoặc kê khai thiếu, hô hiệu sẽ do Cơ quan quản lý quy định.

6.9. Địa điểm đặt: kê khai đầy đủ địa chỉ đặt thiết bị, tên trụ sở đặt thiết bị, địa chỉ thường trú tại nơi đặt thiết bị (số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

7. ĂNG-TEN

7.1. Kiểu (Nhãn hiệu): kê khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo Tài liệu kỹ thuật (Ví dụ: Dipole, 759101195, Kathrein). Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Dipole, Panel, lồng, chữ V, tháp, v.v...)

7.2. Phân cực: kê khai loại phân cực của ăng-ten (ví dụ: thẳng đứng, nằm ngang, phân cực tròn,...)

7.3. Hướng tính: kê khai ăng-ten có hướng (D) hay vô hướng (ND) bằng cách đánh dấu "X" vào ô tương ứng. Đối với ăng-ten có hướng (D) kê khai góc phương vị của hướng bức xạ chính (là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ).

7.4. Hệ số khuếch đại (dBi): kê khai rõ hệ số khuếch đại của ăng-ten theo đơn vị dBi.

7.5. Độ cao so với mặt đất (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo mét (m).

7.6. Vị trí (tọa độ): kê khai độ chính xác của kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân.

7.7. Cấu trúc bố trí: kê khai việc bố trí ăng-ten theo thực tế triển khai.

8. TỔN HAO

Kê khai tổn hao của hệ thống tính theo đơn vị dB bao gồm tổn hao phi đơ (fider) của hệ thống ăng - ten, tổn hao của kết nối (connector). Mặc định là 0 dB nếu không kê khai.

9. GIỜ HOẠT ĐỘNG

Kê khai giờ hoạt động đề nghị. Đối với các Cơ quan báo chí giờ hoạt động kê khai theo Giấy phép hoạt động báo chí. Trường hợp hoạt động vào giờ bất kỳ trong ngày thì ghi “Hx”.

10. THIẾT BỊ PHÁT THANH SỐ MẶT ĐẤT VÀ TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT

10.1. Khoảng bảo vệ (Guard interval): 1/4; 1/8; 1/16 ...

10.2. Số lượng sóng mang (Number of carrier): 2k; 8k…

10.3. Chế độ thu (Reception mode): kê khai chế độ thu theo quy định: F - thu cố định, M - thu lưu động; A - thu trong nhà; B - thu ngoài trời.

10.4. Kiểu điều chế: kê khai kiểu điều chế của thiết bị (ví dụ: 256-QAM, 64-QAM...).

10.5. Tỉ lệ mã: kê khai tỉ lệ mã của thiết bị.

10.6. Pilot pattern: kê khai mẫu hình tín hiệu Pilot.

11. THIẾT BỊ PHÁT THANH AM BĂNG TẦN MF (Chỉ áp dụng cho các thiết bị cần đăng ký quốc tế).

11.1. Độ dẫn điện đất: kê khai độ dẫn điện đất theo đơn vị mS/m.

11.2. Hệ số bảo vệ kênh lân cận: kê khai rõ hệ số bảo vệ kênh lân cận theo đơn vị dB.

11.3. Tăng ích ăng-ten theo các hướng:kê khai tăng ích ăng-ten theo các hướng 0, 10, 20, ...350^0: áp dụng đối với ăng-ten có hướng

12. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.

7. Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với tuyến truyền dẫn vi ba

Trình tự thực hiện	- Tổ chức hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với tuyến truyền dẫn vi ba theo quy định và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trong thời hạn *16 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép theo *mẫu 1e mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng *16 ngày làm việc* của một tổ chức, Cục Tần số vô tuyến điện giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy phép trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; (Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ: + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, thành phố Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, thành phố Đà Nẵng). - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;*

	- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1e mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp giấy phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp giấy phép để ấn định tần số vô tuyến điện và cấp giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. - 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*- 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.* - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 16 ngày làm việc của một tổ chức.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1e mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP)*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1e mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số

	42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……..	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1e

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1e

Áp dụng đối với tuyến truyền dẫn vi ba

Tờ số: ……/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: ……

1. ĐỀ NGHỊ	□ Cấp □ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……..	
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG		
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)		
□ 1 năm □ 2 năm □ 3 năm □ 10 năm □ Khác:…….		
4. THÔNG SỐ CỦA TRẠM	**TRẠM "THỨ NHẤT"**	**TRẠM "THỨ HAI"**
4.1. Tên/mã trạm đề nghị		
4.2. Kinh độ	.....E	.....
4.3. Vĩ độ	.....	.....
4.4. Cự ly tuyến (km)		
4.5. Địa điểm đặt		
Số nhà, đường phố (thôn xóm), Phường/xã		
Tỉnh/thành phố		
5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN		
5.1.Tên thiết bị		
5.2. Hãng sản xuất		
5.3. Dải tần số thu (MHz)		
5.4. Dải tần số phát (MHz)		
5.5. Tần số phát đề nghị (MHz)		
5.6. Băng thông (MHz)		
5.7. Công suất phát (dBm)		
5.8. Kiểu điều chế		
5.9. Hệ số tạp âm (dB) (nếu có)		

5.10. Độ nhạy máy thu (dBm)		
5.11. Suy hao Tx (dB) (nếu có)		
5.12. Fade margin (dB) (nếu có)		
6. ĂNG-TEN		
6.1. Tên		
6.2. Hãng sản xuất		
6.3. Hướng tính		
6.4. Kích thước		
6.5. Độ cao so với mặt đất (m)		
6.6. Phân cực		
6.7. Hệ số khuếch đại (dBi)		
6.8. Giản đồ bức xạ ăng-ten (nếu có)		
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)		

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung một số nội dung giấy phép đã được cấp đối với tuyến truyền dẫn vi ba.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e được dùng để kê khai cho một tuyến truyền dẫn vi ba. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều tuyến vi ba hoặc một tuyến vi ba dùng nhiều tần số hoặc phân cực khác nhau. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. ĐỀ NGHỊ

Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép lần đầu hoặc không đủ điều kiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép. Đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích gì. Ví dụ: truyền dẫn nội tỉnh, truyền dẫn trong mạng thông tin di động,….

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THÔNG SỐ CỦA TRẠM

4.1. Tên/mã trạm đề nghị được sử dụng cho tuyến vi ba.

4.2. Kê khai Kinh độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân.

4.3. Kê khai Vĩ độ của theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân.

4.4. Là khoảng cách (tính theo đường thẳng) giữa hai trạm.

4.5. Ghi tên trụ sở đặt thiết bị; địa chỉ nơi đặt thiết bị, khai đầy đủ số nhà, đường phố (thôn, xóm), phường (xã), thành phố (tỉnh).

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

5.1. Kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị.

5.2. Kê khai tên hãng sản xuất của thiết bị.

5.3. Kê khai dải tần số thu mà thiết bị cho phép lựa chọn (tính từ tần số thấp nhất đến tần số cao nhất).

5.4. Kê khai dải tần số phát mà thiết bị cho phép lựa chọn (tính từ tần số thấp nhất đến tần số cao nhất).

5.5. Kê khai tần số phát đề nghị (MHz).

5.6. Kê khai băng thông của thiết bị (MHz), là độ chiếm dụng băng tần của thiết bị khi khai thác ở tốc độ truyền.

5.7. Kê khai công suất phát (dBm).

5.8. Kê khai các kiểu điều chế mà thiết bị cho phép chọn lựa. Ví dụ: QPSK, BPSK...

5.9. Kê khai hệ số tạp âm (dB) của máy thu.

5.10. Kê khai độ nhạy của máy thu (dBm).

5.11. Kê khai suy hao trên đường truyền ra ăng-ten của máy phát. Mặc định bằng 0 nếu không kê khai.

5.12. Kê khai dự trữ pha-đinh theo đơn vị dB. Mặc định bằng 0 nếu không kê khai.

6. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA ĂNG-TEN

6.1, 6.2. Khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo tài liệu kỹ thuật (VD: Loga-chu kỳ, AD-22/C, Trival). Trong trường hợp không có tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Parabol, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, v.v...)

6.3. Hướng tính của ăng-ten: có hướng (D) hay vô hướng (ND).

6.4. Kích thước của ăng-ten là độ dài của ăng-ten hoặc đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).

6.5. Độ cao so với mặt đất (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

6.6. Kê khai phân cực của ăng-ten theo thiết kế. Ví dụ: thẳng, đứng, ngang, tròn,...

6.7. Kê khai hệ số khuếch đại theo thiết kế tính theo đơn vị dBi

6.8. Giản đồ bức xạ: đối với ăng-ten theo chuẩn của ITU khai ký hiệu của giản đồ; đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC: Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

8. Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với tuyến truyền dẫn vi ba

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với tuyến truyền dẫn vi ba theo quy định và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn *05 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trong thời hạn *16 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép theo *mẫu 1e mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép và nêu rõ lý do. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng *16 ngày làm việc* của một tổ chức, Cục Tần số vô tuyến điện giải quyết hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; (Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ: + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, thành phố Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, thành phố Đà Nẵng). - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).

Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1e mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp giấy phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để ấn định tần số vô tuyến điện và cấp giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. - 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*- 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.* - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 16 ngày làm việc của một tổ chức.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1e mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP)*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1e mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……..	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung — Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1e

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1e

Áp dụng đối với tuyến truyền dẫn vi ba

Tờ số: ……/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: ……

1. ĐỀ NGHỊ	□ Cấp □ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……..	
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG		
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)		
□ 1 năm □ 2 năm □ 3 năm □ 10 năm □ Khác:…….		
4. THÔNG SỐ CỦA TRẠM	**TRẠM "THỨ NHẤT"**	**TRẠM "THỨ HAI"**
4.1. Tên/mã trạm đề nghị		
4.2. Kinh độ	.....E	.....
4.3. Vĩ độ	.....	.....
4.4. Cự ly tuyến (km)		
4.5. Địa điểm đặt		
Số nhà, đường phố (thôn xóm), Phường/xã		
Tỉnh/thành phố		
5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN		
5.1.Tên thiết bị		
5.2. Hãng sản xuất		
5.3. Dải tần số thu (MHz)		
5.4. Dải tần số phát (MHz)		
5.5. Tần số phát đề nghị (MHz)		
5.6. Băng thông (MHz)		
5.7. Công suất phát (dBm)		
5.8. Kiểu điều chế		
5.9. Hệ số tạp âm (dB) (nếu có)		

5.10. Độ nhạy máy thu (dBm)		
5.11. Suy hao Tx (dB) (nếu có)		
5.12. Fade margin (dB) (nếu có)		
6. ĂNG-TEN		
6.1. Tên		
6.2. Hãng sản xuất		
6.3. Hướng tính		
6.4. Kích thước		
6.5. Độ cao so với mặt đất (m)		
6.6. Phân cực		
6.7. Hệ số khuếch đại (dBi)		
6.8. Giản đồ bức xạ ăng-ten (nếu có)		
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)		

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung một số nội dung giấy phép đã được cấp đối với tuyến truyền dẫn vi ba.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e được dùng để kê khai cho một tuyến truyền dẫn vi ba. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều tuyến vi ba hoặc một tuyến vi ba dùng nhiều tần số hoặc phân cực khác nhau. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. ĐỀ NGHỊ

Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép lần đầu hoặc không đủ điều kiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép. Đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích gì. Ví dụ: truyền dẫn nội tỉnh, truyền dẫn trong mạng thông tin di động,….

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THÔNG SỐ CỦA TRẠM

4.1. Tên/mã trạm đề nghị được sử dụng cho tuyến vi ba.

4.2. Kê khai Kinh độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân.

4.3. Kê khai Vĩ độ của theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân.

4.4. Là khoảng cách (tính theo đường thẳng) giữa hai trạm.

4.5. Ghi tên trụ sở đặt thiết bị; địa chỉ nơi đặt thiết bị, khai đầy đủ số nhà, đường phố (thôn, xóm), phường (xã), thành phố (tỉnh).

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

5.1. Kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị.

5.2. Kê khai tên hãng sản xuất của thiết bị.

5.3. Kê khai dải tần số thu mà thiết bị cho phép lựa chọn (tính từ tần số thấp nhất đến tần số cao nhất).

5.4. Kê khai dải tần số phát mà thiết bị cho phép lựa chọn (tính từ tần số thấp nhất đến tần số cao nhất).

5.5. Kê khai tần số phát đề nghị (MHz).

5.6. Kê khai băng thông của thiết bị (MHz), là độ chiếm dụng băng tần của thiết bị khi khai thác ở tốc độ truyền.

5.7. Kê khai công suất phát (dBm).

5.8. Kê khai các kiểu điều chế mà thiết bị cho phép chọn lựa. Ví dụ: QPSK, BPSK...

5.9. Kê khai hệ số tạp âm (dB) của máy thu.

5.10. Kê khai độ nhạy của máy thu (dBm).

5.11. Kê khai suy hao trên đường truyền ra ăng-ten của máy phát. Mặc định bằng 0 nếu không kê khai.

5.12. Kê khai dự trữ pha-đinh theo đơn vị dB. Mặc định bằng 0 nếu không kê khai.

6. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA ĂNG-TEN

6.1, 6.2. Khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo tài liệu kỹ thuật (VD: Loga-chu kỳ, AD-22/C, Trival). Trong trường hợp không có tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Parabol, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, v.v...)

6.3. Hướng tính của ăng-ten: có hướng (D) hay vô hướng (ND).

6.4. Kích thước của ăng-ten là độ dài của ăng-ten hoặc đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).

6.5. Độ cao so với mặt đất (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

6.6. Kê khai phân cực của ăng-ten theo thiết kế. Ví dụ: thẳng, đứng, ngang, tròn,...

6.7. Kê khai hệ số khuếch đại theo thiết kế tính theo đơn vị dBi

6.8. Giản đồ bức xạ: đối với ăng-ten theo chuẩn của ITU khai ký hiệu của giản đồ; đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC: Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

9. Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển)

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo quy định và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trong thời hạn *16 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép theo *mẫu 1m mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng *16 ngày làm việc* của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy phép trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; (Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ: + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, thành phố Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, thành phố Đà Nẵng). - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;*

	- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1m mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; - Bản sao hợp pháp hoặc bản sao điện tử hợp pháp Căn cước công dân hoặc Căn cước (đối với cá nhân là người Việt Nam đề nghị cấp giấy phép) hoặc Hộ chiếu còn thời hạn (đối với cá nhân là người nước ngoài đề nghị cấp giấy phép) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (đối với hộ kinh doanh đề nghị cấp giấy phép). Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ là Căn cước công dân, Căn cước, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Đối với căn cước công dân hoặc căn cước thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện việc khai thác các thông tin, giấy tờ này từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản để yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính. - Bản sao hợp pháp hoặc bản sao điện tử hợp pháp Quyết định thành lập hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc bản sao Giấy chứng nhận đầu tư (áp dụng đối với đài trái đất của tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh ngoài biển, công ty đa quốc gia, cơ quan Chính phủ, khu phát triển phần mềm và khu công nghệ cao khi sử dụng vệ tinh khu vực hoặc quốc tế), trừ trường hợp đã được cấp giấy phép viễn thông để thiết lập mạng cố định vệ tinh, di động vệ tinh; hoặc Bản sao hợp pháp hoặc bản sao điện tử hợp pháp văn bản do cơ quan có thẩm quyền cấp (áp dụng đối với đài trái đất của tổ chức, doanh nghiệp được phép tham gia hoạt động bảo đảm an toàn hàng không, an toàn hàng hải theo quy định của Tổ chức Hàng không quốc tế, Tổ chức Hàng hải quốc tế khi sử dụng vệ tinh khu vực hoặc quốc tế), trừ trường hợp đã được cấp giấy phép viễn thông để thiết lập mạng cố định vệ tinh, di động vệ tinh. - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và cấp giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP.

	2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- *16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.* - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 16 ngày làm việc của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1m mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP)*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1m mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng

	02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……..	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1m

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1m

Áp dụng đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu)

Tờ số: ……/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: ……

<table>
<tr><td colspan="2">1. ĐỀ NGHỊ</td><td colspan="2">☐ Cấp
☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……..</td></tr>
<tr><td colspan="2">2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG</td><td colspan="2">☐ Thiết lập mạng viễn thông công cộng
☐ Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng
☐ Thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng PTTH
☐ Khác:.....</td></tr>
<tr><td colspan="4">3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)</td></tr>
<tr><td colspan="4">☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:……</td></tr>
<tr><td colspan="4">4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN</td></tr>
<tr><td colspan="2">4.1. Hô hiệu (tên/mã đài)</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td colspan="2">4.2. Loại đài:</td><td colspan="2">☐ Đài trái đất đặt trên tàu bay ☐ Đài trái đất di động
☐ Đài trái đất đặt trên tàu biển ☐ Đài trái đất cố định
☐ Khác:.....</td></tr>
<tr><td colspan="2">4.3. Loại thiết bị</td><td colspan="2">☐ Cả phát và thu ☐ Chỉ phát ☐ Chỉ thu</td></tr>
<tr><td colspan="2">4.4. Tên thiết bị/Hãng sản xuất</td><td colspan="2">..... / .....</td></tr>
<tr><td colspan="2">4.5. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz)</td><td colspan="2">..... / từ ..... đến ..... (MHz)</td></tr>
<tr><td colspan="2">4.6. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz)</td><td colspan="2">..... / từ ..... đến ..... (MHz)</td></tr>
<tr><td colspan="2">4.7. Công suất phát (W)</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td colspan="2">4.8. Ký hiệu phát xạ</td><td colspan="2">Phát:..... /
Thu:.....</td></tr>
<tr><td rowspan="2">4.9. Địa điểm đặt thiết bị</td><td rowspan="2">Cố định</td><td colspan="2">Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:</td></tr>
<tr><td colspan="2">Tỉnh/thành phố:</td></tr>
</table>

	Di động	Tỉnh/thành phố/khu vực:.....		
5. ĂNG-TEN				
5.1. Tên (nhãn hiệu)/ Hãng sản xuất			5.2. Đường kính (m)	
5.3. Vị trí (tọa độ)		Kinh độ:..... E/ Vĩ độ:..... N		
5.4. Độ rộng búp sóng (º)		Phát:..... / Thu:.....		
5.5. Hệ số khuếch đại (dBi)		Phát:..... / Thu:.....		
5.6. Góc phương vị lớn nhất / nhỏ nhất (º)		...../	5.7. Góc ngẩng (º)	
5.8. Độ cao so với mặt đất (m)				
5.9. Phân cực phát		Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải		
5.10. Phân cực thu		Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải		
5.11. Giản đồ bức xạ phát		☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:		
5.12. Giản đồ bức xạ thu		☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:		
6. VỊ TRÍ (TỌA ĐỘ) CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC (nếu có)		Kinh độ :..... E/ Vĩ độ:..... N		
7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ (bổ sung các thông tin khác theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế - ITU khi có yêu cầu của Cơ quan quản lý)				
7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại của vệ tinh)				
7.2. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (º)				

7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp	
7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát của đài trái đất	Công suất đỉnh cực đại (dBW) ..... Công suất đỉnh cực tiểu (dBW).....
7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu của đài trái đất	Tỷ số C/N: ..... Nhiệt độ tạp âm máy thu (^{0}K): .....
7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh	Phát:..... /Thu.....
8. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu).

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m được dùng để kê khai cho một loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. ĐỀ NGHỊ

Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép lần đầu hoặc không đủ điều kiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép. Đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu "X" vào các mục đích tương ứng.

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

4.1. Kê khai tên/mã trạm mặt đất.

4.2. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng (đài trái đất đặt trên tàu bay/ đài trái đất di động/đài trái đất đặt trên mặt đất/đài trái đất đặt trên tàu biển/khác: ghi cụ thể)

4.3. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng (cả thu và phát, chỉ phát, chỉ thu)

4.4. Kê khai tên thiết bị hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.

4.5. Kê khai tần số phát đề nghị và ghi dải tần phát của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.6. Kê khai tần số thu đề nghị và ghi dải tần thu của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.7. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

4.8. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E;304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

4.9. Địa điểm đặt thiết bị:

Đối với thiết bị đặt cố định: kê khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

Đối với thiết bị di động khi hoạt động: kê khai phạm vi di động của thiết bị theo địa chỉ hành chính. ví dụ: di động trên địa bàn tỉnh A hoặc xã B tỉnh A, lưu động trên biển,...

5. ĂNG-TEN

5.1. Kê khai tên, ký hiệu ăng-ten theo tài liệu kỹ thuật. Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Parabol trụ, Parabol tròn xoay,...), khai tên hãng sản xuất ăng-ten.

5.2. Kê khai đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).

5.3. Kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt đối với trạm đặt cố định.

5.4. Kê khai độ rộng của búp sóng phát và độ rộng của búp sóng thu theo đơn vị độ (^{o}), ví dụ: độ rộng của búp sóng phát là 10 độ và độ rộng của búp sóng thu là 11 độ, ghi là: 10/11.

5.5. Kê khai hệ số khuếch đại phát và ghi hệ số khuếch đại thu của ăng-ten theo đơn vị dBi, ví dụ: 10 / 9.

5.6. Góc phương vị là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ. Kê khai góc phương vị lớn nhất và góc phương vị nhỏ nhất trong trường hợp ăng-ten quay, ví dụ: 15 / 10.

5.7. Kê khai góc giữa hướng của ăng-ten với phương thẳng đứng (phương vuông góc với trái đất).

5.8. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

5.9. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu "X" vào ô tương ứng "đứng" hoặc "ngang"; với phân cực tròn, đánh dấu "X" vào ô "trái" hoặc "phải".

5.10. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu "X" vào ô tương ứng "đứng" hoặc "ngang"; với phân cực tròn, đánh dấu "X" vào ô "trái" hoặc "phải".

5.11. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ phát của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

5.12. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ thu của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

6. VỊ TRÍ CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC

Kê khai vị trí tọa độ của trạm vệ tinh liên lạc (đối với trạm vệ tinh VSAT liên lạc 2 chiều – nếu có): kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ

7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU(hoặc tên thương mại): kê khai tên đăng ký của vệ tinh với ITU là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU hoặc kê khai tên thương mại là tên của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. Ví dụ: vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E và tên thương mại là IS802@174°E thì cách ghi một trong hai tên: INTELSAT8 174E hoặc IS802@174°E.

7.2. Vị trí quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây

7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: kê khai độ rộng băng thông (ví dụ: 8 MHz)

7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát: kê khai công suất đỉnh lớn nhất theo đơn vị dBW và công suất đỉnh nhỏ nhất theo đơn vị dBW.

7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu: kê khai tỷ số C/N (là tỷ số giữa công suất sóng mang và tạp âm) và kê khai nhiệt độ tạp âm máy thu (độ K), ghi nhiệt độ tạp âm (noise temperature) hoặc hệ số tạp âm (noise figure) của máy thu.

7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh: trước khi kê khai cần trao đổi với phía đối tác cung cấp dung lượng vệ tinh để ghi chính xác ký hiệu búp sóng phát và búp sóng thu vệ tinh (associated satellite receiving designation/associated satellite receiving designation). Ký hiệu này dài không quá 4 ký tự, được ghi trong hồ sơ đăng ký của vệ tinh với ITU. Lưu ý: búp sóng phát của vệ tinh là búp sóng phát của đài trái đất và ngược lại.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

10. Sửa đổi, bổ sung nội dung Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển)

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển) theo quy định và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn *05 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trong thời hạn *16 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép theo *mẫu 1m mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép và nêu rõ lý do. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng *16 ngày làm việc* của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện giải quyết hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; (Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ: + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, thành phố Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, thành phố Đà Nẵng).

	- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1m mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để ấn định tần số vô tuyến điện và cấp giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*- 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.* - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 16 ngày làm việc của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1m mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP)*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1m mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện	*Không*

thủ tục hành chính (nếu có)	
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……..	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1m

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1m

Áp dụng đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu)

Tờ số: ……/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: ……

<table>
<tr><td colspan="2">1. ĐỀ NGHỊ</td><td colspan="2">☐ Cấp
☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……..</td></tr>
<tr><td colspan="2">2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG</td><td colspan="2">☐ Thiết lập mạng viễn thông công cộng
☐ Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng
☐ Thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng PTTH
☐ Khác:.....</td></tr>
<tr><td colspan="4">3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)</td></tr>
<tr><td colspan="4">☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:……</td></tr>
<tr><td colspan="4">4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN</td></tr>
<tr><td colspan="2">4.1. Hô hiệu (tên/mã đài)</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td colspan="2">4.2. Loại đài:</td><td colspan="2">☐ Đài trái đất đặt trên tàu bay ☐ Đài trái đất di động
☐ Đài trái đất đặt trên tàu biển ☐ Đài trái đất cố định
☐ Khác:.....</td></tr>
<tr><td colspan="2">4.3. Loại thiết bị</td><td colspan="2">☐ Cả phát và thu ☐ Chỉ phát ☐ Chỉ thu</td></tr>
<tr><td colspan="2">4.4. Tên thiết bị/Hãng sản xuất</td><td colspan="2">..... / .....</td></tr>
<tr><td colspan="2">4.5. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz)</td><td colspan="2">..... / từ ..... đến ..... (MHz)</td></tr>
<tr><td colspan="2">4.6. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz)</td><td colspan="2">..... / từ ..... đến ..... (MHz)</td></tr>
<tr><td colspan="2">4.7. Công suất phát (W)</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td colspan="2">4.8. Ký hiệu phát xạ</td><td colspan="2">Phát:..... /
Thu:.....</td></tr>
<tr><td rowspan="2">4.9. Địa điểm đặt thiết bị</td><td rowspan="2">Cố định</td><td colspan="2">Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:</td></tr>
<tr><td colspan="2">Tỉnh/thành phố:</td></tr>
</table>

	Di động	Tỉnh/thành phố/khu vực:.....		
5. ĂNG-TEN				
5.1. Tên (nhãn hiệu)/ Hãng sản xuất			5.2. Đường kính (m)	
5.3. Vị trí (tọa độ)		Kinh độ:..... E/ Vĩ độ:..... N		
5.4. Độ rộng búp sóng (º)		Phát:..... / Thu:.....		
5.5. Hệ số khuếch đại (dBi)		Phát:..... / Thu:.....		
5.6. Góc phương vị lớn nhất / nhỏ nhất (º)		...../	5.7. Góc ngẩng (º)	
5.8. Độ cao so với mặt đất (m)				
5.9. Phân cực phát		Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải		
5.10. Phân cực thu		Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải		
5.11. Giản đồ bức xạ phát		☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:		
5.12. Giản đồ bức xạ thu		☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:		
6. VỊ TRÍ (TỌA ĐỘ) CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC (nếu có)		Kinh độ :..... E/ Vĩ độ:..... N		
7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ (bổ sung các thông tin khác theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế - ITU khi có yêu cầu của Cơ quan quản lý)				
7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại của vệ tinh)				
7.2. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (º)				

7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp	
7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát của đài trái đất	Công suất đỉnh cực đại (dBW) ..... Công suất đỉnh cực tiểu (dBW).....
7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu của đài trái đất	Tỷ số C/N: ..... Nhiệt độ tạp âm máy thu (^{0}K): .....
7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh	Phát:..... /Thu.....
8. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu).

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m được dùng để kê khai cho một loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. ĐỀ NGHỊ

Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép lần đầu hoặc không đủ điều kiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép. Đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu "X" vào các mục đích tương ứng.

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

4.1. Kê khai tên/mã trạm mặt đất.

4.2. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng (đài trái đất đặt trên tàu bay/ đài trái đất di động/đài trái đất đặt trên mặt đất/đài trái đất đặt trên tàu biển/khác: ghi cụ thể)

4.3. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng (cả thu và phát, chỉ phát, chỉ thu)

4.4. Kê khai tên thiết bị hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.

4.5. Kê khai tần số phát đề nghị và ghi dải tần phát của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.6. Kê khai tần số thu đề nghị và ghi dải tần thu của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.7. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

4.8. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E;304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

4.9. Địa điểm đặt thiết bị:

Đối với thiết bị đặt cố định: kê khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

Đối với thiết bị di động khi hoạt động: kê khai phạm vi di động của thiết bị theo địa chỉ hành chính. ví dụ: di động trên địa bàn tỉnh A hoặc xã B tỉnh A, lưu động trên biển,...

5. ĂNG-TEN

5.1. Kê khai tên, ký hiệu ăng-ten theo tài liệu kỹ thuật. Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Parabol trụ, Parabol tròn xoay,...), khai tên hãng sản xuất ăng-ten.

5.2. Kê khai đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).

5.3. Kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt đối với trạm đặt cố định.

5.4. Kê khai độ rộng của búp sóng phát và độ rộng của búp sóng thu theo đơn vị độ (^{o}), ví dụ: độ rộng của búp sóng phát là 10 độ và độ rộng của búp sóng thu là 11 độ, ghi là: 10/11.

5.5. Kê khai hệ số khuếch đại phát và ghi hệ số khuếch đại thu của ăng-ten theo đơn vị dBi, ví dụ: 10 / 9.

5.6. Góc phương vị là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ. Kê khai góc phương vị lớn nhất và góc phương vị nhỏ nhất trong trường hợp ăng-ten quay, ví dụ: 15 / 10.

5.7. Kê khai góc giữa hướng của ăng-ten với phương thẳng đứng (phương vuông góc với trái đất).

5.8. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

5.9. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu "X" vào ô tương ứng "đứng" hoặc "ngang"; với phân cực tròn, đánh dấu "X" vào ô "trái" hoặc "phải".

5.10. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu "X" vào ô tương ứng "đứng" hoặc "ngang"; với phân cực tròn, đánh dấu "X" vào ô "trái" hoặc "phải".

5.11. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ phát của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

5.12. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ thu của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

6. VỊ TRÍ CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC

Kê khai vị trí tọa độ của trạm vệ tinh liên lạc (đối với trạm vệ tinh VSAT liên lạc 2 chiều – nếu có): kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ

7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU(hoặc tên thương mại): kê khai tên đăng ký của vệ tinh với ITU là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU hoặc kê khai tên thương mại là tên của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. Ví dụ: vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E và tên thương mại là IS802@174°E thì cách ghi một trong hai tên: INTELSAT8 174E hoặc IS802@174°E.

7.2. Vị trí quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây

7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: kê khai độ rộng băng thông (ví dụ: 8 MHz)

7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát: kê khai công suất đỉnh lớn nhất theo đơn vị dBW và công suất đỉnh nhỏ nhất theo đơn vị dBW.

7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu: kê khai tỷ số C/N (là tỷ số giữa công suất sóng mang và tạp âm) và kê khai nhiệt độ tạp âm máy thu (độ K), ghi nhiệt độ tạp âm (noise temperature) hoặc hệ số tạp âm (noise figure) của máy thu.

7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh: trước khi kê khai cần trao đổi với phía đối tác cung cấp dung lượng vệ tinh để ghi chính xác ký hiệu búp sóng phát và búp sóng thu vệ tinh (associated satellite receiving designation/associated satellite receiving designation). Ký hiệu này dài không quá 4 ký tự, được ghi trong hồ sơ đăng ký của vệ tinh với ITU. Lưu ý: búp sóng phát của vệ tinh là búp sóng phát của đài trái đất và ngược lại.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

11. Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Cục Tần số vô tuyến điện cấp)

Trình tự thực hiện	- Trường hợp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện (đối với: thiết bị phát thanh, truyền hình; tuyến truyền dẫn vi ba; đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển); các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1h1, 1i, 1m) bị mất, bị hư hỏng, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn *05 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trong thời hạn *03 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện cấp đổi giấy phép theo mẫu tương ứng quy định tại *mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*; trường hợp từ chối cấp đổi giấy phép có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; (Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ: + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, thành phố Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, thành phố Đà Nẵng). - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện (theo mẫu tương ứng cho từng loại thiết bị vô tuyến điện tại mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP).*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Mẫu 4

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI GIA HẠN, CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: ……..

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1.Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):… Ngày sinh: ……	
1.2.Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): ……..……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại/ Email:……	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
• 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	

4. GIA HẠN

Số giấy phép(1)	**Thời gian đề nghị gia hạn(2)**
...	...

5. CẤP ĐỔI

Số giấy phép(1)	**Lý do cấp đổi(2)**

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Emailcủa tổ chức/cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Mục 4 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn.

(2). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).

Mục 5 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị cấp đổi.

(2). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,....).

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

12. Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Tổ chức hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh theo quy định tại *điểm A.XI.1 Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/NQ-CP* và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trong thời hạn *05 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị cấp giấy phép để lấy ý kiến của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an. - Trong thời hạn *08 ngày làm việc* kể từ ngày Cục Tần số vô tuyến điện gửi văn bản, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản. - Trong thời hạn *15 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an, Cục Tần số vô tuyến điện cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép *theo Mẫu 3 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* hoặc từ chối cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; (Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ: + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, thành phố Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, thành phố Đà Nẵng). - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *Bản khai đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh theo Mẫu 3 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*

	2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh (Mẫu 3a (đối với vệ tinh địa tĩnh), Mẫu 3b (đối với vệ tinh phi địa tĩnh) tại mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP).*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Bản khai đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh theo Mẫu 3 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Có phương án sử dụng quỹ đạo vệ tinh hiệu quả, khả thi vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm.*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.*

Mẫu 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện.

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ			
1.1. Số định danh/Mã số thuế	Số		
	Địa chỉ trụ sở chính		
1.2. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu		□ Đồng ý □ Không đồng ý
1.3. Địa chỉ liên lạc	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
	Tỉnh/thành phố:		
1.4. Số điện thoại/ Email			
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia		
3. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI	□ Cấp □ Gia hạn cho giấy phép số ……. □ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……		

4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp, gia hạn)	□ 15 năm □ Khác:……
5. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
6. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

7. TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:

7.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.

7.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

7.3. Chấp hành quy định pháp luật về sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh và thiết bị vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện.

7.4. Chấp hành quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế liên quan tới sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh.

7.5. Nộp phí, lệ phí theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế liên quan tới sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh cho tần số/quỹ đạo vệ tinh sử dụng (nếu có).

7.6. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của tổ chức)

Họ và tên

PHỤ LỤC THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC QUỸ ĐẠO VỆ TINH

1. SỐ LIỆU VỆ TINH	
1.1. Tên vệ tinh (tên thương mại)	
1.2. Vị trí quỹ đạo (đối với vệ tinh địa tĩnh)	
1.3. Số mặt phẳng quỹ đạo (đối với vệ tinh phi địa tĩnh)	
1.4. Nhà sản xuất vệ tinh	
1.5. Khung vệ tinh	
1.6. Ngày phóng vệ tinh	
1.7. Tên tổ chức, doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh	

2. BĂNG TẦN

Băng tần	Dải tần số ấn định theo từng bộ phát đáp (MHz)	Phân cực	Độ rộng băng thông bộ phát đáp (MHz)	Số lượng bộ phát đáp	Vùng phủ/vùng dịch vụ
S	Tx_1:				
	Rx_1:				
C	Tx_1:				
	Rx_1:				
X	Tx_1:				
	Rx_1:				
Ku	Tx_1:				
	Rx_1:				
Ka	Tx_1:				

	Rx_1:				
Khác	Tx_1:				
	Rx_1:				
Tổng số bộ phát đáp sử dụng					

3. THAM SỐ HOẠT ĐỘNG CỦA VỆ TINH	
Tham số hoạt động của vệ tinh (vùng phủ, phát xạ, giản đồ ăng-ten, . . .) tuân theo giới hạn được đăng ký với Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU) tại hồ sơ vệ tinh của mục 4 của bản khai.	

4. HỒ SƠ VỆ TINH

(Vệ tinh có thể được đăng ký với ITU với nhiều bộ hồ sơ)

	Hồ sơ 1	Hồ sơ 2	Hồ sơ 3
4.1. Hồ sơ vệ tinh với ITU *(Tên mạng vệ tinh đăng ký với ITU)*			
4.2. Số nhận dạng mạng vệ tinh			
4.3. Ngày đưa vệ tinh vào sử dụng			
4.4. Ngày xác định quyền ưu tiên			
4.5. Mã hồ sơ			
▪ API/A/			
▪ CR/C			
▪ RES49/			
▪ Part I-S			
▪ Part II-S			
▪ Part III-S			
4.6. Vệ tinh địa tĩnh			
▪ Ví trí quỹ đạo			

▪ Độ lệch trái			
▪ Độ lệch phải			
▪ Độ lệch nghiêng			
4.7. Vệ tinh phi địa tĩnh			
4.7.1. Số mặt phẳng quỹ đạo			
4.7.2. Vật thể tham chiếu			

4.7.3. Thông tin của mỗi mặt phẳng trong đó trái đất là vật thể tham chiếu

Số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo	Số vệ tinh trong mặt phẳng quỹ đạo này	Chu kỳ	Điểm cực viễn (km)	Điểm cực cận (km)

5. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)

Hướng dẫn kê khai bản khai đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Đối với cấp: phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai, các thông số kỹ thuật khai thác tại phụ lục (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Đối với gia hạn: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại Mục 1, 2, 3, 4, 5 trong bản khai. Tại Mục 3 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị gia hạn.

- Đối với sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại Mục 1. Tại Mục 3 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung. Các trường thông tin khác trong bản khai thông số kỹ thuật, khai thác tại phụ lục chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép, các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857;

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504 Fax: 0210.3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 3 Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết bằng chữ in hoa tên hợp pháp của tổ chức đề nghị cấp phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/Số định danh).

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/Số định danh.

Mục 1.2. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu "X" vào ô "Đồng ý" hoặc "Không đồng ý" nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Mục 1.3. Kê khai địa chỉ liên lạc của tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại/email liên hệ tổ chức đề nghị cấp phép hoặc số điện thoại/email của cá nhân trực tiếp phụ trách về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép.

Mục 2. Tổ chức lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các mục trả kết quả theo quy định.

	- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức kê khai tại mục 1.4. - Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quôc gia. Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.
Mục 3	Đánh dấu (X) vào ô tương ứng đối với trường hợp cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung. Trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung ghi kèm số giấy phép cần gia hạn, sửa đổi, bổ sung.
Mục 4	Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2033" (ghi theo ngày/tháng/năm).
Mục 5	Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp. Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng: Đánh dấu "X" vào ô 01 lần: nếu tổ chức đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
Mục 6	Ghi các thông tin khác ngoài các thông tin nêu trên nếu có.
Ký tên, đóng dấu	- Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính: Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép. - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Phụ lục Thông số kỹ thuật, khai thác quỹ đạo vệ tinh

1. SỐ LIỆU VỆ TINH

1.1 Tên vệ tinh (tên thương mại): là tên thương mại của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác, ví dụ: VINASAT-1.

1.2. Kê khai đối với vệ tinh địa tĩnh: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ và theo hướng Đông/Tây.

1.3. Kê khai đối với vệ tinh phi địa tĩnh: ghi rõ số lượng mặt phẳng quỹ đạo.

1.4. Nhà sản xuất vệ tinh: tên nhà sản xuất vệ tinh, ví dụ: Lockheed Martin.

1.5. Khung vệ tinh: là tên khung vệ tinh mà quả vệ tinh được sản xuất, ví dụ: khung A2100 của LOCKHEED MARTIN.

1.6. Ngày phóng vệ tinh: ngày đưa vệ tinh vào quỹ đạo, ghi ngày/tháng/năm.

1.7. Tên tổ chức, doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh: là tên tổ chức, doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh.

2. BĂNG TẦN

- Băng tần: băng tần sử dụng của vệ tinh, ví dụ: băng tần S, C, X, Ku, Ka hoặc băng tần khác thì ghi vào mục khác.

- Dải tần số ấn định (MHz): kê khai tần số đề nghị sử dụng từ tần số cao đến tần số thấp (đơn vị MHz), ví dụ: 3400-3700 (MHz), 6425-6725 (MHz).

- Phân cực: loại phân cực được vệ tinh sử dụng.

Tuyến tính	□ Đứng	và/hoặc	□ Ngang
Tròn	□ Trái	và/hoặc	□ Phải

- Số lượng bộ phát đáp: ghi rõ số lượng bộ phát đáp cho từng loại băng tần, ví dụ: dòng Ku, cột số lượng bộ phát đáp ghi 12, có nghĩa có 12 bộ băng tần Ku.

- Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: độ rộng thực tế của các bộ phát đáp, ví dụ: 12 bộ phát đáp băng Ku có độ rộng 36MHz, 01 bộ phát đáp băng Ku có độ rộng băng tần 54MHz thì ghi tương ứng 36MHz với 12 bộ phát đáp và ghi 54MHz với 01 bộ phát đáp.

Băng tần	Dải tần số ấn định theo từng bộ phát đáp (MHz)	Phân cực	Độ rộng băng thông bộ phát đáp (MHz)	Số lượng bộ phát đáp	Vùng phủ

C	Tx_1: 3406-3442	Đứng	36	12	
	Rx_1:6431-6467	Đứng	36		
	Tx_2: 3446-3482		36		
	Rx_2:6471-6507		36		
	…..		…		
	Tx_{12}: …		36		
	Rx_{12}:..		36		

- Vùng phủ/ vùng dịch vụ: bao gồm tên nước, khu vực tương ứng với vùng phủ của mỗi loại băng tần.

3. THAM SỐ HOẠT ĐỘNG CỦA VỆ TINH

Ghi mã hồ sơ của vệ tinh được ITU ấn định (ví dụ: mã hồ sơ của vệ tinh Intelsat8 174E là: AR11/A/864; AR11/C/2311).

4. HỒ SƠ VỆ TINH

4.1 . Hồ sơ vệ tinh với ITU: là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU. Lưu ý là tên này thường khác với tên thương mại mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. Ví dụ: vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên thương mại là IS802@174°E khác với tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E.

4.2 . Số nhận dạng mạng vệ tinh: ghi số hiệu của mạng vệ tinh đã được ITU công nhận, ví dụ: VINASAT-4A2 giai đoạn CR/C có số nhận dạng 101520356.

4.3 . Ngày đưa vệ tinh vào sử dụng: ghi theo ngày/tháng/năm.

4.4 . Ngày xác định quyền ưu tiên (ghi theo ngày/tháng/năm): ghi ngày đăng ký bộ hồ sơ yêu cầu phối hợp gửi ITU và được ITU chấp thuận.

4.5 . Mã hồ sơ đăng ký của vệ tinh: ghi mã hồ sơ của vệ tinh được ITU ấn định (ví dụ: mã hồ sơ của vệ tinh Intelsat8 174E là: AR11/A/864; AR11/C/2311)

4.6 . Kê khai đối với vệ tinh địa tĩnh:

- Vị trí quỹ đạo vệ tinh: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ và theo hướng Đông/Tây.

- Độ lệch trái (theo độ): độ lệch về bên trái so với vị trí quỹ đạo.

- Độ lệch phải (theo độ): độ lệch về bên phải so với vị trí quỹ đạo.

- Độ lệch nghiêng (theo độ).

4.7. Kê khai đối với vệ tinh phi địa tĩnh.

4.7.1. Số mặt phẳng quỹ đạo: ghi rõ số lượng mặt phẳng quỹ đạo.

4.7.2. Vật thể tham chiếu: là trái đất, mặt trăng, mặt trời, ...

4.7.3. Thông tin của mỗi mặt phẳng trong đó trái đất là vật thể tham chiếu bao gồm các thông tin: số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo, góc nghiêng, số lượng vệ tinh trong mặt phẳng quỹ đạo, chu kỳ, độ cao điểm cực viễn tính theo km, độ cao điểm cực cận tính theo km cho mỗi hồ sơ.

5. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Ghi các thông tin khác không có trong bản khai nếu có.

13. Cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với doanh nghiệp được triển khai thí điểm có kiểm soát dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp.

Trình tự thực hiện:	- Doanh nghiệp nộp đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với doanh nghiệp được triển khai thí điểm có kiểm soát dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với doanh nghiệp được triển khai thí điểm có kiểm soát dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp hoặc từ chối cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; (Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ: + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, thành phố Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, thành phố Đà Nẵng). - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: Bản khai đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 88/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết:	14 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp (Theo khoản 1, Điều 13, Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội).
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với doanh nghiệp được triển khai thí điểm có kiểm soát dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp (theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 88/2025/NĐ-CP).
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):	Bản khai đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 88/2025/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 09/2022/QH15 ngày 09 tháng 11 năm2022. - Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. - Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

	- Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 (Thông tư số 265/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung). - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.*

Mẫu số 05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện.

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ	
1.1. Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: …… Cơ quan quản lý thuế: ……..	
1.2. Địa chỉ liên lạc: …….	
1.3. Số điện thoại liên hệ: …… 1.4. Email: ……	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐ Trực tiếp ☐ Dịch vụ bưu chính ☐ Trực tuyến
3. ĐẦU MỐI LIÊN LẠC TRONG TRƯỜNG HỢP XẢY RA NHIỄU CÓ HẠI 3.1. Điện thoại: 3.2. Email:	
4. BẢN KHAI	☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số…... ……..
5. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH	Số: . Ngày cấp: Ngày hết hạn:
6. CÁC LOẠI THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI	
LOẠI THIẾT BỊ THỨ... (NHẤT,HAI,...)	☐ Cố định ☐ Di động
a) Tên thiết bị	
b) Công suất phát lớn nhất (W)/EIRP lớn nhất (dBW)	
c) Dải tần phát (MHz)	Từ (MHz) đến (MHz)

d) Dải tần thu (MHz)		Từ (MHz) đến (MHz)
đ) Ký hiệu phát xạ		
e) Ăng ten	Kích thước (cm)	
	Hệ số khuếch đại (dBi)	Phát: /Thu:
	Phân cực phát	
	Phân cực thu	
	Góc ngẩng nhỏ nhất (°) đối với thiết bị đặt cố định trên mặt đất	
7. THÔNG TIN VỀ VỆ TINH (ĐÀI KHÔNG GIAN)		
7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU: 7.2. Tên thương mại của vệ tinh: 7.3. Số hồ sơ đăng ký với ITU:		
8. CÁC THÔNG TIN KHÁC		

9. TỔ CHỨC ... CAM KẾT:

9.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện tử theo quy định.

9.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

9.3. Tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật và khai thác theo quy định của Liên minh viễn thông quốc tế đối với hoạt động của vệ tinh phi địa tĩnh.

9.4. Thực hiện phối hợp với các hệ thống vệ tinh mà Việt Nam đã đăng ký hoặc sẽ đăng ký với Liên minh Viễn thông quốc tế; không gây cản trở hoặc ảnh hưởng bất lợi đến việc triển khai trong tương lai hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh của Việt Nam.

9.5. Việc sử dụng tần số phải bảo đảm không gây nhiễu có hại cho và không được bảo vệ khỏi nhiễu từ các thiết bị vô tuyến, điện được cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện tại Việt Nam và các hệ thống thông tin liên lạc phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh; trường hợp gây nhiễu có hại phải ngừng ngay việc sử dụng cho đến khi khắc phục được nhiễu có hại. Việc sử dụng tần số và xử lý nhiễu có hại giữa các hệ thống vệ tinh phi địa tĩnh thực hiện theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế.

9.6. Lưu trữ, cung cấp thông tin về thông số kỹ thuật, khai thác của thiết bị vô tuyến điện bao gồm cả vị trí của thiết bị cố định, khu vực hoạt động và số đăng ký của phương tiện đặt thiết bị khi có yêu cầu của cơ quan quản lý.

9.7. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

……, ngày ….. tháng ….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền
đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI BẢN KHAI

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với mạng đài trái đất liên lạc với chùm vệ tinh.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

Viết tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức.

1.2. Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức.

1.3. Kê khai số điện thoại liên hệ của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

1.4. Kê khai địa chỉ email của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ

Tổ chức lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức kê khai tại mục 1.2.

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tuyến" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua phương thức điện tử.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính.

3. ĐẦU MỐI LIÊN LẠC TRONG TRƯỜNG HỢP XẢY RA NHIỄU CÓ HẠI

Kê khai đầu mối liên lạc (điện thoại, email) để phối hợp khi có yêu cầu của cơ quan quản lý. Khi thay đổi đầu mối liên lạc phải thông báo cho cơ quan quản lý.

4. BẢN KHAI

Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số..." và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Kê khai tất cả các thông số trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác khi đề nghị cấp.

Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

5. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH

Kê khai số giấy phép thiết lập mạng viễn thông, ngày cấp và ngày hết hạn của giấy phép nếu thuộc đối tượng phải có giấy phép viễn thông theo quy định về viễn thông.

6. CÁC LOẠI THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI

Có thể kê khai nhiều loại thiết bị trong một bản khai.

Trường hợp mạng có nhiều loại thiết bị khác nhau, có thể kê khai lần lượt theo thứ tự loại thiết bị thứ hai, thứ ba, thứ tư,... và kê khai lần lượt các mục tương ứng. Các thiết bị cùng loại, có thông số giống nhau kê khai 01 lần.

LOẠI THIẾT BỊ THỨ ... (NHẤT, HAI,...)

Đánh dấu "X" tại ô cố định đối với trường hợp thiết bị cố định. Đánh dấu "X" tại ô di động đối với trường hợp thiết bị di động.

- Tên thiết bị: Kê khai tên thiết bị hoặc ký hiệu (model) của thiết bị.

- Công suất phát lớn nhất (W): Kê khai mức công suất phát lớn nhất thiết kế của thiết bị (W).

- Dải tần phát (MHz): Kê khai dải tần phát của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

- Dải tần thu (MHz): Kê khai dải tần thu của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

- Ký hiệu phát xạ: Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 240MD7W, 62M5D7W...

- Ăng-ten: Kê khai các thông số của ăng-ten bao gồm:

+ Kích thước: Kê khai kích thước của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng xăng ti mét (cm).

+ Hệ số khuếch đại: Kê khai hệ số khuếch đại phát và hệ số khuếch đại thu của ăng-ten theo đơn vị dBi, ví dụ: 10/9.

+ Phân cực phát: Kê khai phân cực phát của ăng-ten: Ví dụ: Với phân cực tuyến tính, ghi rõ "đứng" hoặc "ngang"; với phân cực tròn, ghi rõ "trái" hoặc "phải" hoặc trường hợp khác.

+ Phân cực thu: Kê khai phân cực thu của ăng-ten: Ví dụ: Với phân cực tuyến tính, ghi rõ "đứng" hoặc "ngang"; với phân cực tròn, ghi rõ "trái" hoặc "phải" hoặc trường hợp khác.

+ Góc ngẩng nhỏ nhất đối với thiết bị đặt cố định trên mặt đất: Kê khai góc nhỏ nhất giữa hướng của ăng-ten với mặt phẳng nằm ngang.

7. THÔNG TIN VỀ VỆ TINH (ĐÀI KHÔNG GIAN)

7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU: Kê khai tên đăng ký của vệ tinh với ITU là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU.

7.2. Tên thương mại của vệ tinh: Kê khai tên thương mại là tên của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác.

7.3. Số hồ sơ đăng ký với ITU: Kê khai số hồ sơ đăng ký với ITU.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin cần bổ sung chưa có trong bản khai nếu có.

Ký tên, đóng dấu
(Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép)

14. Cấp Giấy phép sử dụng băng tần sau khi chuyển nhượng

Trình tự thực hiện	- Tổ chức hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng băng tần sau khi chuyển nhượng theo quy định và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng băng tần cho tổ chức đề nghị nhận chuyển nhượng theo *Mẫu 2 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*; trường hợp từ chối cấp giấy phép có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; (Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ: + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, thành phố Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, thành phố Đà Nẵng). - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - *Bản khai theo Mẫu 2 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng băng tần (Mẫu 2 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP)*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Bản khai theo Mẫu 2 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Tổ chức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện phải có đủ điều kiện được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng phù hợp với băng tần, kênh tần số nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về viễn thông và phải kế thừa đầy đủ các nghĩa vụ của tổ chức chuyển nhượng. - Tổng độ rộng băng tần được phép sử dụng của tổ chức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện sau khi nhận chuyển nhượng không vượt quá giới hạn tổng độ rộng băng tần mà một tổ chức được phép sử dụng quy định tại quy hoạch băng tần. - Các bên tham gia chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện có trách nhiệm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông theo hợp đồng sử dụng dịch vụ viễn thông đã giao kết.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý

	và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 04 năm 2026 của Chính phủ về Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. - *Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.*

Mẫu 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI, GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TẦN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện.

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ				
1.1. Số định danh/Mã số thuế	Số			
	Địa chỉ trụ sở chính			
1.2. Giấy phép viễn thông theo quy định	Số		Ngày cấp	
	Thời hạn	Từ ngày: ……Đến ngày: …….		
1.3. Tài khoản	Số			
	Ngân hàng			
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	□ Đồng ý □ Không đồng ý		
1.4. Địa chỉ liên lạc	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:			
	Tỉnh/thành phố:			
1.5. Số điện thoại/ Email				
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG				
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp, cấp lại, gia hạn)	□ 15 năm □ Khác:……			
4. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia			
5. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)				
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép				
6. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI	□ Cấp □ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số ……. □ Gia hạn cho giấy phép số …… . □ Cấp lại			
7. PHẠM VI PHỦ SÓNG				
8. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHUNG	8.1. Đoạn băng tần sử dụng			
	8.2. Công nghệ sử dụng			

	8.2.1. Tiêu chuẩn công nghệ	
	8.2.2. Các mức giới hạn phát xạ	
	8.3. Các tham số khác (nếu có)	
9. CẤU HÌNH MẠNG LƯỚI (nếu có)		
10. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)		

11. TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:

11.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.

11.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

11.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng – ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

11.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Đối với cấp, cấp lại: phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Đối với gia hạn: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại các Mục 1, 3, 4, 5, 6 trong bản khai. Tại Mục 6 ghi cụ thể số giấy phép đề nghị gia hạn.

- Đối với sửa đổi, bổ sung: kê khai đầy đủ các trường thông tin tại Mục 1 và chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép tại các mục khác của bản khai trừ Mục 3. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Khoa học và Công nghệ,

Số 115 Trần Duy Hưng - Phường Yên Hòa - Hà Nội

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: Số 115 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.35564919;

Fax: 024.35564913

Khu vực 2: Số 45 đường Trần Lựu, phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37404179;

Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Số 539 - Đường Trần Hưng Đạo - Phường An Hải - Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3933545;

Fax: 0236.3933707

Khu vực 5: Số 783 Tôn Đức Thắng - Phường Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3827857/

Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 364 Đại lộ Lê Nin - Phường Trường Vinh - tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3833511;

Fax: 0238.3849518

Khu vực 7: Tổ 6 - Thôn Phú Thạnh - Phường Tây Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258.3892567;

Fax: 0258.3824410.

Khu vực 4: số 170 Đường Nguyễn Văn Cừ - Phường An Bình - Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0292.3832760;

Fax: 0292.3887087

Khu vực 8: Ngõ 460 - Đường Trần Phú - Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504 Fax: 0210.3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 2: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần.

Mục 1. Viết bằng chữ in hoa tên hợp pháp của tổ chức cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng băng tần (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/Số định danh).

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/Số định danh.

Mục 1.2. Kê khai theo Giấy phép viễn thông tương ứng theo quy định của pháp luật về viễn thông. Trường hợp đang thực hiện thủ tục gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông tương ứng, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp văn bản chứng minh việc đã nộp hồ sơ gia hạn, sửa đổi, cấp lại giấy phép viễn thông và bổ sung thông tin về Giấy phép viễn thông tương ứng được cấp để hoàn thiện bản khai.

Mục 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu "X" vào ô "Đồng ý" hoặc "Không đồng ý" nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Mục 1.4. Kê khai địa chỉ liên lạc của tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức.

Mục 1.5. Kê khai số điện thoại/email liên hệ tổ chức đề nghị cấp phép hoặc số điện thoại/email của cá nhân trực tiếp phụ trách về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép.

Mục 2. Ghi rõ sử dụng băng tần cho mục đích gì, ví dụ: cung cấp dịch vụ thông tin di động toàn quốc, thử nghiệm công nghệ mới, …

Mục 3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2033" (ghi theo ngày/tháng/năm).

Mục 4. Tổ chức lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các mục trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức kê khai tại mục 1.4.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 5. Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức phải nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

Đánh dấu "X" vào ô 01 lần: nếu tổ chức đồng ý nộp 01 lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Mục 6. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng đối với trường hợp cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung. Trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung ghi kèm số giấy phép cần gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

Mục 7. Kê khai phạm vi phủ sóng đề nghị cấp phép: tên các địa phương (ví dụ: tỉnh/thành phố, xã/phường…) nằm trong vùng phủ sóng hoặc toàn quốc.

Mục 8. Các thông số kỹ thuật chung:

8.1. Kê khai đoạn băng tần đề nghị cấp phép sử dụng.

8.2. Kê khai các công nghệ sử dụng ứng với đoạn băng tần. Ví dụ: WCDMA, GSM…. (trường hợp sử dụng đồng thời nhiều loại công nghệ trên cùng một băng tần thì kê khai hết các công nghệ mà doanh nghiệp đang sử dụng).

8.2.1. Kê khai tiêu chuẩn công nghệ sử dụng.

8.2.2. Kê khai các mức giới hạn phát xạ (phát xạ giả, phát xạ trong băng, phát xạ ngoài băng...).

Mục 9.	Kê khai cấu hình mạng lưới.
Mục 10.	Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.
Ký tên, đóng dấu	- Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính: ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

15. Cấp đổi giấy phép sử dụng băng tần

Trình tự thực hiện	- Trường hợp giấy phép bị mất, bị hư hỏng, tổ chức hoàn hiện hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép sử dụng băng tần theo quy định *tại điểm A.XV.2 Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/NQ-CP* và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, tổ chức phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định; - Trong thời hạn *05 ngày làm việc*, Cục Tần số vô tuyến điện cấp đổi giấy phép sử dụng băng tần theo mẫu 2 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; trường hợp từ chối cấp giấy phép có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; (Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ: + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, thành phố Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, thành phố Đà Nẵng). - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai theo mẫu 5 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng băng tần (Mẫu 2 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP).*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Bản khai theo mẫu 5 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.*

Mẫu 5

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BẰNG TẦN/ GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh/Mã số thuế:……	
1.2. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.3. Số điện thoại/ Email:……	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□Trực tiếp □Dịch vụ bưu chính □Cổng Dịch vụ công quốc gia

3. CẤP ĐỔI

Số giấy phép(1)	**Lý do cấp đổi(5)**
…	

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp đổi

Mục 1. Viết tên của tổ chức đề nghị cấp đổi (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/Số định danh). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/Số định danh.

Mục 1.2. Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ.

Mục 1.3. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức đề nghị cấp đổi để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô “Cổng Dịch vụ công quốc gia” thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3	(1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị cấp đổi. (2). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,....).
Ký tên, đóng dấu	- Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính: + Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

16. Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Trường hợp giấy phép bị mất, bị hư hỏng, tổ chức hoàn hiện hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép sử dụng băng tần theo quy định *tại điểm A.XI.2 Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/NQ-CP* và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trong thời hạn *03 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện cấp đổi giấy phép theo Mẫu 3 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết này; trường hợp từ chối cấp đổi giấy phép có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; (Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ: + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, thành phố Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, thành phố Đà Nẵng). - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai theo mẫu 5 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh (Mẫu 3 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP).*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Bản khai theo mẫu 5 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.*

Mẫu 5

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BẰNG TẦN/ GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ	
1.2. Số định danh/Mã số thuế:……	
1.2. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.3. Số điện thoại/ Email:……	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	☐Trực tiếp ☐Dịch vụ bưu chính ☐Cổng Dịch vụ công quốc gia

3. CẤP ĐỔI

Số giấy phép(1)	**Lý do cấp đổi(5)**
…	

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp đổi

Mục 1. Viết tên của tổ chức đề nghị cấp đổi (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/Số định danh). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/Số định danh.

Mục 1.2. Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ.

Mục 1.3. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức đề nghị cấp đổi để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô “Cổng Dịch vụ công quốc gia” thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3	(1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị cấp đổi. (2). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,....).
Ký tên, đóng dấu	- Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính: + Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1. Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá

Trình tự thực hiện:	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá theo quy định và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: - *Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* - *Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1c mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bất kỳ thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (*Mẫu 1c mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*)
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- *Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* - *Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1c mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.

	- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……...	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1c

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1c

Áp dụng đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá

□ Cấp ……..… □ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số …….

Tờ số: ……/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: ……

1. TÊN CHỦ TÀU CÁ	
2. SỐ ĐĂNG KÝ TÀU CÁ	

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)

□ 1 năm □ 2 năm □ 3 năm □ 10 năm □ Khác:……

4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN HOẠT ĐỘNG TRÊN CÁC BĂNG TẦN QUY HOẠCH CHO PHƯƠNG TIỆN NGHỀ CÁ

LOẠI THIẾT BỊ (MF, HF, VHF)	**TÊN THIẾT BỊ**	**CÔNG SUẤT PHÁT (W)**	**DẢI TẦN HOẠT ĐỘNG từ. . . .đến . . . (MHz)**	**THÔNG TIN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**
				□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị .....
				□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị .....
				□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị .....

				□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị .....

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH TÀU CÁ QUA VỆ TINH	
5.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất	..... / .....
5.2. Dải tần số phát đề nghị (MHz)	từ ..... đến ..... (MHz)
5.3. Dải tần số thu đề nghị (MHz)	từ ..... đến ..... (MHz)
5.4. Tên vệ tinh liên lạc	
5.5. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (°)	
5.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung	□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị .....
6. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

Hướng dẫn kê khai bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1c

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá

- Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tàu cá kê khai trong một tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai cho nhiều tàu cá. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của từng tờ kèm theo tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1c.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1c khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1c khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. TÊN CHỦ TÀU CÁ

Ghi tên chủ của tàu cá.

2. SỐ ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

Ghi số đăng ký tàu cá.

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thi hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN HOẠT ĐỘNG TRÊN CÁC BĂNG TẦN QUY HOẠCH CHO ĐÀI VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐẶT TRÊN PHƯƠNG TIỆN NGHỀ CÁ

- Kê khai loại thiết bị, ví dụ: MF/HF, VHF,...

- Kê khai tên của thiết bị, ví dụ: Yeasu FT-450, Vertex VX-1700,...

- Kê khai công suất phát theo thiết kế chế tạo của thiết bị của thiết bị theo đơn vị Watt (W)

- Kê khai dải tần số phát, thu mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 4

+ Đánh dấu "X" vào ô "Bổ sung" đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 4.

+ Đánh dấu "X" vào ô "Hủy bỏ" đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị.

+ Đánh dấu "X" vào ô "Thay thế cho thiết bị" và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 4

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH TÀU CÁ QUA VỆ TINH

5.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị. Ví dụ: MARINESTAR MNB-01, ST6100, BK88VN, BA-SAT-01,...

5.2. Kê khai dải tần số phát đề nghị theo đơn vị MHz, ví dụ: 1616-1626,5MHz; 1626,5-1660,5MHz.

5.3. Kê khai dải tần số thu đề nghị theo đơn vị MHz, ví dụ: 1616-1626,5MHz; 1525-1559MHz.

5.4. Kê khai tên vệ tinh liên lạc. Ví dụ: Inmarsat-I4, Thuraya,...

5.5. Kê khai vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây. Ví dụ: 143,5°E

5.6. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 5

- Đánh dấu "X" vào ô "Bổ sung" đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

- Đánh dấu "X" vào ô "Hủy bỏ" đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

- Đánh dấu "X" vào ô "Thay thế cho thiết bị" và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.

2. Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá.

Trình tự thực hiện:	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày và tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép không vượt quá 10 năm, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá theo quy định tại *khoản A.XXV Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trong thời hạn *05 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gia hạn giấy phép theo *Mẫu 1c quy định tại mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*; trường hợp từ chối gia hạn giấy phép, có văn bản và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	*05 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (Việc gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (*Mẫu 1c mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*).
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa

	đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.*

Mẫu 4

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI GIA HẠN, CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: ……..

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1.Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):… Ngày sinh: ……	
1.2.Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): ……..……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại/ Email:……	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
• 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	

4. GIA HẠN

Số giấy phép(1)	**Thời gian đề nghị gia hạn(2)**
...	...

5. CẤP ĐỔI

Số giấy phép(1)	**Lý do cấp đổi(2)**

…	

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Emailcủa tổ chức/cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Mục 4 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn.

(2). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).

Mục 5 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị cấp đổi.

(2). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,....).

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

3. Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá.

Trình tự thực hiện:	Trường hợp giấy phép bị mất hoặc bị hư hỏng, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá theo quy định tại *khoản A.XXV Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trong thời hạn *03 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp đổi giấy phép theo *Mẫu 1c quy định tại mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*; trường hợp từ chối cấp đổi giấy phép, có văn bản và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ *- Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	*03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (Việc cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (*Mẫu 1c mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*)
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm	*Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

	- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Mẫu 4

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI GIA HẠN, CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: ……

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1.Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):… Ngày sinh: ……	
1.2.Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): ……..……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại/ Email:……	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
• 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	

4. GIA HẠN

Số giấy phép(1)	**Thời gian đề nghị gia hạn(2)**
...	...

5. CẤP ĐỔI

Số giấy phép(1)	**Lý do cấp đổi(2)**

…	

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Emailcủa tổ chức/cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Mục 4 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn.

(2). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).

Mục 5 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị cấp đổi.

(2). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,....).

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

4. Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá

Trình tự thực hiện:	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá theo quy định và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1c mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (Việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (*Mẫu 1c mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*)
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1c mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.

	- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……...	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1c

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1c

Áp dụng đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá

□ Cấp ……..… □ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số …….

Tờ số: ……/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: ……

1. TÊN CHỦ TÀU CÁ	
2. SỐ ĐĂNG KÝ TÀU CÁ	

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)

□ 1 năm □ 2 năm □ 3 năm □ 10 năm □ Khác:…….

4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN HOẠT ĐỘNG TRÊN CÁC BĂNG TẦN QUY HOẠCH CHO PHƯƠNG TIỆN NGHỀ CÁ

LOẠI THIẾT BỊ (MF, HF, VHF)	**TÊN THIẾT BỊ**	**CÔNG SUẤT PHÁT (W)**	**DẢI TẦN HOẠT ĐỘNG từ. . . .đến . . . (MHz)**	**THÔNG TIN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**
				□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị .....
				□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị .....
				□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị .....

				□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị .....

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH TÀU CÁ QUA VỆ TINH	
5.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất	..... / .....
5.2. Dải tần số phát đề nghị (MHz)	từ ..... đến ..... (MHz)
5.3. Dải tần số thu đề nghị (MHz)	từ ..... đến ..... (MHz)
5.4. Tên vệ tinh liên lạc	
5.5. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (°)	
5.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung	□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị .....
6. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

Hướng dẫn kê khai bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1c

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá

- Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tàu cá kê khai trong một tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai cho nhiều tàu cá. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của từng tờ kèm theo tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1c.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1c khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1c khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. TÊN CHỦ TÀU CÁ

Ghi tên chủ của tàu cá.

2. SỐ ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

Ghi số đăng ký tàu cá.

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thi hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN HOẠT ĐỘNG TRÊN CÁC BĂNG TẦN QUY HOẠCH CHO ĐÀI VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐẶT TRÊN PHƯƠNG TIỆN NGHỀ CÁ

- Kê khai loại thiết bị, ví dụ: MF/HF, VHF,...

- Kê khai tên của thiết bị, ví dụ: Yeasu FT-450, Vertex VX-1700,...

- Kê khai công suất phát theo thiết kế chế tạo của thiết bị của thiết bị theo đơn vị Watt (W)

- Kê khai dải tần số phát, thu mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 4

+ Đánh dấu "X" vào ô "Bổ sung" đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 4.

+ Đánh dấu "X" vào ô "Hủy bỏ" đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị.

+ Đánh dấu "X" vào ô "Thay thế cho thiết bị" và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 4

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH TÀU CÁ QUA VỆ TINH

5.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị. Ví dụ: MARINESTAR MNB-01, ST6100, BK88VN, BA-SAT- 01,...

5.2. Kê khai dải tần số phát đề nghị theo đơn vị MHz, ví dụ: 1616-1626,5MHz; 1626,5-1660,5MHz.

5.3. Kê khai dải tần số thu đề nghị theo đơn vị MHz, ví dụ: 1616- 1626,5MHz; 1525-1559MHz.

5.4. Kê khai tên vệ tinh liên lạc. Ví dụ: Inmarsat-I4, Thuraya,...

5.5. Kê khai vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây. Ví dụ: 143,5°E

5.6. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 5

- Đánh dấu "X" vào ô "Bổ sung" đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

- Đánh dấu "X" vào ô "Hủy bỏ" đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

- Đánh dấu "X" vào ô "Thay thế cho thiết bị" và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.

5. Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư

Trình tự thực hiện:	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư theo quy định tại *điểm A.XXIV.1 Mục 2 Phụ lục I.3 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1b mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* - Người nước ngoài đề nghị cấp giấy phép đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư được phép nộp bản sao Hộ chiếu còn thời hạn và phải xuất trình bản chính khi nhận giấy phép. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của tỉnh bất kỳ thực hiện)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (*Mẫu 1b mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*)
Phí, lệ phí	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1b mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

	- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……..	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1b

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1b

Áp dụng đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư

□ Cấp □ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……..

Tờ số: ……/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: ……

<table>
<tr><td>1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG</td><td colspan="3">□ Vô tuyến điện nghiệp dư □ Vô tuyến điện nghiệp dư qua vệ tinh</td></tr>
<tr><td colspan="4">2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)</td></tr>
<tr><td colspan="4">□ 1 năm □ 2 năm □ 3 năm □ 10 năm □ Khác:……</td></tr>
<tr><td colspan="4">3. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN</td></tr>
<tr><td>3.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td>3.2. Thông số kỹ thuật</td><td>Băng tần hoặc tần số (kHz/MHz)</td><td>Phương thức phát/
Kiểu điều chế</td><td>Công suất phát
(W)</td></tr>
<tr><td>Các dải tần số của thiết bị</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Các dải tần số/ tần số đề nghị</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="2">3.3. Địa điểm đặt thiết bị</td><td colspan="3">Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:</td></tr>
<tr><td colspan="3">Tỉnh/thành phố:</td></tr>
<tr><td>3.4. Vệ tinh liên lạc (đối với vô tuyến điện nghiệp dư qua vệ tinh)</td><td colspan="2">Tên vệ tinh:</td><td>Quỹ đạo:……..</td></tr>
<tr><td>4. HÔ HIỆU ĐỀ NGHỊ (nếu có)</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td>5. ĐÀI LIÊN LẠC</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td colspan="4">6. LOẠI CHỨNG CHỈ VÔ TUYẾN ĐIỆN NGHIỆP DƯ
□ Cấp 1 □ Cấp 2 □ Cấp 3 □ Cấp 4</td></tr>
<tr><td>7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)</td><td colspan="3"></td></tr>
</table>

8. ĐỐI VỚI KHAI THÁC VIÊN VÔ TUYẾN ĐIỆN NGHIỆP DƯ LÀ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI
Công suất phát tối đa ghi trên Chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư hoặc văn bản tương đương đã được cấp:.....(W)

Hướng dẫn kê khai bản khai thông số kỹ thuật khai thác 1b

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1b được dùng để kê khai cho 1 đài vô tuyến điện. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều đài. Lưu ý ghi rõ số thứ tự tờ và tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1b.

- Kê khai tất cả các thông số trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1b khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai thông số sửa đổi, bổ sung trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1b khi đề nghị sửa đổi, bổ sung. Các thông số giữ nguyên không cần kê khai.

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu "X" vào ô vô tuyến điện nghiệp dư nếu giấy phép được dùng để khai thác nghiệp vụ nghiệp dư. Đánh dấu "X" vào ô vô tuyến điện nghiệp dư qua vệ tinh nếu giấy phép được dùng để khai thác nghiệp vụ nghiệp dư qua vệ tinh.

2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

3. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

3.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

3.2. Ghi thông số kỹ thuật vào các cột tương ứng.

- Băng tần hoặc tần số: kê khai băng tần số hoặc tần số mà thiết bị được chế tạo làm việc; băng tần hoặc tần số mà tổ chức, cá nhân đề nghị.

- Phương thức phát/Kiểu điều chế: kê khai tất cả các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: A1A; F2B; F3C; F8E; J3E;.... hoặc ghi Kiểu điều chế đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị trong trường hợp không có thông tin về phương thức phát của thiết bị như SSB, AM,....

- Công suất phát: khai các mức công suất được thiết kế, chế tạo của thiết bị.

3.3. Địa điểm đặt thiết bị: kê khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

3.4. Vệ tinh liên lạc:

- Tên vệ tinh: tên đăng ký của vệ tinh với ITU là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU. Tên thương mại là tên của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. (Ví dụ: Vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên thương mại là IS802@174°E khác với tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E), ví dụ cách ghi: INTELSAT8 174E /IS802@174°E.

- Quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây.

4. HÔ HIỆU ĐỀ NGHỊ

Kê khai hô hiệu theo dãy hô hiệu Vô tuyến điện nghiệp dư được Quốc tế phân chia cho Việt Nam sử dụng. Trường hợp không kê khai thông tin này, hô hiệu sẽ do Cơ quan quản lý quy định.

5. ĐÀI LIÊN LẠC

Kê khai hô hiệu hoặc tên của các đài vô tuyến điện nghiệp dư có thiết lập liên lạc vô tuyến điện với đài đề nghị cấp giấy phép.

6. LOẠI CHỨNG CHỈ VÔ TUYẾN ĐIỆN NGHIỆP DƯ

Đánh dấu "X" vào loại chứng chỉ vô tuyến điện được cấp đối với chứng chỉ do Việt Nam cấp.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.

8. Đối với các trường hợp Chứng chỉ khai thác viên vô tuyến điện nghiệp dư nước ngoài: Kê khai công suất phát tối đa ghi trên Chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư hoặc văn bản tương đương đã được cấp.

6. Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư

Trình tự thực hiện:	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày và tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép không vượt quá 10 năm, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư theo quy định tại *khoản A.XXV Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gia hạn giấy phép theo *Mẫu 1b quy định tại mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* hoặc từ chối gia hạn và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ*-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	07 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (Việc gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (*Mẫu 1b mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*)
Phí, lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm	*Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.*

Mẫu 4

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI GIA HẠN, CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: …….

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1.Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):… Ngày sinh: ……	
1.2.Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): ……..……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại/ Email:……	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
• 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	

4. GIA HẠN

Số giấy phép(1)	**Thời gian đề nghị gia hạn(2)**
...	...

5. CẤP ĐỔI

Số giấy phép(1)	**Lý do cấp đổi(2)**

…	

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Emailcủa tổ chức/cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Mục 4 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn.

(2). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).

Mục 5 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị cấp đổi.

(2). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,....).

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

7. Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư

Trình tự thực hiện:	- Trường hợp giấy phép giấy bị mất hoặc bị hư hỏng, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư theo quy định tại *khoản A.XXV Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp đổi giấy phép theo *Mẫu 1b quy định tại mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* hoặc từ chối cấp đổi và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	07 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

	(Việc cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (*Mẫu 1b mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*)
Phí, lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm	Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.*

Mẫu 4

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI GIA HẠN, CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: …….

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1.Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):… Ngày sinh: ……	
1.2.Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): ……..……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại/ Email:……	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
• 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	

4. GIA HẠN

Số giấy phép(1)	**Thời gian đề nghị gia hạn(2)**
...	...

5. CẤP ĐỔI

Số giấy phép(1)	**Lý do cấp đổi(2)**

…	

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Emailcủa tổ chức/cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Mục 4 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn.

(2). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).

Mục 5 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị cấp đổi.

(2). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,....).

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

8. Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư

Trình tự thực hiện:	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư theo quy định tại *điểm A.XXIV.2 Mục 2 Phụ lục I.3 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1b mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (Việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (*Mẫu 1b mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*)
Phí, lệ phí	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1b mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02

	năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.*

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……...	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1b

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1b

Áp dụng đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư

□ Cấp □ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……..

Tờ số: ……/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: ……

<table>
<tr><td>1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG</td><td colspan="3">□ Vô tuyến điện nghiệp dư □ Vô tuyến điện nghiệp dư qua vệ tinh</td></tr>
<tr><td colspan="4">2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)</td></tr>
<tr><td colspan="4">□ 1 năm □ 2 năm □ 3 năm □ 10 năm □ Khác:……</td></tr>
<tr><td colspan="4">3. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN</td></tr>
<tr><td>3.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td>3.2. Thông số kỹ thuật</td><td>Băng tần hoặc tần số (kHz/MHz)</td><td>Phương thức phát/
Kiểu điều chế</td><td>Công suất phát
(W)</td></tr>
<tr><td>Các dải tần số của thiết bị</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Các dải tần số/ tần số đề nghị</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="2">3.3. Địa điểm đặt thiết bị</td><td colspan="3">Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:</td></tr>
<tr><td colspan="3">Tỉnh/thành phố:</td></tr>
<tr><td>3.4. Vệ tinh liên lạc (đối với vô tuyến điện nghiệp dư qua vệ tinh)</td><td colspan="2">Tên vệ tinh:</td><td>Quỹ đạo:……..</td></tr>
<tr><td>4. HÔ HIỆU ĐỀ NGHỊ (nếu có)</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td>5. ĐÀI LIÊN LẠC</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td colspan="4">6. LOẠI CHỨNG CHỈ VÔ TUYẾN ĐIỆN NGHIỆP DƯ
□ Cấp 1 □ Cấp 2 □ Cấp 3 □ Cấp 4</td></tr>
<tr><td>7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)</td><td colspan="3"></td></tr>
</table>

8. ĐỐI VỚI KHAI THÁC VIÊN VÔ TUYẾN ĐIỆN NGHIỆP DƯ LÀ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI
Công suất phát tối đa ghi trên Chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư hoặc văn bản tương đương đã được cấp:.....(W)

Hướng dẫn kê khai bản khai thông số kỹ thuật khai thác 1b

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1b được dùng để kê khai cho 1 đài vô tuyến điện. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều đài. Lưu ý ghi rõ số thứ tự tờ và tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1b.

- Kê khai tất cả các thông số trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1b khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai thông số sửa đổi, bổ sung trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1b khi đề nghị sửa đổi, bổ sung. Các thông số giữ nguyên không cần kê khai.

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu "X" vào ô vô tuyến điện nghiệp dư nếu giấy phép được dùng để khai thác nghiệp vụ nghiệp dư. Đánh dấu "X" vào ô vô tuyến điện nghiệp dư qua vệ tinh nếu giấy phép được dùng để khai thác nghiệp vụ nghiệp dư qua vệ tinh.

2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

3. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

3.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

3.2. Ghi thông số kỹ thuật vào các cột tương ứng.

- Băng tần hoặc tần số: kê khai băng tần số hoặc tần số mà thiết bị được chế tạo làm việc; băng tần hoặc tần số mà tổ chức, cá nhân đề nghị.

- Phương thức phát/Kiểu điều chế: kê khai tất cả các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: A1A; F2B; F3C; F8E; J3E;.... hoặc ghi Kiểu điều chế đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị trong trường hợp không có thông tin về phương thức phát của thiết bị như SSB, AM,....

- Công suất phát: khai các mức công suất được thiết kế, chế tạo của thiết bị.

3.3. Địa điểm đặt thiết bị: kê khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

3.4. Vệ tinh liên lạc:

- Tên vệ tinh: tên đăng ký của vệ tinh với ITU là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU. Tên thương mại là tên của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. (Ví dụ: Vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên thương mại là IS802@174°E khác với tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E), ví dụ cách ghi: INTELSAT8 174E /IS802@174°E.

- Quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây.

4. HÔ HIỆU ĐỀ NGHỊ

Kê khai hô hiệu theo dãy hô hiệu Vô tuyến điện nghiệp dư được Quốc tế phân chia cho Việt Nam sử dụng. Trường hợp không kê khai thông tin này, hô hiệu sẽ do Cơ quan quản lý quy định.

5. ĐÀI LIÊN LẠC

Kê khai hô hiệu hoặc tên của các đài vô tuyến điện nghiệp dư có thiết lập liên lạc vô tuyến điện với đài đề nghị cấp giấy phép.

6. LOẠI CHỨNG CHỈ VÔ TUYẾN ĐIỆN NGHIỆP DƯ

Đánh dấu "X" vào loại chứng chỉ vô tuyến điện được cấp đối với chứng chỉ do Việt Nam cấp.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.

8. Đối với các trường hợp Chứng chỉ khai thác viên vô tuyến điện nghiệp dư nước ngoài: Kê khai công suất phát tối đa ghi trên Chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư hoặc văn bản tương đương đã được cấp.

9. Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)

Trình tự thực hiện:	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) theo quy định và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1h mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của tỉnh bất kỳ thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (*Mẫu 1h mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*)
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1h mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.

	- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……...	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1h

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1h

Áp dụng đối với đài tàu trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế

□ Cấp □ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……..

Tờ số: ……/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: ……

1. TÊN CHỦ TÀU	
2. TÊN TÀU	
3. SỐ GỌI CHỌN (nếu có)	

4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)

□ 1 năm □ 2 năm □ 3 năm □ 10 năm □ Khác:…….

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐẶT TRÊN TÀU

LOẠI THIẾT BỊ (MF, HF, VHF,…)	**TÊN THIẾT BỊ**	**CÔNG SUẤT PHÁT (W)**	**DẢI TẦN HOẠT ĐỘNG từ. . . .đến.. . . (kHz/MHz)**	**PHƯƠNG THỨC PHÁT**	**THÔNG TIN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**
					□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị …….
					□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị …….
					□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị …….

					□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị …….
					□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị …….
					□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị …….
6. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)					

Hướng dẫn kê khai bản khai thông số kỹ thuật khai thác 1h

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với đài tàu.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép tần số vô tuyến điện hoặc đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h dùng để kê khai cho một đài tàu. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều đài tàu. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ ở từng Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h nếu đề nghị cấp. Các thiết bị cùng loại có thông số giống nhau có thể kê khai một lần và ghi rõ số lượng thiết bị.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h sửa đổi, bổ sung.

1. TÊN CHỦ TÀU

Kê khai tên của chủ sở hữu (khuyến khích viết chữ in hoa, ví dụ: NGUYỄN VĂN A).

2. TÊN TÀU

Kê khai tên của đài tàu (khuyến khích viết chữ in hoa, ví dụ: VINALINES).

3. SỐ GỌI CHỌN

Kê khai dãy số gồm 9 chữ số do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho tàu.

4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐẶT TRÊN TÀU

Kê khai theo từng loại thiết bị, mỗi loại thiết bị kê khai vào một dòng

- Loại thiết bị: (ví dụ: HF, MF, VHF...)

- Tên thiết bị: kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị.

- Công suất phát (W): kê khai mức công suất phát của thiết bị

- Dải tần hoạt động: kê khai dải tần hoạt động của thiết bị (ví dụ: từ 5 MHz đến 10 MHz).

- Phương thức phát: Kê khai tất cả các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;....

- Thông tin sửa đổi, bổ sung: chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 5

+ Đánh dấu X vào ô "Bổ sung" đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào giấy phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

+ Đánh dấu X vào ô "Hủy bỏ" đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

+ Đánh dấu X vào ô "Thay thế" và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

10. Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)

Trình tự thực hiện:	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày và tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép không vượt quá 10 năm, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) theo quy định tại *khoản A.XXV Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trong thời hạn *05 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gia hạn giấy phép theo *Mẫu 1h quy định tại mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* trường hợp từ chối gia hạn giấy phép, có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	*05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (Việc gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (*Mẫu 1h mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*).
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm	*Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.*

Mẫu 4

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI GIA HẠN, CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: ……

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1.Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):… Ngày sinh: ……	
1.2.Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): ……..……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại/ Email:……	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
• 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	

4. GIA HẠN

Số giấy phép(1)	**Thời gian đề nghị gia hạn(2)**
...	...

5. CẤP ĐỔI

Số giấy phép(1)	**Lý do cấp đổi(2)**

…	

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Emailcủa tổ chức/cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Mục 4 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn.

(2). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).

Mục 5 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị cấp đổi.

(2). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,....).

Ký tên, đóng dấu

- Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

11. Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)

Trình tự thực hiện:	- Trường hợp giấy phép giấy bị mất hoặc bị hư hỏng, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) theo quy định tại *khoản A.XXV Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trong thời hạn *03 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp đổi giấy phép theo *Mẫu 1h quy định tại mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*; trường hợp từ chối cấp đổi giấy phép, có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	*03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (Việc cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (*Mẫu 1h mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*).
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm	*Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.*

Mẫu 4

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI GIA HẠN, CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: ……

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1.Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):… Ngày sinh: ……	
1.2.Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): ……..……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại/ Email:……	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
• 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	

4. GIA HẠN

Số giấy phép(1)	**Thời gian đề nghị gia hạn(2)**
...	...

5. CẤP ĐỔI

Số giấy phép(1)	**Lý do cấp đổi(2)**

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Emailcủa tổ chức/cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Mục 4 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn.

(2). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).

Mục 5 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị cấp đổi.

(2). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,....).

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

12. Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)

Trình tự thực hiện:	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) theo quy định và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn 11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: - *Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* - *Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1h mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (*Mẫu 1h mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*).
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1h mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của

	Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.*

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……...	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1h

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1h

Áp dụng đối với đài tàu trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế

□ Cấp □ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……..

Tờ số: ……/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: ……

1. TÊN CHỦ TÀU	
2. TÊN TÀU	
3. SỐ GỌI CHỌN (nếu có)	

4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)

□ 1 năm □ 2 năm □ 3 năm □ 10 năm □ Khác:…….

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐẶT TRÊN TÀU

LOẠI THIẾT BỊ (MF, HF, VHF,…)	**TÊN THIẾT BỊ**	**CÔNG SUẤT PHÁT (W)**	**DẢI TẦN HOẠT ĐỘNG từ. . . .đến.. . . (kHz/MHz)**	**PHƯƠNG THỨC PHÁT**	**THÔNG TIN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**
					□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị …….
					□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị …….
					□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị …….

					□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị …….
					□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị …….
					□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị …….
6. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)					

Hướng dẫn kê khai bản khai thông số kỹ thuật khai thác 1h

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với đài tàu.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép tần số vô tuyến điện hoặc đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h dùng để kê khai cho một đài tàu. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều đài tàu. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ ở từng Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h nếu đề nghị cấp. Các thiết bị cùng loại có thông số giống nhau có thể kê khai một lần và ghi rõ số lượng thiết bị.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h sửa đổi, bổ sung.

1. TÊN CHỦ TÀU

Kê khai tên của chủ sở hữu (khuyến khích viết chữ in hoa, ví dụ: NGUYỄN VĂN A).

2. TÊN TÀU

Kê khai tên của đài tàu (khuyến khích viết chữ in hoa, ví dụ: VINALINES).

3. SỐ GỌI CHỌN

Kê khai dãy số gồm 9 chữ số do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho tàu.

4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐẶT TRÊN TÀU

Kê khai theo từng loại thiết bị, mỗi loại thiết bị kê khai vào một dòng

- Loại thiết bị: (ví dụ: HF, MF, VHF...)

- Tên thiết bị: kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị.

- Công suất phát (W): kê khai mức công suất phát của thiết bị

- Dải tần hoạt động: kê khai dải tần hoạt động của thiết bị (ví dụ: từ 5 MHz đến 10 MHz).

- Phương thức phát: Kê khai tất cả các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;....

- Thông tin sửa đổi, bổ sung: chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 5

+ Đánh dấu X vào ô "Bổ sung" đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào giấy phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

+ Đánh dấu X vào ô "Hủy bỏ" đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

+ Đánh dấu X vào ô "Thay thế" và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

13. Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ

Trình tự thực hiện:	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ theo quy định và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trong thời hạn *09 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép theo *Mẫu 1g2 quy định tại mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*; trường hợp từ chối cấp giấy phép, có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần hồ sơ; số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1g2 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	*09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của tỉnh bất kỳ thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (*Mẫu 1g2 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*).
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1g2 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

	- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.*

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……...	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1g2

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g2

Áp dụng đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ

□ Cấp □ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……..

Tờ số: ……/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: ……

<table>
<tr><td colspan="2">1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG</td><td colspan="3">□ Liên lạc nội bộ
□ Điều hành sản xuất
□ Bảo vệ
□ Liên lạc trong nhà hàng, khách sạn
□ Khác:…….</td></tr>
<tr><td colspan="5">2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)</td></tr>
<tr><td colspan="5">□ 1 năm □ 2 năm □ 3 năm □ 10 năm □ Khác:…….</td></tr>
<tr><td colspan="2">3. TỔNG SỐ THIẾT</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td rowspan="3">4. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG</td><td rowspan="2">Địa chỉ</td><td colspan="3">Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:</td></tr>
<tr><td colspan="3">Tỉnh/thành phố:</td></tr>
<tr><td>Vị trí (toạ độ)</td><td>Kinh độ: …….E</td><td colspan="2">Vĩ độ: ……N</td></tr>
<tr><td colspan="5">5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN</td></tr>
<tr><td colspan="2">5.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">5.2. Các mức công suất phát</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">5.3. Ký hiệu phát xạ</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">5.4. Dải tần thiết bị (MHz)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">5.5. Độ cao sử dụng tối đa so với mặt đất (m)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">5.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung</td><td>□ Bổ sung
□ Hủy bỏ
□ Thay thế cho thiết bị…….</td><td>□ Bổ sung
□ Hủy bỏ
□ Thay thế cho thiết bị……</td><td>□ Bổ sung
□ Hủy bỏ
□ Thay thế cho thiết bị……</td></tr>
</table>

6.TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ (nếu có)	
7.CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

Hướng dẫn kê khai bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp hoặc đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 dùng để kê khai cho một mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều mạng. Lưu ý ghi rõ số thứ tự tờ khai, tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai tất cả các thông số trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu "X" mục đích sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện tương ứng hoặc ghi rõ mục đích sử dụng mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ nếu khác với các lựa chọn đã có.

2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

3. TỔNG SỐ THIẾT BỊ

Kê khai tổng số thiết bị trong mạng.

4. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh) và kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

5.1. Kê khai tên thiết bị hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

5.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

5.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 4K00F1E; 7K60FXE; 11K0F3E; ...

5.4. Kê khai dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

5.5. Kê khai độ cao lớn nhất so với mặt đất khi sử dụng thiết bị, tính theo mét (m).

5.6. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 5

- Đánh dấu "X" vào ô "Bổ sung" đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

- Đánh dấu "X" vào ô "Hủy bỏ" đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị.

- Đánh dấu"X" vào ô "Thay thế cho thiết bị" và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

6. TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ

Kê khai tần số theo mong muốn được sử dụng (không bắt buộc).

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin khác chưa có trong bản khai (nếu có).

14. Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ

Trình tự thực hiện:	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày và tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép không vượt quá 10 năm, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ theo quy định tại *khoản A.XXV Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trong thời hạn *05 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gia hạn giấy phép theo *Mẫu 1g2 quy định tại mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*; trường hợp từ chối gia hạn giấy phép, có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ *- Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	*05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*
Đối tượng thực hiện thủ	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam

tục hành chính:	
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (Việc gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (*Mẫu 1g2 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*)
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

	- Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.*

Mẫu 4

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI GIA HẠN, CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1.Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):… Ngày sinh: ……	
1.2.Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): ……..……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại/ Email:……	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
• 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	

4. GIA HẠN

Số giấy phép(1)	**Thời gian đề nghị gia hạn(2)**
...	...

5. CẤP ĐỔI

Số giấy phép(1)	**Lý do cấp đổi(2)**

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Emailcủa tổ chức/cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Mục 4 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn.

(2). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).

Mục 5 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị cấp đổi.

(2). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,....).

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

15. Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.

Trình tự thực hiện:	- Trường hợp giấy phép giấy bị mất hoặc bị hư hỏng, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ theo quy định tại *khoản A.XXV Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trong thời hạn *03 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp đổi giấy phép theo *Mẫu 1g2 quy định tại mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*; trường hợp từ chối cấp đổi giấy phép, có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ *- Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	*03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (Việc cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (*Mẫu 1g2 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*)
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.*

Mẫu 4

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI GIA HẠN, CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1.Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):… Ngày sinh: ……	
1.2.Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): ……..……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại/ Email:……	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
• 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	

4. GIA HẠN

Số giấy phép(1)	**Thời gian đề nghị gia hạn(2)**
...	...

5. CẤP ĐỔI

Số giấy phép(1)	**Lý do cấp đổi(2)**

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Emailcủa tổ chức/cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Mục 4 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn.

(2). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).

Mục 5 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị cấp đổi.

(2). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,....).

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

16. Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ

Trình tự thực hiện:	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ theo quy định và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trong thời hạn *09 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép theo *Mẫu 1g2 quy định tại mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*; trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép, có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện:	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần hồ sơ; số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1g2 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	*09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. (Việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (*Mẫu 1g2 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*).
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1g2 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

	- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.*

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……...	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1g2

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g2

Áp dụng đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ

□ Cấp □ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……..

Tờ số: ……/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: ……

<table>
<tr><td colspan="2">1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG</td><td colspan="3">□ Liên lạc nội bộ
□ Điều hành sản xuất
□ Bảo vệ
□ Liên lạc trong nhà hàng, khách sạn
□ Khác:…….</td></tr>
<tr><td colspan="5">2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)</td></tr>
<tr><td colspan="5">□ 1 năm □ 2 năm □ 3 năm □ 10 năm □ Khác:…….</td></tr>
<tr><td colspan="2">3. TỔNG SỐ THIẾT BỊ</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td rowspan="3">4. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG</td><td rowspan="2">Địa chỉ</td><td colspan="3">Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:</td></tr>
<tr><td colspan="3">Tỉnh/thành phố:</td></tr>
<tr><td>Vị trí (toạ độ)</td><td>Kinh độ: ……E</td><td colspan="2">Vĩ độ: ……N</td></tr>
<tr><td colspan="5">5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN</td></tr>
<tr><td colspan="2">5.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">5.2. Các mức công suất phát (W)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">5.3. Ký hiệu phát xạ</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">5.4. Dải tần thiết bị (MHz)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">5.5. Độ cao sử dụng tối đa so với mặt đất (m)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>

5.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung	□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị…….	□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị……	□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị……
6.TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ (nếu có)			
7.CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

Hướng dẫn kê khai bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp hoặc đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 dùng để kê khai cho một mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều mạng. Lưu ý ghi rõ số thứ tự tờ khai, tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai tất cả các thông số trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu "X" mục đích sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện tương ứng hoặc ghi rõ mục đích sử dụng mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ nếu khác với các lựa chọn đã có.

2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

3. TỔNG SỐ THIẾT BỊ

Kê khai tổng số thiết bị trong mạng.

4. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh) và kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

5.1. Kê khai tên thiết bị hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

5.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

5.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 4K00F1E; 7K60FXE; 11K0F3E; ...

5.4. Kê khai dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

5.5. Kê khai độ cao lớn nhất so với mặt đất khi sử dụng thiết bị, tính theo mét (m).

5.6. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 5

- Đánh dấu "X" vào ô "Bổ sung" đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

- Đánh dấu "X" vào ô "Hủy bỏ" đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị.

- Đánh dấu"X" vào ô "Thay thế cho thiết bị" và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

6. TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ

Kê khai tần số theo mong muốn được sử dụng (không bắt buộc).

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin khác chưa có trong bản khai (nếu có).

17. Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất theo quy định tại *điểm A.IV.1.a Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia.* *- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.* *+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.* *+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp giấy phép theo Mẫu 1g1 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1g1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* *(Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức, cá nhân lựa chọn nộp hồ sơ thực hiện)*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1g1 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP)*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1g1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy*

	phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……..	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1g1

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g1

Áp dụng đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất

Tờ số: …/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: ……

<table>
<tr><td colspan="2">1. ĐỀ NGHỊ</td><td colspan="3">□ Cấp
□ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……</td></tr>
<tr><td colspan="2">2. MỤC ĐÍCH SỬ</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td colspan="5">3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP (đối với cấp)</td></tr>
<tr><td colspan="5">□ 1 năm □ 2 năm □ 3 năm □ 10 năm □ Khác:…….</td></tr>
<tr><td colspan="3">4. TỔNG SỐ THIẾT BỊ TRONG MẠNG</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td colspan="2">5. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td colspan="2" rowspan="2">6. CẤU HÌNH MẠNG</td><td colspan="3">□ Đơn công</td></tr>
<tr><td colspan="2">□ Song công/ Bán song công</td><td>Khoảng cách thu/phát (MHz):</td></tr>
<tr><td colspan="5">7. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN DI ĐỘNG</td></tr>
<tr><td colspan="2">7.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">7.2. Các mức công suất phát (W)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">7.3. Ký hiệu phát xạ</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">7.4. Dải tần thiết bị (MHz)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="2">7.5. Ăng-ten</td><td>Hệ số khuếch đại (dBi) (nếu có)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Độ cao sử dụng tối đa so với mặt đất) (m)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>

7.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung (nếu có)	□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị	□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị	□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị .....
8. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN CỐ ĐỊNH (nếu có)			
8.1. Tên Thiết bị /Hãng sản xuất			
8.2. Các mức công suất phát			
8.3. Ký hiệu phát xạ			
8.4. Dải tần thiết bị (MHz)			
8.5. Địa điểm đặt	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
	Tỉnh/thành phố:		
8.6. Tên/mã trạm (nếu có)			
8.7. Ăng-ten	a. Tên (nhãn hiệu)		
	b. Dải tần làm việc		
	c. Hệ số khuếch đại (dBi)		
	d. Độ cao so với mặt đất (m)		
	đ. Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:…… E/ Vĩ độ:…….N	
8.8. Thông tin sửa đổi, bổ sung (nếu có)	□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị		
9.TẦN SỐ PHÁT/THU ĐỀ NGHỊ (nếu có)	Tần số phát (MHz):…… Tần số thu (MHz):…….		
10. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1 dùng để kê khai cho một mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều mạng. Lưu ý ghi rõ số thứ tự tờ khai, tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai tất cả các thông số trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1 khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1 khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. ĐỀ NGHỊ

Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép lần đầu hoặc không đủ điều kiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép. Đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích: Phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập, nghiên cứu, dự phòng,...

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. TỔNG SỐ THIẾT BỊ TRONG MẠNG

Kê khai tổng số thiết bị trong mạng

5.PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Kê khai phạm vi hoạt động của mạng theo địa chỉ hành chính. Trường hợp phạm vi trong cả tỉnh/thành phố thì kê khai tên tỉnh/thành phố, hoặc hoạt động trong phạm vi phường/xã thì phải ghi địa chỉ phường/xã A, tỉnh/thành phố B. Trường hợp, hoạt động từ hai tỉnh trở lên thì phải liệt kê cụ thể từng tỉnh/thành phố.

6. CẤU HÌNH MẠNG

Đánh dấu "X" vào ô "Đơn công" nếu mạng hoạt động ở chế độ liên lạc thu/phát trên cùng một tần số hoặc "Song công/Bán song công" nếu mạng hoạt động ở chế độ liên lạc thu/phát trên hai tần số khác nhau và ghi khoảng cách thu phát tối thiểu, khoảng cách thu phát tối đa theo đơn vị MHz.

7. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN DI DỘNG

7.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

7.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

7.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 4K00F1E; 7K60FXE; 11K0F3E; ...

7.4. Kê khai dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

7.5. Kê khai hệ số khuếch đại (nếu có) theo thiết kế tính theo đơn vị dBi và độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m)

7.6. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc mục 7

- Đánh dấu "X" vào ô "Bổ sung" đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 7.

- Đánh dấu "X" vào ô "Hủy bỏ" đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị.

- Đánh dấu "X" vào ô "Thay thế cho thiết bị" và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 7.

8. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN CỐ ĐỊNH (chỉ kê khai đối với mạng có thiết bị cố định)

8.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.

8.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

8.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 4K00F1E; 7K60FXE; 11K0F3E; ...

8.4. Kê khai dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

8.5. Khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

8.6. Kê khai tên/mã trạm đề nghị sử dụng để thuận tiện cho công việc (lưu ý: khi mạng hoạt động sẽ phải sử dụng các hô hiệu đã được ghi trong giấy phép, trường hợp không kê khai thì hô hiệu sẽ do cơ quan cấp phép quy định).

8.7. Kê khai các thông tin của ăng-ten:

a. Kê khai tên, ký hiệu theo tài liệu kỹ thuật (VD: DB404, AD-22/C, …). Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Loga-chu kỳ, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, dàn chấn tử đồng pha, v.v...)

b. Dải tần làm việc là dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được với các chỉ tiêu kỹ thuật đã cho.

c. Kê khai hệ số khuếch đại của ăng-ten theo thiết kế tính theo đơn vị dBi.

d. Độ cao (so với mặt đất) (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten), tính theo mét (m).

đ. Kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt ăng-ten.

8.8. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc mục 8.

- Đánh dấu "X" vào ô "Bổ sung" đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 8.

- Đánh dấu "X" vào ô "Hủy bỏ" đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

- Đánh dấu "X" vào ô "Thay thế cho thiết bị" và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 8.

9. TẦN SỐ PHÁT/ THU ĐỀ NGHỊ

Kê khai tần số phát/ thu theo mong muốn được sử dụng tương ứng với cấu hình mạng tại mục 6 (không bắt buộc).

10. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin cần bổ sung chưa có trong bản khai nếu có.

18. Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất

Trình tự thực hiện	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày và tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép không vượt quá 10 năm, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất theo quy định tại *điểm A.IV.1.b Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia.* *- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.* *+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.* *+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện gia hạn giấy phép theo Mẫu 1g1 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP trong thời hạn 05 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.* *(Việc gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1g1 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP).*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.

	- Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.*

Mẫu 4

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI GIA HẠN, CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHÚ Ý: 3. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

4. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: ……

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1.Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):… Ngày sinh: ……	
1.2.Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): ……..……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại/ Email:……	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
• 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	

4. GIA HẠN

Số giấy phép(1)	**Thời gian đề nghị gia hạn(2)**
...	...

5. CẤP ĐỔI

Số giấy phép(1)	**Lý do cấp đổi(2)**

…	

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Emailcủa tổ chức/cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Mục 4 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn.

(2). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).

Mục 5 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị cấp đổi.

(2). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,....).

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

19. Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất theo quy định *tại điểm A.IV.1.a Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia.* *- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.* *+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.* *+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép theo Mẫu 1g1 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1g1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.* *(Việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1g1 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP)*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1g1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

	- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh. *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.*

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……...	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1g1

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g1

Áp dụng đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất

Tờ số: …/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: ……

<table>
<tr><td colspan="2">1. ĐỀ NGHỊ</td><td colspan="3">□ Cấp
□ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……</td></tr>
<tr><td colspan="2">2. MỤC ĐÍCH SỬ</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td colspan="5">3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP (đối với cấp)</td></tr>
<tr><td colspan="5">□ 1 năm □ 2 năm □ 3 năm □ 10 năm □ Khác:…….</td></tr>
<tr><td colspan="3">4. TỔNG SỐ THIẾT BỊ TRONG MẠNG</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td colspan="2">5. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td colspan="2" rowspan="2">6. CẤU HÌNH MẠNG</td><td colspan="3">□ Đơn công</td></tr>
<tr><td colspan="2">□ Song công/ Bán song công</td><td>Khoảng cách thu/phát (MHz):</td></tr>
<tr><td colspan="5">7. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN DI ĐỘNG</td></tr>
<tr><td colspan="2">7.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">7.2. Các mức công suất phát (W)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">7.3. Ký hiệu phát xạ</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">7.4. Dải tần thiết bị (MHz)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="2">7.5. Ăng-ten</td><td>Hệ số khuếch đại (dBi) (nếu có)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Độ cao sử dụng tối đa so với mặt đất) (m)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>

7.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung (nếu có)	□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị	□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị	□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị .....
8. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN CỐ ĐỊNH (nếu có)			
8.1. Tên Thiết bị /Hãng sản xuất			
8.2. Các mức công suất phát			
8.3. Ký hiệu phát xạ			
8.4. Dải tần thiết bị (MHz)			
8.5. Địa điểm đặt	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
	Tỉnh/thành phố:		
8.6. Tên/mã trạm (nếu có)			
8.7. Ăng-ten	a. Tên (nhãn hiệu)		
	b. Dải tần làm việc		
	c. Hệ số khuếch đại (dBi)		
	d. Độ cao so với mặt đất (m)		
	đ. Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:…… E/ Vĩ độ:…….N	
8.8. Thông tin sửa đổi, bổ sung (nếu có)	□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị		
9.TẦN SỐ PHÁT/THU ĐỀ NGHỊ (nếu có)	Tần số phát (MHz):…… Tần số thu (MHz):…….		
10. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1 dùng để kê khai cho một mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều mạng. Lưu ý ghi rõ số thứ tự tờ khai, tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai tất cả các thông số trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1 khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1 khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. ĐỀ NGHỊ

Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép lần đầu hoặc không đủ điều kiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép. Đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích: Phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập, nghiên cứu, dự phòng,...

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. TỔNG SỐ THIẾT BỊ TRONG MẠNG

Kê khai tổng số thiết bị trong mạng

5.PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Kê khai phạm vi hoạt động của mạng theo địa chỉ hành chính. Trường hợp phạm vi trong cả tỉnh/thành phố thì kê khai tên tỉnh/thành phố, hoặc hoạt động trong phạm vi phường/xã thì phải ghi địa chỉ phường/xã A, tỉnh/thành phố B. Trường hợp, hoạt động từ hai tỉnh trở lên thì phải liệt kê cụ thể từng tỉnh/thành phố.

6. CẤU HÌNH MẠNG

Đánh dấu "X" vào ô "Đơn công" nếu mạng hoạt động ở chế độ liên lạc thu/phát trên cùng một tần số hoặc "Song công/Bán song công" nếu mạng hoạt động ở chế độ liên lạc thu/phát trên hai tần số khác nhau và ghi khoảng cách thu phát tối thiểu, khoảng cách thu phát tối đa theo đơn vị MHz.

7. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN DI DỘNG

7.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

7.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

7.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 4K00F1E; 7K60FXE; 11K0F3E; ...

7.4. Kê khai dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

7.5. Kê khai hệ số khuếch đại (nếu có) theo thiết kế tính theo đơn vị dBi và độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m)

7.6. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc mục 7

- Đánh dấu "X" vào ô "Bổ sung" đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 7.

- Đánh dấu "X" vào ô "Hủy bỏ" đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị.

- Đánh dấu "X" vào ô "Thay thế cho thiết bị" và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 7.

8. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN CỐ ĐỊNH (chỉ kê khai đối với mạng có thiết bị cố định)

8.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.

8.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

8.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 4K00F1E; 7K60FXE; 11K0F3E; ...

8.4. Kê khai dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

8.5. Khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

8.6. Kê khai tên/mã trạm đề nghị sử dụng để thuận tiện cho công việc (lưu ý: khi mạng hoạt động sẽ phải sử dụng các hô hiệu đã được ghi trong giấy phép, trường hợp không kê khai thì hô hiệu sẽ do cơ quan cấp phép quy định).

8.7. Kê khai các thông tin của ăng-ten:

a. Kê khai tên, ký hiệu theo tài liệu kỹ thuật (VD: DB404, AD-22/C, …). Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Loga-chu kỳ, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, dàn chấn tử đồng pha, v.v...)

b. Dải tần làm việc là dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được với các chỉ tiêu kỹ thuật đã cho.

c. Kê khai hệ số khuếch đại của ăng-ten theo thiết kế tính theo đơn vị dBi.

d. Độ cao (so với mặt đất) (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten), tính theo mét (m).

đ. Kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt ăng-ten.

8.8. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc mục 8.

- Đánh dấu "X" vào ô "Bổ sung" đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 8.

- Đánh dấu "X" vào ô "Hủy bỏ" đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

- Đánh dấu "X" vào ô "Thay thế cho thiết bị" và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 8.

9. TẦN SỐ PHÁT/ THU ĐỀ NGHỊ

Kê khai tần số phát/ thu theo mong muốn được sử dụng tương ứng với cấu hình mạng tại mục 6 (không bắt buộc).

10. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin cần bổ sung chưa có trong bản khai nếu có.

20. Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Cơ quan đại diện nước ngoài hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh theo quy định tại *điểm A.VI.1.a Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia.* *- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.* - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ hoặc có nội dung cần bổ sung, làm rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo, hướng dẫn cơ quan đại diện nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, đồng thời thông báo cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao hoặc Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Ngoại vụ được phân công quản lý để phối hợp; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* gửi thông báo, cơ quan đại diện nước ngoài phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định. - Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị cấp giấy phép để lấy ý kiến của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an; - Trong thời hạn *06 ngày làm việc* kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản. - Trong trường hợp cần phải có thêm thời gian xem xét, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có văn bản thông báo gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nhưng tổng thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc; - Trong thời hạn *06 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo *Mẫu 1m mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do, đồng thời thông báo kết quả cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao hoặc Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Ngoại vụ được phân công quản lý và cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).*

	- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1m mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* - Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao hoặc *Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh* hoặc Sở Ngoại vụ được phân công quản lý. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*- 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan đại diện nước ngoài
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* *(Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức, cá nhân lựa chọn nộp hồ sơ thực hiện)*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện Mẫu 1m mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1m mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.*

Mẫu 1

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……...	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1m

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1m

Áp dụng đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu)

Tờ số: ……/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: ……

<table>
<tr><td colspan="2">1. ĐỀ NGHỊ</td><td colspan="2">☐ Cấp
☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……..</td></tr>
<tr><td colspan="2">2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG</td><td colspan="2">☐ Thiết lập mạng viễn thông công cộng
☐ Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng
☐ Thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng PTTH
☐ Khác:.....</td></tr>
<tr><td colspan="4">3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)</td></tr>
<tr><td colspan="4">☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:……</td></tr>
<tr><td colspan="4">4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN</td></tr>
<tr><td colspan="2">4.1. Hô hiệu (tên/mã đài)</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td colspan="2">4.2. Loại đài:</td><td colspan="2">☐ Đài trái đất đặt trên tàu bay ☐ Đài trái đất di động
☐ Đài trái đất đặt trên tàu biển ☐ Đài trái đất cố định
☐ Khác:.....</td></tr>
<tr><td colspan="2">4.3. Loại thiết bị</td><td colspan="2">☐ Cả phát và thu ☐ Chỉ phát ☐ Chỉ thu</td></tr>
<tr><td colspan="2">4.4. Tên thiết bị/Hãng sản xuất</td><td colspan="2">..... / .....</td></tr>
<tr><td colspan="2">4.5. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz)</td><td colspan="2">..... / từ ..... đến ..... (MHz)</td></tr>
<tr><td colspan="2">4.6. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz)</td><td colspan="2">..... / từ ..... đến ..... (MHz)</td></tr>
<tr><td colspan="2">4.7. Công suất phát (W)</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td colspan="2">4.8. Ký hiệu phát xạ</td><td colspan="2">Phát:..... /
Thu:.....</td></tr>
<tr><td rowspan="2">4.9. Địa điểm đặt thiết bị</td><td rowspan="2">Cố định</td><td colspan="2">Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:</td></tr>
<tr><td colspan="2">Tỉnh/thành phố:</td></tr>
</table>

	Di động	Tỉnh/thành phố/khu vực:.....		
5. ĂNG-TEN				
5.1. Tên (nhãn hiệu)/ Hãng sản xuất			5.2. Đường kính (m)	
5.3. Vị trí (tọa độ)		Kinh độ :..... E/ Vĩ độ:..... N		
5.4. Độ rộng búp sóng (º)		Phát:..... / Thu:.....		
5.5. Hệ số khuếch đại (dBi)		Phát:..... / Thu:.....		
5.6. Góc phương vị lớn nhất / nhỏ nhất (º)		...../	5.7. Góc ngẩng (º)	
5.8. Độ cao so với mặt đất (m)				
5.9. Phân cực phát		Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải		
5.10. Phân cực thu		Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải		
5.11. Giản đồ bức xạ phát		☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:		
5.12. Giản đồ bức xạ thu		☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:		
6. VỊ TRÍ (TỌA ĐỘ) CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC (nếu có)		Kinh độ :..... E/ Vĩ độ:..... N		
7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ (bổ sung các thông tin khác theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế - ITU khi có yêu cầu của Cơ quan quản lý)				
7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại của vệ tinh)				
7.2. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (º)				

7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp	
7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát của đài trái đất	Công suất đỉnh cực đại (dBW) ..... Công suất đỉnh cực tiểu (dBW).....
7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu của đài trái đất	Tỷ số C/N: ..... Nhiệt độ tạp âm máy thu (^{0}K): .....
7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh	Phát:..... /Thu.....
8. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu).

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m được dùng để kê khai cho một loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. ĐỀ NGHỊ

Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép lần đầu hoặc không đủ điều kiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép. Đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu "X" vào các mục đích tương ứng.

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

4.1. Kê khai tên/mã trạm mặt đất.

4.2. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng (đài trái đất đặt trên tàu bay/ đài trái đất di động/đài trái đất đặt trên mặt đất/đài trái đất đặt trên tàu biển/khác: ghi cụ thể)

4.3. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng (cả thu và phát, chỉ phát, chỉ thu)

4.4. Kê khai tên thiết bị hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.

4.5. Kê khai tần số phát đề nghị và ghi dải tần phát của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.6. Kê khai tần số thu đề nghị và ghi dải tần thu của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.7. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

4.8. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E;304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

4.9. Địa điểm đặt thiết bị:

Đối với thiết bị đặt cố định: kê khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

Đối với thiết bị di động khi hoạt động: kê khai phạm vi di động của thiết bị theo địa chỉ hành chính. ví dụ: di động trên địa bàn tỉnh A hoặc xã B tỉnh A, lưu động trên biển,...

5. ĂNG-TEN

5.1. Kê khai tên, ký hiệu ăng-ten theo tài liệu kỹ thuật. Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Parabol trụ, Parabol tròn xoay,...), khai tên hãng sản xuất ăng-ten.

5.2. Kê khai đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).

5.3. Kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt đối với trạm đặt cố định.

5.4. Kê khai độ rộng của búp sóng phát và độ rộng của búp sóng thu theo đơn vị độ (^{o}), ví dụ: độ rộng của búp sóng phát là 10 độ và độ rộng của búp sóng thu là 11 độ, ghi là: 10/11.

5.5. Kê khai hệ số khuếch đại phát và ghi hệ số khuếch đại thu của ăng-ten theo đơn vị dBi, ví dụ: 10 / 9.

5.6. Góc phương vị là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ. Kê khai góc phương vị lớn nhất và góc phương vị nhỏ nhất trong trường hợp ăng-ten quay, ví dụ: 15 / 10.

5.7. Kê khai góc giữa hướng của ăng-ten với phương thẳng đứng (phương vuông góc với trái đất).

5.8. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

5.9. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu "X" vào ô tương ứng "đứng" hoặc "ngang"; với phân cực tròn, đánh dấu "X" vào ô "trái" hoặc "phải".

5.10. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu "X" vào ô tương ứng "đứng" hoặc "ngang"; với phân cực tròn, đánh dấu "X" vào ô "trái" hoặc "phải".

5.11. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ phát của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

5.12. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ thu của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

6. VỊ TRÍ CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC

Kê khai vị trí tọa độ của trạm vệ tinh liên lạc (đối với trạm vệ tinh VSAT liên lạc 2 chiều – nếu có): kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ

7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU(hoặc tên thương mại): kê khai tên đăng ký của vệ tinh với ITU là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU hoặc kê khai tên thương mại là tên của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. Ví dụ: vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E và tên thương mại là IS802@174°E thì cách ghi một trong hai tên: INTELSAT8 174E hoặc IS802@174°E.

7.2. Vị trí quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây

7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: kê khai độ rộng băng thông (ví dụ: 8 MHz)

7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát: kê khai công suất đỉnh lớn nhất theo đơn vị dBW và công suất đỉnh nhỏ nhất theo đơn vị dBW.

7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu: kê khai tỷ số C/N (là tỷ số giữa công suất sóng mang và tạp âm) và kê khai nhiệt độ tạp âm máy thu (độ K), ghi nhiệt độ tạp âm (noise temperature) hoặc hệ số tạp âm (noise figure) của máy thu.

7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh: trước khi kê khai cần trao đổi với phía đối tác cung cấp dung lượng vệ tinh để ghi chính xác ký hiệu búp sóng phát và búp sóng thu vệ tinh (associated satellite receiving designation/associated satellite receiving designation). Ký hiệu này dài không quá 4 ký tự, được ghi trong hồ sơ đăng ký của vệ tinh với ITU. Lưu ý: búp sóng phát của vệ tinh là búp sóng phát của đài trái đất và ngược lại.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

21. Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày và tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép không vượt quá 10 năm, tổ chức hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh, Cơ quan đại diện nước ngoài làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép theo quy định *tại điểm A.VI.1.c Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.* - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ hoặc có nội dung cần bổ sung, làm rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thông báo, hướng dẫn cơ quan đại diện nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, đồng thời thông báo cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao hoặc Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Ngoại vụ được phân công quản lý để phối hợp; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* gửi thông báo, cơ quan đại diện nước ngoài phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định. - Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép để lấy ý kiến của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an; - Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản. - Trong trường hợp cần phải có thêm thời gian xem xét, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có văn bản thông báo gửi *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*, nhưng tổng thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc; - Trong thời hạn *06 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo *Mẫu 1m mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* hoặc từ chối gia hạn giấy phép và nêu rõ lý do, đồng thời thông báo kết quả cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao hoặc Sở Ngoại vụ

	Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Ngoại vụ được phân công quản lý và cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan đại diện nước ngoài
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.* *(Việc gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện Mẫu 1m mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.*

Mẫu 4

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI GIA HẠN, CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1.Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):… Ngày sinh: ……	
1.2.Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): ……..……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại/ Email:……	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
• 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	

4. GIA HẠN

Số giấy phép(1)	**Thời gian đề nghị gia hạn(2)**
...	...

5. CẤP ĐỔI

Số giấy phép(1)	**Lý do cấp đổi(2)**

…	

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Emailcủa tổ chức/cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Mục 4 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn.

(2). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).

Mục 5 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị cấp đổi.

(2). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,....).

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

22. Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh theo quy định *tại điểm A.VI.1.b Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.* - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ hoặc có nội dung cần bổ sung, làm rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thông báo, hướng dẫn cơ quan đại diện nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, đồng thời thông báo cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao hoặc Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Ngoại vụ được phân công quản lý để phối hợp; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* gửi thông báo, cơ quan đại diện nước ngoài phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định. - Trong thời hạn *01 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để lấy ý kiến của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an; - Trong thời hạn *06 ngày làm việc* kể từ ngày *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* gửi văn bản, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản. - Trong trường hợp cần phải có thêm thời gian xem xét, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có văn bản thông báo gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nhưng tổng thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc; - Trong thời hạn *06 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo *Mẫu 1m mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép và nêu rõ lý do, đồng thời thông báo kết quả cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao hoặc Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh hoặc

	Sở Ngoại vụ được phân công quản lý và cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1m mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan đại diện nước ngoài
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.* *(Việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện Mẫu 1m mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1m mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện	*Không*

thủ tục hành chính (nếu có)	
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. *- Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính* quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ *trưởng Bộ Tài chính* về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của *Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư* số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.*

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……...	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1m

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1m

Áp dụng đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu)

Tờ số: ……/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: ……

1. ĐỀ NGHỊ	☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……..
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	☐ Thiết lập mạng viễn thông công cộng ☐ Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng ☐ Thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng PTTH ☐ Khác:.....
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)	
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:……	
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN	
4.1. Hô hiệu (tên/mã đài)	
4.2. Loại đài:	☐ Đài trái đất đặt trên tàu bay ☐ Đài trái đất di động ☐ Đài trái đất đặt trên tàu biển ☐ Đài trái đất cố định ☐ Khác:.....
4.3. Loại thiết bị	☐ Cả phát và thu ☐ Chỉ phát ☐ Chỉ thu
4.4. Tên thiết bị/Hãng sản xuất	..... / .....
4.5. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz)	..... / từ ..... đến ..... (MHz)
4.6. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz)	..... / từ ..... đến ..... (MHz)
4.7. Công suất phát (W)	
4.8. Ký hiệu phát xạ	Phát:..... / Thu:.....
4.9. Địa điểm đặt thiết bị — Cố định	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:

		Tỉnh/thành phố:
	Di động	Tỉnh/thành phố/khu vực:.....

5. ĂNG-TEN			
5.1. Tên (nhãn hiệu)/ Hãng sản xuất		5.2. Đường kính (m)	
5.3. Vị trí (tọa độ)	Kinh độ :..... E/ Vĩ độ:..... N		
5.4. Độ rộng búp sóng (º)	Phát:..... / Thu:.....		
5.5. Hệ số khuếch đại (dBi)	Phát:..... / Thu:.....		
5.6. Góc phương vị lớn nhất / nhỏ nhất (º)	...../	5.7. Góc ngẩng (º)	
5.8. Độ cao so với mặt đất (m)			
5.9. Phân cực phát	Tuyến tính: □ Đứng và/hoặc □ Ngang Tròn : □ Trái và/hoặc □ Phải		
5.10. Phân cực thu	Tuyến tính: □ Đứng và/hoặc □ Ngang Tròn : □ Trái và/hoặc □ Phải		
5.11. Giản đồ bức xạ phát	□ REC-580 (ITU) □ REC-465 (ITU) □ AP28 hoặc AP29 □ Khác:		
5.12. Giản đồ bức xạ thu	□ REC-580 (ITU) □ REC-465 (ITU) □ AP28 hoặc AP29 □ Khác:		
6. VỊ TRÍ (TỌA ĐỘ) CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC (nếu có)	Kinh độ :..... E/ Vĩ độ:..... N		
7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ (bổ sung các thông tin khác theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế - ITU khi có yêu cầu của Cơ quan quản lý)			
7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại của vệ tinh)			
7.2. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (º)			

7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp	
7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát của đài trái đất	Công suất đỉnh cực đại (dBW) ..... Công suất đỉnh cực tiểu (dBW).....
7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu của đài trái đất	Tỷ số C/N: ..... Nhiệt độ tạp âm máy thu (^{0}K): .....
7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh	Phát:..... /Thu.....
8. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu).

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m được dùng để kê khai cho một loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. ĐỀ NGHỊ

Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép lần đầu hoặc không đủ điều kiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép. Đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu "X" vào các mục đích tương ứng.

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

4.1. Kê khai tên/mã trạm mặt đất.

4.2. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng (đài trái đất đặt trên tàu bay/ đài trái đất di động/đài trái đất đặt trên mặt đất/đài trái đất đặt trên tàu biển/khác: ghi cụ thể)

4.3. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng (cả thu và phát, chỉ phát, chỉ thu)

4.4. Kê khai tên thiết bị hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.

4.5. Kê khai tần số phát đề nghị và ghi dải tần phát của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.6. Kê khai tần số thu đề nghị và ghi dải tần thu của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.7. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

4.8. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E;304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

4.9. Địa điểm đặt thiết bị:

Đối với thiết bị đặt cố định: kê khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

Đối với thiết bị di động khi hoạt động: kê khai phạm vi di động của thiết bị theo địa chỉ hành chính. ví dụ: di động trên địa bàn tỉnh A hoặc xã B tỉnh A, lưu động trên biển,...

5. ĂNG-TEN

5.1. Kê khai tên, ký hiệu ăng-ten theo tài liệu kỹ thuật. Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Parabol trụ, Parabol tròn xoay,...), khai tên hãng sản xuất ăng-ten.

5.2. Kê khai đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).

5.3. Kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt đối với trạm đặt cố định.

5.4. Kê khai độ rộng của búp sóng phát và độ rộng của búp sóng thu theo đơn vị độ (^{o}), ví dụ: độ rộng của búp sóng phát là 10 độ và độ rộng của búp sóng thu là 11 độ, ghi là: 10/11.

5.5. Kê khai hệ số khuếch đại phát và ghi hệ số khuếch đại thu của ăng-ten theo đơn vị dBi, ví dụ: 10 / 9.

5.6. Góc phương vị là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ. Kê khai góc phương vị lớn nhất và góc phương vị nhỏ nhất trong trường hợp ăng-ten quay, ví dụ: 15 / 10.

5.7. Kê khai góc giữa hướng của ăng-ten với phương thẳng đứng (phương vuông góc với trái đất).

5.8. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

5.9. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu "X" vào ô tương ứng "đứng" hoặc "ngang"; với phân cực tròn, đánh dấu "X" vào ô "trái" hoặc "phải".

5.10. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu "X" vào ô tương ứng "đứng" hoặc "ngang"; với phân cực tròn, đánh dấu "X" vào ô "trái" hoặc "phải".

5.11. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ phát của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

5.12. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ thu của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

6. VỊ TRÍ CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC

Kê khai vị trí tọa độ của trạm vệ tinh liên lạc (đối với trạm vệ tinh VSAT liên lạc 2 chiều – nếu có): kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ

7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU(hoặc tên thương mại): kê khai tên đăng ký của vệ tinh với ITU là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU hoặc kê khai tên thương mại là tên của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. Ví dụ: vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E và tên thương mại là IS802@174°E thì cách ghi một trong hai tên: INTELSAT8 174E hoặc IS802@174°E.

7.2. Vị trí quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây

7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: kê khai độ rộng băng thông (ví dụ: 8 MHz)

7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát: kê khai công suất đỉnh lớn nhất theo đơn vị dBW và công suất đỉnh nhỏ nhất theo đơn vị dBW.

7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu: kê khai tỷ số C/N (là tỷ số giữa công suất sóng mang và tạp âm) và kê khai nhiệt độ tạp âm máy thu (độ K), ghi nhiệt độ tạp âm (noise temperature) hoặc hệ số tạp âm (noise figure) của máy thu.

7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh: trước khi kê khai cần trao đổi với phía đối tác cung cấp dung lượng vệ tinh để ghi chính xác ký hiệu búp sóng phát và búp sóng thu vệ tinh (associated satellite receiving designation/associated satellite receiving designation). Ký hiệu này dài không quá 4 ký tự, được ghi trong hồ sơ đăng ký của vệ tinh với ITU. Lưu ý: búp sóng phát của vệ tinh là búp sóng phát của đài trái đất và ngược lại.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

23. Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Trường hợp hồ sơ bị mất, bị hư hỏng, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh theo quy định *tại điểm A.VI.1.c Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ hoặc có nội dung cần bổ sung, làm rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thông báo, hướng dẫn cơ quan đại diện nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trong thời hạn *03 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* cấp đổi giấy phép theo *Mẫu 1m mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* hoặc từ chối cấp đổi giấy phép và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	*Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:* *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan đại diện nước ngoài

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.* *(Việc cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện Mẫu 1m mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.*

Mẫu 4

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI GIA HẠN, CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1.Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):… Ngày sinh: ……	
1.2.Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): ……..……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại/ Email:……	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
• 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	

4. GIA HẠN

Số giấy phép(1)	**Thời gian đề nghị gia hạn(2)**
...	...

5. CẤP ĐỔI

Số giấy phép(1)	**Lý do cấp đổi(2)**

…	

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Emailcủa tổ chức/cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô “Cổng Dịch vụ công quốc gia” thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp

Mục 4 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn.

(2). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).

Mục 5 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị cấp đổi.

(2). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,....).

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

24. Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh theo quy định tại *điểm A.VII.1.a Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ hoặc có nội dung cần bổ sung, làm rõ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thông báo, hướng dẫn đoàn khách nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, đồng thời thông báo cho cơ quan chủ trì đón, tiếp để phối hợp; trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* gửi thông báo, đoàn khách nước ngoài phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định. - Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đến cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản gửi *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*. - Trong thời hạn *03 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo *Mẫu 1m mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do, đồng thời thông báo kết quả cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an và cơ quan chủ trì tiếp, đón.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - *Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).*

	- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1m mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* - Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao (áp dụng đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài theo lời mời của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ); hoặc văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Văn phòng Quốc hội (áp dụng đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài theo lời mời của lãnh đạo Quốc hội); hoặc văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản đón đoàn (áp dụng đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài khác). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Đoàn khách nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* *(Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức, cá nhân lựa chọn nộp hồ sơ thực hiện)*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện Mẫu 1m mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1m mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;

	- Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.*

Mẫu 1

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……...	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung

Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1m

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1m

Áp dụng đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu)

Tờ số: ……/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: ……

1. ĐỀ NGHỊ		☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……..
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG		☐ Thiết lập mạng viễn thông công cộng ☐ Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng ☐ Thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng PTTH ☐ Khác:.....
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)		
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:……		
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN		
4.1. Hô hiệu (tên/mã đài)		
4.2. Loại đài:		☐ Đài trái đất đặt trên tàu bay ☐ Đài trái đất di động ☐ Đài trái đất đặt trên tàu biển ☐ Đài trái đất cố định ☐ Khác:.....
4.3. Loại thiết bị		☐ Cả phát và thu ☐ Chỉ phát ☐ Chỉ thu
4.4. Tên thiết bị/Hãng sản xuất		...../ .....
4.5. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz)		..... / từ ..... đến ..... (MHz)
4.6. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz)		...../ từ ..... đến ..... (MHz)
4.7. Công suất phát (W)		
4.8. Ký hiệu phát xạ		Phát:..... / Thu:.....
4.9. Địa điểm đặt thiết bị	Cố định	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:
		Tỉnh/thành phố:
	Di động	Tỉnh/thành phố/khu vực:.....

5. ĂNG-TEN			
5.1. Tên (nhãn hiệu)/ Hãng sản xuất		5.2. Đường kính (m)	
5.3. Vị trí (tọa độ)	Kinh độ :..... E/ Vĩ độ:..... N		
5.4. Độ rộng búp sóng (°)	Phát:..... / Thu:.....		
5.5. Hệ số khuếch đại (dBi)	Phát:..... / Thu:.....		
5.6. Góc phương vị lớn nhất / nhỏ nhất (°)	...../	5.7. Góc ngẩng (°)	
5.8. Độ cao so với mặt đất (m)			
5.9. Phân cực phát	Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải		
5.10. Phân cực thu	Tuyến tính: ☐ Đứng và/hoặc ☐ Ngang Tròn : ☐ Trái và/hoặc ☐ Phải		
5.11. Giản đồ bức xạ phát	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:		
5.12. Giản đồ bức xạ thu	☐ REC-580 (ITU) ☐ REC-465 (ITU) ☐ AP28 hoặc AP29 ☐ Khác:		
6. VỊ TRÍ (TỌA ĐỘ) CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC (nếu có)	Kinh độ :..... E/ Vĩ độ:..... N		
7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ (bổ sung các thông tin khác theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế - ITU khi có yêu cầu của Cơ quan quản lý)			
7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại của vệ tinh)			
7.2. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (°)			
7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp			

7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát của đài trái đất	Công suất đỉnh cực đại (dBW) ..... Công suất đỉnh cực tiểu (dBW).....
7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu của đài trái đất	Tỷ số C/N: ..... Nhiệt độ tạp âm máy thu (^{0}K): .....
7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh	Phát:..... /Thu.....
8. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu).

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m được dùng để kê khai cho một loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. ĐỀ NGHỊ

Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép lần đầu hoặc không đủ điều kiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép. Đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu "X" vào các mục đích tương ứng.

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

4.1. Kê khai tên/mã trạm mặt đất.

4.2. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng (đài trái đất đặt trên tàu bay/ đài trái đất di động/đài trái đất đặt trên mặt đất/đài trái đất đặt trên tàu biển/khác: ghi cụ thể)

4.3. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng (cả thu và phát, chỉ phát, chỉ thu)

4.4. Kê khai tên thiết bị hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.

4.5. Kê khai tần số phát đề nghị và ghi dải tần phát của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.6. Kê khai tần số thu đề nghị và ghi dải tần thu của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.7. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

4.8. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E;304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

4.9. Địa điểm đặt thiết bị:

Đối với thiết bị đặt cố định: kê khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

Đối với thiết bị di động khi hoạt động: kê khai phạm vi di động của thiết bị theo địa chỉ hành chính. ví dụ: di động trên địa bàn tỉnh A hoặc xã B tỉnh A, lưu động trên biển,...

5. ĂNG-TEN

5.1. Kê khai tên, ký hiệu ăng-ten theo tài liệu kỹ thuật. Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Parabol trụ, Parabol tròn xoay,...), khai tên hãng sản xuất ăng-ten.

5.2. Kê khai đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).

5.3. Kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt đối với trạm đặt cố định.

5.4. Kê khai độ rộng của búp sóng phát và độ rộng của búp sóng thu theo đơn vị độ (^{o}), ví dụ: độ rộng của búp sóng phát là 10 độ và độ rộng của búp sóng thu là 11 độ, ghi là: 10/11.

5.5. Kê khai hệ số khuếch đại phát và ghi hệ số khuếch đại thu của ăng-ten theo đơn vị dBi, ví dụ: 10 / 9.

5.6. Góc phương vị là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ. Kê khai góc phương vị lớn nhất và góc phương vị nhỏ nhất trong trường hợp ăng-ten quay, ví dụ: 15 / 10.

5.7. Kê khai góc giữa hướng của ăng-ten với phương thẳng đứng (phương vuông góc với trái đất).

5.8. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

5.9. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu "X" vào ô tương ứng "đứng" hoặc "ngang"; với phân cực tròn, đánh dấu "X" vào ô "trái" hoặc "phải".

5.10. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu "X" vào ô tương ứng "đứng" hoặc "ngang"; với phân cực tròn, đánh dấu "X" vào ô "trái" hoặc "phải".

5.11. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ phát của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

5.12. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ thu của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

6. VỊ TRÍ CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC

Kê khai vị trí tọa độ của trạm vệ tinh liên lạc (đối với trạm vệ tinh VSAT liên lạc 2 chiều – nếu có): kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ

7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU(hoặc tên thương mại): kê khai tên đăng ký của vệ tinh với ITU là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU hoặc kê khai tên thương mại là tên của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. Ví dụ: vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E và tên thương mại là IS802@174°E thì cách ghi một trong hai tên: INTELSAT8 174E hoặc IS802@174°E.

7.2. Vị trí quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây

7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: kê khai độ rộng băng thông (ví dụ: 8 MHz)

7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát: kê khai công suất đỉnh lớn nhất theo đơn vị dBW và công suất đỉnh nhỏ nhất theo đơn vị dBW.

7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu: kê khai tỷ số C/N (là tỷ số giữa công suất sóng mang và tạp âm) và kê khai nhiệt độ tạp âm máy thu (độ K), ghi nhiệt độ tạp âm (noise temperature) hoặc hệ số tạp âm (noise figure) của máy thu.

7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh: trước khi kê khai cần trao đổi với phía đối tác cung cấp dung lượng vệ tinh để ghi chính xác ký hiệu búp sóng phát và búp sóng thu vệ tinh (associated satellite receiving designation/associated satellite receiving designation). Ký hiệu này dài không quá 4 ký tự, được ghi trong hồ sơ đăng ký của vệ tinh với ITU. Lưu ý: búp sóng phát của vệ tinh là búp sóng phát của đài trái đất và ngược lại.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

25. Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh.

Trình tự thực hiện	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày và tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép không vượt quá 10 năm, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh theo quy định tại *điểm A.VII.1.c Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ hoặc có nội dung cần bổ sung, làm rõ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thông báo, hướng dẫn đoàn khách nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, đồng thời thông báo cho cơ quan chủ trì đón, tiếp để phối hợp; trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* gửi thông báo, đoàn khách nước ngoài phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định. - Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép đến cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* gửi văn bản, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản gửi *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*. - Trong thời hạn *03 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo *Mẫu 1m mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* hoặc từ chối gia hạn giấy phép và nêu rõ lý do, đồng thời thông báo kết quả cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an và cơ quan chủ trì tiếp, đón.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:

	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Đoàn khách nước ngoài, Cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.* *(Việc gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện Mẫu 1m mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp,

	quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.*

Mẫu 4

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI GIA HẠN, CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1.Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):… Ngày sinh: ……	
1.2.Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): ……...……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại/ Email:……	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
• 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	

4. GIA HẠN

Số giấy phép(1)	**Thời gian đề nghị gia hạn(2)**
...	...

5. CẤP ĐỔI

Số giấy phép(1)	**Lý do cấp đổi(2)**

…	

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Emailcủa tổ chức/cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô “Cổng Dịch vụ công quốc gia” thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3	Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp. Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng: - Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp
Mục 4	(1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn. (2). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
Mục 5	(1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị cấp đổi. (2). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,....).
Ký tên, đóng dấu	- Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính: + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh + Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

26. Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh theo quy định tại *điểm A.VII.1.b Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ hoặc có nội dung cần bổ sung, làm rõ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, *Ủy nhân dân ban cấp tỉnh* thông báo, hướng dẫn đoàn khách nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, đồng thời thông báo cho cơ quan chủ trì đón, tiếp để phối hợp; trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* gửi thông báo, đoàn khách nước ngoài phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định. - Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đến cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ *ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* gửi văn bản, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Trong thời hạn *03 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo *Mẫu 1m mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép và nêu rõ lý do, đồng thời thông báo kết quả cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an và cơ quan chủ trì tiếp, đón.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - *Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).*

	- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1m mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Đoàn khách nước ngoài, Cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.* *(Việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện Mẫu 1m mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1m mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;

	- Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.*

Mẫu 1

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……...	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1m

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1m

Áp dụng đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu)

Tờ số: ……/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: ……

<table>
<tr><td colspan="2">1. ĐỀ NGHỊ</td><td colspan="2">☐ Cấp
☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……..</td></tr>
<tr><td colspan="2">2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG</td><td colspan="2">☐ Thiết lập mạng viễn thông công cộng
☐ Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng
☐ Thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng PTTH
☐ Khác:.....</td></tr>
<tr><td colspan="4">3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)</td></tr>
<tr><td colspan="4">☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:……</td></tr>
<tr><td colspan="4">4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN</td></tr>
<tr><td colspan="2">4.1. Hô hiệu (tên/mã đài)</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td colspan="2">4.2. Loại đài:</td><td colspan="2">☐ Đài trái đất đặt trên tàu bay ☐ Đài trái đất di động
☐ Đài trái đất đặt trên tàu biển ☐ Đài trái đất cố định
☐ Khác:.....</td></tr>
<tr><td colspan="2">4.3. Loại thiết bị</td><td colspan="2">☐ Cả phát và thu ☐ Chỉ phát ☐ Chỉ thu</td></tr>
<tr><td colspan="2">4.4. Tên thiết bị/Hãng sản xuất</td><td colspan="2">..... / .....</td></tr>
<tr><td colspan="2">4.5. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz)</td><td colspan="2">..... / từ ..... đến ..... (MHz)</td></tr>
<tr><td colspan="2">4.6. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz)</td><td colspan="2">..... / từ ..... đến ..... (MHz)</td></tr>
<tr><td colspan="2">4.7. Công suất phát (W)</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td colspan="2">4.8. Ký hiệu phát xạ</td><td colspan="2">Phát:..... /
Thu:.....</td></tr>
<tr><td rowspan="2">4.9. Địa điểm đặt thiết bị</td><td rowspan="2">Cố định</td><td colspan="2">Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:</td></tr>
<tr><td colspan="2">Tỉnh/thành phố:</td></tr>
</table>

	Di động	Tỉnh/thành phố/khu vực:.....		
5. ĂNG-TEN				
5.1. Tên (nhãn hiệu)/ Hãng sản xuất			5.2. Đường kính (m)	
5.3. Vị trí (tọa độ)		Kinh độ :..... E/ Vĩ độ:..... N		
5.4. Độ rộng búp sóng (º)		Phát:..... / Thu:.....		
5.5. Hệ số khuếch đại (dBi)		Phát:...../ Thu:.....		
5.6. Góc phương vị lớn nhất / nhỏ nhất (º)		...../	5.7. Góc ngẩng (º)	
5.8. Độ cao so với mặt đất (m)				
5.9. Phân cực phát		Tuyến tính: □ Đứng và/hoặc □ Ngang Tròn : □ Trái và/hoặc □ Phải		
5.10. Phân cực thu		Tuyến tính: □ Đứng và/hoặc □ Ngang Tròn : □ Trái và/hoặc □ Phải		
5.11. Giản đồ bức xạ phát		□ REC-580 (ITU) □ REC-465 (ITU) □ AP28 hoặc AP29 □ Khác:		
5.12. Giản đồ bức xạ thu		□ REC-580 (ITU) □ REC-465 (ITU) □ AP28 hoặc AP29 □ Khác:		
6. VỊ TRÍ (TỌA ĐỘ) CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC (nếu có)		Kinh độ :..... E/ Vĩ độ:..... N		
7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ (bổ sung các thông tin khác theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế - ITU khi có yêu cầu của Cơ quan quản lý)				
7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại của vệ tinh)				
7.2. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (º)				
7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp				

7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát của đài trái đất	Công suất đỉnh cực đại (dBW) ..... Công suất đỉnh cực tiểu (dBW).....
7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu của đài trái đất	Tỷ số C/N: ..... Nhiệt độ tạp âm máy thu (^{0}K): .....
7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh	Phát:..... /Thu.....
8. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu).

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m được dùng để kê khai cho một loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. ĐỀ NGHỊ

Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép lần đầu hoặc không đủ điều kiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép. Đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu "X" vào các mục đích tương ứng.

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

4.1. Kê khai tên/mã trạm mặt đất.

4.2. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng (đài trái đất đặt trên tàu bay/ đài trái đất di động/đài trái đất đặt trên mặt đất/đài trái đất đặt trên tàu biển/khác: ghi cụ thể)

4.3. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng (cả thu và phát, chỉ phát, chỉ thu)

4.4. Kê khai tên thiết bị hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.

4.5. Kê khai tần số phát đề nghị và ghi dải tần phát của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.6. Kê khai tần số thu đề nghị và ghi dải tần thu của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.7. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

4.8. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E;304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

4.9. Địa điểm đặt thiết bị:

Đối với thiết bị đặt cố định: kê khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

Đối với thiết bị di động khi hoạt động: kê khai phạm vi di động của thiết bị theo địa chỉ hành chính. ví dụ: di động trên địa bàn tỉnh A hoặc xã B tỉnh A, lưu động trên biển,...

5. ĂNG-TEN

5.1. Kê khai tên, ký hiệu ăng-ten theo tài liệu kỹ thuật. Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Parabol trụ, Parabol tròn xoay,...), khai tên hãng sản xuất ăng-ten.

5.2. Kê khai đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).

5.3. Kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt đối với trạm đặt cố định.

5.4. Kê khai độ rộng của búp sóng phát và độ rộng của búp sóng thu theo đơn vị độ (^{o}), ví dụ: độ rộng của búp sóng phát là 10 độ và độ rộng của búp sóng thu là 11 độ, ghi là: 10/11.

5.5. Kê khai hệ số khuếch đại phát và ghi hệ số khuếch đại thu của ăng-ten theo đơn vị dBi, ví dụ: 10 / 9.

5.6. Góc phương vị là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ. Kê khai góc phương vị lớn nhất và góc phương vị nhỏ nhất trong trường hợp ăng-ten quay, ví dụ: 15 / 10.

5.7. Kê khai góc giữa hướng của ăng-ten với phương thẳng đứng (phương vuông góc với trái đất).

5.8. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

5.9. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu "X" vào ô tương ứng "đứng" hoặc "ngang"; với phân cực tròn, đánh dấu "X" vào ô "trái" hoặc "phải".

5.10. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu "X" vào ô tương ứng "đứng" hoặc "ngang"; với phân cực tròn, đánh dấu "X" vào ô "trái" hoặc "phải".

5.11. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ phát của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

5.12. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ thu của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

6. VỊ TRÍ CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC

Kê khai vị trí tọa độ của trạm vệ tinh liên lạc (đối với trạm vệ tinh VSAT liên lạc 2 chiều – nếu có): kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ

7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU(hoặc tên thương mại): kê khai tên đăng ký của vệ tinh với ITU là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU hoặc kê khai tên thương mại là tên của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. Ví dụ: vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E và tên thương mại là IS802@174°E thì cách ghi một trong hai tên: INTELSAT8 174E hoặc IS802@174°E.

7.2. Vị trí quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây

7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: kê khai độ rộng băng thông (ví dụ: 8 MHz)

7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát: kê khai công suất đỉnh lớn nhất theo đơn vị dBW và công suất đỉnh nhỏ nhất theo đơn vị dBW.

7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu: kê khai tỷ số C/N (là tỷ số giữa công suất sóng mang và tạp âm) và kê khai nhiệt độ tạp âm máy thu (độ K), ghi nhiệt độ tạp âm (noise temperature) hoặc hệ số tạp âm (noise figure) của máy thu.

7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh: trước khi kê khai cần trao đổi với phía đối tác cung cấp dung lượng vệ tinh để ghi chính xác ký hiệu búp sóng phát và búp sóng thu vệ tinh (associated satellite receiving designation/associated satellite receiving designation). Ký hiệu này dài không quá 4 ký tự, được ghi trong hồ sơ đăng ký của vệ tinh với ITU. Lưu ý: búp sóng phát của vệ tinh là búp sóng phát của đài trái đất và ngược lại.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

27. Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Trường hợp hồ sơ bị mất, bị hư hỏng, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh theo quy định tại *điểm A.VII.1.c Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ hoặc có nội dung cần bổ sung, làm rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thông báo, hướng dẫn đoàn khách nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trong thời hạn *03 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp đổi giấy phép theo *Mẫu 1m mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* hoặc từ chối cấp đổi giấy phép và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	*Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:* *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	*2. Thành phần hồ sơ:* *Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* *2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*
Thời hạn giải quyết	*03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Đoàn khách nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.* *(Việc cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện Mẫu 1m mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.*

Mẫu 4

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI GIA HẠN, CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1.Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):… Ngày sinh: ……	
1.2.Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): ……..……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại/ Email:……	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
• 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	

4. GIA HẠN

Số giấy phép(1)	**Thời gian đề nghị gia hạn(2)**
...	...

5. CẤP ĐỔI

Số giấy phép(1)	**Lý do cấp đổi(2)**

…	

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Emailcủa tổ chức/cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp

Mục 4 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn.

(2). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).

Mục 5 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị cấp đổi.

(2). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,....).

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

28. Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh theo quy định tại điểm *A.VIII.1.a Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ hoặc có nội dung cần bổ sung, làm rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thông báo, hướng dẫn phóng viên nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, đồng thời thông báo cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao để phối hợp; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi thông báo, phóng viên nước ngoài phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định. - Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đến cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* gửi văn bản, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản gửi *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.* - Trong trường hợp cần phải có thêm thời gian xem xét, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có văn bản thông báo gửi *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*, nhưng tổng thời hạn xử lý không quá 10 ngày làm việc. - Trong thời hạn *05 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo *Mẫu 1m mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do, đồng thời thông báo kết quả cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an và Bộ Ngoại giao.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*

	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1m mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* - Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ Đoàn khách nước ngoài, cơ quan chủ quản đón đoàn
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* *(Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức, cá nhân lựa chọn nộp hồ sơ thực hiện)*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu 1m mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1m mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;

	- Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.*

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……...	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1m

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1m

Áp dụng đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu)

Tờ số: ……/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: ……

1. ĐỀ NGHỊ	☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……..
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	☐ Thiết lập mạng viễn thông công cộng ☐ Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng ☐ Thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng PTTH ☐ Khác:.....
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)	
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:……	
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN	
4.1. Hô hiệu (tên/mã đài)	
4.2. Loại đài:	☐ Đài trái đất đặt trên tàu bay ☐ Đài trái đất di động ☐ Đài trái đất đặt trên tàu biển ☐ Đài trái đất cố định ☐ Khác:.....
4.3. Loại thiết bị	☐ Cả phát và thu ☐ Chỉ phát ☐ Chỉ thu
4.4. Tên thiết bị/Hãng sản xuất	..... / .....
4.5. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz)	..... / từ ..... đến ..... (MHz)
4.6. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz)	..... / từ ..... đến ..... (MHz)
4.7. Công suất phát (W)	
4.8. Ký hiệu phát xạ	Phát:..... / Thu:.....
4.9. Địa điểm đặt thiết bị – Cố định	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:
	Tỉnh/thành phố:

	Di động	Tỉnh/thành phố/khu vực:.....		
5. ĂNG-TEN				
5.1. Tên (nhãn hiệu)/ Hãng sản xuất			5.2. Đường kính (m)	
5.3. Vị trí (tọa độ)		Kinh độ :..... E/ Vĩ độ:..... N		
5.4. Độ rộng búp sóng (º)		Phát:..... / Thu:.....		
5.5. Hệ số khuếch đại (dBi)		Phát:...../ Thu:.....		
5.6. Góc phương vị lớn nhất / nhỏ nhất (º)		...../	5.7. Góc ngẩng (º)	
5.8. Độ cao so với mặt đất (m)				
5.9. Phân cực phát		Tuyến tính: □ Đứng và/hoặc □ Ngang Tròn : □ Trái và/hoặc □ Phải		
5.10. Phân cực thu		Tuyến tính: □ Đứng và/hoặc □ Ngang Tròn : □ Trái và/hoặc □ Phải		
5.11. Giản đồ bức xạ phát		□ REC-580 (ITU) □ REC-465 (ITU) □ AP28 hoặc AP29 □ Khác:		
5.12. Giản đồ bức xạ thu		□ REC-580 (ITU) □ REC-465 (ITU) □ AP28 hoặc AP29 □ Khác:		
6. VỊ TRÍ (TỌA ĐỘ) CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC (nếu có)		Kinh độ :..... E/ Vĩ độ:..... N		
7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ (bổ sung các thông tin khác theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế - ITU khi có yêu cầu của Cơ quan quản lý)				
7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại của vệ tinh)				
7.2. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (º)				
7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp				

7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát của đài trái đất	Công suất đỉnh cực đại (dBW) ..... Công suất đỉnh cực tiểu (dBW).....
7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu của đài trái đất	Tỷ số C/N: ..... Nhiệt độ tạp âm máy thu (^{0}K): .....
7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh	Phát:..... /Thu.....
8. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu).

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m được dùng để kê khai cho một loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. ĐỀ NGHỊ

Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép lần đầu hoặc không đủ điều kiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép. Đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu "X" vào các mục đích tương ứng.

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

4.1. Kê khai tên/mã trạm mặt đất.

4.2. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng (đài trái đất đặt trên tàu bay/ đài trái đất di động/đài trái đất đặt trên mặt đất/đài trái đất đặt trên tàu biển/khác: ghi cụ thể)

4.3. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng (cả thu và phát, chỉ phát, chỉ thu)

4.4. Kê khai tên thiết bị hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.

4.5. Kê khai tần số phát đề nghị và ghi dải tần phát của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.6. Kê khai tần số thu đề nghị và ghi dải tần thu của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.7. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

4.8. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E;304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

4.9. Địa điểm đặt thiết bị:

Đối với thiết bị đặt cố định: kê khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

Đối với thiết bị di động khi hoạt động: kê khai phạm vi di động của thiết bị theo địa chỉ hành chính. ví dụ: di động trên địa bàn tỉnh A hoặc xã B tỉnh A, lưu động trên biển,...

5. ĂNG-TEN

5.1. Kê khai tên, ký hiệu ăng-ten theo tài liệu kỹ thuật. Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Parabol trụ, Parabol tròn xoay,...), khai tên hãng sản xuất ăng-ten.

5.2. Kê khai đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).

5.3. Kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt đối với trạm đặt cố định.

5.4. Kê khai độ rộng của búp sóng phát và độ rộng của búp sóng thu theo đơn vị độ (^{o}), ví dụ: độ rộng của búp sóng phát là 10 độ và độ rộng của búp sóng thu là 11 độ, ghi là: 10/11.

5.5. Kê khai hệ số khuếch đại phát và ghi hệ số khuếch đại thu của ăng-ten theo đơn vị dBi, ví dụ: 10 / 9.

5.6. Góc phương vị là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ. Kê khai góc phương vị lớn nhất và góc phương vị nhỏ nhất trong trường hợp ăng-ten quay, ví dụ: 15 / 10.

5.7. Kê khai góc giữa hướng của ăng-ten với phương thẳng đứng (phương vuông góc với trái đất).

5.8. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

5.9. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu "X" vào ô tương ứng "đứng" hoặc "ngang"; với phân cực tròn, đánh dấu "X" vào ô "trái" hoặc "phải".

5.10. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu "X" vào ô tương ứng "đứng" hoặc "ngang"; với phân cực tròn, đánh dấu "X" vào ô "trái" hoặc "phải".

5.11. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ phát của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

5.12. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ thu của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

6. VỊ TRÍ CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC

Kê khai vị trí tọa độ của trạm vệ tinh liên lạc (đối với trạm vệ tinh VSAT liên lạc 2 chiều – nếu có): kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ

7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU(hoặc tên thương mại): kê khai tên đăng ký của vệ tinh với ITU là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU hoặc kê khai tên thương mại là tên của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. Ví dụ: vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E và tên thương mại là IS802@174°E thì cách ghi một trong hai tên: INTELSAT8 174E hoặc IS802@174°E.

7.2. Vị trí quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây

7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: kê khai độ rộng băng thông (ví dụ: 8 MHz)

7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát: kê khai công suất đỉnh lớn nhất theo đơn vị dBW và công suất đỉnh nhỏ nhất theo đơn vị dBW.

7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu: kê khai tỷ số C/N (là tỷ số giữa công suất sóng mang và tạp âm) và kê khai nhiệt độ tạp âm máy thu (độ K), ghi nhiệt độ tạp âm (noise temperature) hoặc hệ số tạp âm (noise figure) của máy thu.

7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh: trước khi kê khai cần trao đổi với phía đối tác cung cấp dung lượng vệ tinh để ghi chính xác ký hiệu búp sóng phát và búp sóng thu vệ tinh (associated satellite receiving designation/associated satellite receiving designation). Ký hiệu này dài không quá 4 ký tự, được ghi trong hồ sơ đăng ký của vệ tinh với ITU. Lưu ý: búp sóng phát của vệ tinh là búp sóng phát của đài trái đất và ngược lại.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

29. Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày và tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép không vượt quá 10 năm, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh theo quy định tại *điểm A.VIII.1.c Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* và nộp hồ sơ đến *Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ hoặc có nội dung cần bổ sung, làm rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thông báo, hướng dẫn phóng viên nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, đồng thời thông báo cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao để phối hợp; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* gửi thông báo, phóng viên nước ngoài phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định. - Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép đến cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản gửi *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*. - Trong trường hợp cần phải có thêm thời gian xem xét, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có văn bản thông báo gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nhưng tổng thời hạn xử lý không quá 10 ngày làm việc. Trong thời hạn *05 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo *Mẫu 1m mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* hoặc từ chối gia hạn giấy phép và nêu rõ lý do, đồng thời thông báo kết quả cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an và Bộ Ngoại giao.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:

	- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ Đoàn khách nước ngoài, Cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.* *(Việc gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu 1m mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;

	- Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.*

Mẫu 4

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI GIA HẠN, CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1.Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):… Ngày sinh: ……	
1.2.Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): ……..……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại/ Email:……	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
• 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	

4. GIA HẠN

Số giấy phép(1)	**Thời gian đề nghị gia hạn(2)**
...	...

5. CẤP ĐỔI

Số giấy phép(1)	**Lý do cấp đổi(2)**

…	

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Emailcủa tổ chức/cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2.	Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ: - Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định. - Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3. - Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia. Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.
Mục 3	Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp. Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng: - Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp
Mục 4	(1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn. (2). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
Mục 5	(1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị cấp đổi. (2). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,....).
Ký tên, đóng dấu	- Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính: + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh + Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

30. Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh.

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh theo quy định tại *điểm A.VIII.1.b Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ hoặc có nội dung cần bổ sung, làm rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thông báo, hướng dẫn phóng viên nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, đồng thời thông báo cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao để phối hợp; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* gửi thông báo, phóng viên nước ngoài phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ theo quy định. - Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đến cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* gửi văn bản, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trong trường hợp cần phải có thêm thời gian xem xét, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an có văn bản thông báo gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nhưng tổng thời hạn xử lý không quá 10 ngày làm việc. Trong thời hạn *05 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo *Mẫu 1m mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép

	và nêu rõ lý do, đồng thời thông báo kết quả cho cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công an và Bộ Ngoại giao.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1m mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ Đoàn khách nước ngoài, Cơ quan đại diện nước ngoài có đoàn hoặc cơ quan chủ quản đón đoàn
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.* *(Việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu 1m mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1m mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện	*Không*

thủ tục hành chính (nếu có)	
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 65/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.*

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……...	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1m

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1m

Áp dụng đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu)

Tờ số: ……/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: ……

1. ĐỀ NGHỊ	☐ Cấp ☐ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……..
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	☐ Thiết lập mạng viễn thông công cộng ☐ Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng ☐ Thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng PTTH ☐ Khác:.....
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)	
☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm ☐ 10 năm ☐ Khác:……	
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN	
4.1. Hô hiệu (tên/mã đài)	
4.2. Loại đài:	☐ Đài trái đất đặt trên tàu bay ☐ Đài trái đất di động ☐ Đài trái đất đặt trên tàu biển ☐ Đài trái đất cố định ☐ Khác:.....
4.3. Loại thiết bị	☐ Cả phát và thu ☐ Chỉ phát ☐ Chỉ thu
4.4. Tên thiết bị/Hãng sản xuất	..... / .....
4.5. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz)	..... / từ ..... đến ..... (MHz)
4.6. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz)	..... / từ ..... đến ..... (MHz)
4.7. Công suất phát (W)	
4.8. Ký hiệu phát xạ	Phát:..... / Thu:.....
4.9. Địa điểm đặt thiết bị – Cố định	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:
	Tỉnh/thành phố:

	Di động	Tỉnh/thành phố/khu vực:.....		
5. ĂNG-TEN				
5.1. Tên (nhãn hiệu)/ Hãng sản xuất			5.2. Đường kính (m)	
5.3. Vị trí (tọa độ)		Kinh độ :..... E/ Vĩ độ:..... N		
5.4. Độ rộng búp sóng (º)		Phát:..... / Thu:.....		
5.5. Hệ số khuếch đại (dBi)		Phát:...../ Thu:.....		
5.6. Góc phương vị lớn nhất / nhỏ nhất (º)		...../	5.7. Góc ngẩng (º)	
5.8. Độ cao so với mặt đất (m)				
5.9. Phân cực phát		Tuyến tính: □ Đứng và/hoặc □ Ngang Tròn : □ Trái và/hoặc □ Phải		
5.10. Phân cực thu		Tuyến tính: □ Đứng và/hoặc □ Ngang Tròn : □ Trái và/hoặc □ Phải		
5.11. Giản đồ bức xạ phát		□ REC-580 (ITU) □ REC-465 (ITU) □ AP28 hoặc AP29 □ Khác:		
5.12. Giản đồ bức xạ thu		□ REC-580 (ITU) □ REC-465 (ITU) □ AP28 hoặc AP29 □ Khác:		
6. VỊ TRÍ (TỌA ĐỘ) CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC (nếu có)		Kinh độ :..... E/ Vĩ độ:..... N		
7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ (bổ sung các thông tin khác theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế - ITU khi có yêu cầu của Cơ quan quản lý)				
7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (hoặc tên thương mại của vệ tinh)				
7.2. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (º)				
7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp				

7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát của đài trái đất	Công suất đỉnh cực đại (dBW) ..... Công suất đỉnh cực tiểu (dBW).....
7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu của đài trái đất	Tỷ số C/N: ..... Nhiệt độ tạp âm máy thu (^{0}K): .....
7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh	Phát:..... /Thu.....
8. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu).

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m được dùng để kê khai cho một loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. ĐỀ NGHỊ

Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép lần đầu hoặc không đủ điều kiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép. Đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu "X" vào các mục đích tương ứng.

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

4.1. Kê khai tên/mã trạm mặt đất.

4.2. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng (đài trái đất đặt trên tàu bay/ đài trái đất di động/đài trái đất đặt trên mặt đất/đài trái đất đặt trên tàu biển/khác: ghi cụ thể)

4.3. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng (cả thu và phát, chỉ phát, chỉ thu)

4.4. Kê khai tên thiết bị hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.

4.5. Kê khai tần số phát đề nghị và ghi dải tần phát của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.6. Kê khai tần số thu đề nghị và ghi dải tần thu của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz.

4.7. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

4.8. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E;304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

4.9. Địa điểm đặt thiết bị:

Đối với thiết bị đặt cố định: kê khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

Đối với thiết bị di động khi hoạt động: kê khai phạm vi di động của thiết bị theo địa chỉ hành chính. ví dụ: di động trên địa bàn tỉnh A hoặc xã B tỉnh A, lưu động trên biển,...

5. ĂNG-TEN

5.1. Kê khai tên, ký hiệu ăng-ten theo tài liệu kỹ thuật. Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Parabol trụ, Parabol tròn xoay,...), khai tên hãng sản xuất ăng-ten.

5.2. Kê khai đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).

5.3. Kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt đối với trạm đặt cố định.

5.4. Kê khai độ rộng của búp sóng phát và độ rộng của búp sóng thu theo đơn vị độ (^{o}), ví dụ: độ rộng của búp sóng phát là 10 độ và độ rộng của búp sóng thu là 11 độ, ghi là: 10/11.

5.5. Kê khai hệ số khuếch đại phát và ghi hệ số khuếch đại thu của ăng-ten theo đơn vị dBi, ví dụ: 10 / 9.

5.6. Góc phương vị là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ. Kê khai góc phương vị lớn nhất và góc phương vị nhỏ nhất trong trường hợp ăng-ten quay, ví dụ: 15 / 10.

5.7. Kê khai góc giữa hướng của ăng-ten với phương thẳng đứng (phương vuông góc với trái đất).

5.8. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

5.9. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu "X" vào ô tương ứng "đứng" hoặc "ngang"; với phân cực tròn, đánh dấu "X" vào ô "trái" hoặc "phải".

5.10. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu "X" vào ô tương ứng "đứng" hoặc "ngang"; với phân cực tròn, đánh dấu "X" vào ô "trái" hoặc "phải".

5.11. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ phát của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

5.12. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ thu của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC – 580...); đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Tài liệu kỹ thuật mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

6. VỊ TRÍ CỦA ĐÀI TRÁI ĐẤT LIÊN LẠC

Kê khai vị trí tọa độ của trạm vệ tinh liên lạc (đối với trạm vệ tinh VSAT liên lạc 2 chiều – nếu có): kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

7. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ

7.1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU(hoặc tên thương mại): kê khai tên đăng ký của vệ tinh với ITU là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU hoặc kê khai tên thương mại là tên của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. Ví dụ: vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E và tên thương mại là IS802@174°E thì cách ghi một trong hai tên: INTELSAT8 174E hoặc IS802@174°E.

7.2. Vị trí quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây

7.3. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: kê khai độ rộng băng thông (ví dụ: 8 MHz)

7.4. Thông tin chi tiết về thiết bị phát: kê khai công suất đỉnh lớn nhất theo đơn vị dBW và công suất đỉnh nhỏ nhất theo đơn vị dBW.

7.5. Thông tin chi tiết về thiết bị thu: kê khai tỷ số C/N (là tỷ số giữa công suất sóng mang và tạp âm) và kê khai nhiệt độ tạp âm máy thu (độ K), ghi nhiệt độ tạp âm (noise temperature) hoặc hệ số tạp âm (noise figure) của máy thu.

7.6. Ký hiệu búp sóng vệ tinh: trước khi kê khai cần trao đổi với phía đối tác cung cấp dung lượng vệ tinh để ghi chính xác ký hiệu búp sóng phát và búp sóng thu vệ tinh (associated satellite receiving designation/associated satellite receiving designation). Ký hiệu này dài không quá 4 ký tự, được ghi trong hồ sơ đăng ký của vệ tinh với ITU. Lưu ý: búp sóng phát của vệ tinh là búp sóng phát của đài trái đất và ngược lại.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

31. Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của phóng viên nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh

Trình tự thực hiện	- Trường hợp hồ sơ bị mất, bị hư hỏng, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của phóng viên nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh theo quy định tại *điểm A.VIII.1.c Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ hoặc có nội dung cần bổ sung, làm rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thông báo, hướng dẫn phóng viên nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trong thời hạn. - Trong thời hạn *03 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp đổi giấy phép theo Mẫu 1m mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* hoặc từ chối cấp đổi giấy phép và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	3. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ Đoàn khách nước ngoài, cơ quan chủ quản đón đoàn

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.* *(Việc cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện Mẫu 1m mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.*

Mẫu 4

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI GIA HẠN, CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1.Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):… Ngày sinh: ……	
1.2.Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): ……..……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại/ Email:……	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
• 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	

4. GIA HẠN

Số giấy phép(1)	**Thời gian đề nghị gia hạn(2)**
...	...

5. CẤP ĐỔI

Số giấy phép(1)	**Lý do cấp đổi(2)**

…	

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Emailcủa tổ chức/cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô “Cổng Dịch vụ công quốc gia” thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp

Mục 4 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn.

(2). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).

Mục 5 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị cấp đổi.

(2). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,....).

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

32. Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây theo quy định tại *điểm A.III.1.a Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thông báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; *+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp giấy phép theo Mẫu 1đ mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* trong thời hạn *09 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1đ mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* *(Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức, cá nhân lựa chọn nộp hồ sơ thực hiện)*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1đ mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP)*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1đ mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy*

	phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……..	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1đ

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1đ

Áp dụng đối với đài truyền thanh không dây

□ Cấp □ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……..

Tờ số: ……/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: …

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG			
2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)			
□ 1 năm □ 2 năm □ 3 năm □ 10 năm □ Khác:…….			
3. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN			
3.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất			
3.2. Công suất máy phát (W)			
3.3. Băng tần phát (MHz)	Từ ……..MHz đến ……..MHz		
3.4. Ký hiệu phát xạ	□ 100KF3E	□ Khác:…….	
3.5. Tần số phát đề nghị (MHz) (nếu có)			
3.6. Địa điểm đặt	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
	Tỉnh/thành phố:		
4. ĂNG-TEN			
4.1. Kiểu		4.2. Phân cực	
4.3. Hệ số khuếch đại (dBi)		4.4. Độ cao so với mặt đất (m)	
4.5. Hướng tính	□ ND □ D Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°): ……...		
4.6. Vị trí (toạ độ)	Kinh độ:…… E/ Vĩ độ : ……N		
5. TỔN HAO (dB) (nếu có)			
6. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1đ

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với đài truyền thanh không dây.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1đ khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1đ được dùng để kê khai cho 1 loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1đ khi sửa đổi, bổ sung theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích: ghi rõ phát sóng/ phát lại chương trình phát thanh

2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

3. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

3.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

3.2. Kê khai công suất phát thiết kế của thiết bị.

3.3. Kê khai dải tần số hoặc các kênh tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

3.4. Ký hiệu phát xạ: 100KF3E.

3.5. Tần số phát đề nghị: Kê khai tần số phát đề nghị cấp phép (nếu có).

3.6. Địa điểm đặt: Kê khai tên trụ sở đặt thiết bị; địa chỉ thường trú tại nơi đặt thiết bị (số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/ xã, thành phố (tỉnh).

4. ĂNG-TEN:

4.1 . Kiểu: kê khai tên, ký hiệu của ăng-ten theo tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất (Ví dụ: Dipole, 759101195, Kathrein). Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Dipole, Panel, lồng, chữ V, tháp, v.v...)

4.2 . Phân cực: Kê khai loại phân cực của ăng-ten (ví dụ: đứng, ngang, tròn,...).

4.3 . Hệ số khuếch đại (dBi): kê khai rõ hệ số khuếch đại của ăng-ten theo đơn vị dBi.

4.4 . Độ cao so với mặt đất (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo mét (m).

4.5. Hướng tính: kê khai ăng-ten có hướng (D) hay vô hướng (ND) bằng cách đánh dấu "X" vào ô cho trước. Đối với ăng-ten có hướng (D) kê khai góc phương vị của hướng bức xạ chính (là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ).

4.6. Vị trí (tọa độ): kê khai độ chính xác của kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân.

5. TỔN HAO (DB) (nếu có):

Kê khai tổn hao của hệ thống tính theo đơn vị dB bao gồm tổn hao phi đơ (fider) của hệ thống ăng-ten, tổn hao của kết nối (connector). Mặc định là 0 dB nếu không kê khai.

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có): kê khai các thông tin cần bổ sung chưa có trong bản khai (nếu có).

33. Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây

Trình tự thực hiện	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày và tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép không vượt quá 10 năm, tổ chức hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây theo quy định tại *điểm A.III.1.b Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thông báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; *+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện gia hạn giấy phép theo Mẫu 1đ mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* trong thời hạn *05 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Cách thức thực hiện	*Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:* *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ *Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 04 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.*

	(Việc gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1đ mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP)*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 04 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.*

Mẫu 4

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI GIA HẠN, CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1.Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):… Ngày sinh: ……	
1.2.Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): ……..……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại/ Email:……	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
• 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	

4. GIA HẠN

Số giấy phép(1)	**Thời gian đề nghị gia hạn(2)**
...	...

5. CẤP ĐỔI

Số giấy phép(1)	**Lý do cấp đổi(2)**

…	

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Emailcủa tổ chức/cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Mục 4 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn.

(2). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).

Mục 5 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị cấp đổi.

(2). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,....).

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

34. Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây theo quy định *tại điểm A.III.1.a Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thông báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; + *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thực hiện sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép theo *Mẫu 1đ mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* trong thời hạn *09 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Cách thức thực hiện	*Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:* *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1đ mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.* *(Việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1đ mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP)*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1đ mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy*

	phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……...	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1đ

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1đ

Áp dụng đối với đài truyền thanh không dây

□ Cấp □ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……..

Tờ số: ……/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: …

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG			
2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)			
□ 1 năm □ 2 năm □ 3 năm □ 10 năm □ Khác:…….			
3. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN			
3.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất			
3.2. Công suất máy phát (W)			
3.3. Băng tần phát (MHz)	Từ ……..MHz đến ……..MHz		
3.4. Ký hiệu phát xạ	□ 100KF3E □ Khác:…….		
3.5. Tần số phát đề nghị (MHz) (nếu có)			
3.6. Địa điểm đặt	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
	Tỉnh/thành phố:		
4. ĂNG-TEN			
4.1. Kiểu		4.2. Phân cực	
4.3. Hệ số khuếch đại (dBi)		4.4. Độ cao so với mặt đất (m)	
4.5. Hướng tính	□ ND □ D Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°): ……...		
4.6. Vị trí (toạ độ)	Kinh độ:…… E/ Vĩ độ : ……N		

5. TỔN HAO (dB) (nếu có)	
6. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1đ

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với đài truyền thanh không dây.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1đ khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1đ được dùng để kê khai cho 1 loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1đ khi sửa đổi, bổ sung theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích: ghi rõ phát sóng/ phát lại chương trình phát thanh

2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

3. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

3.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

3.2. Kê khai công suất phát thiết kế của thiết bị.

3.3. Kê khai dải tần số hoặc các kênh tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

3.4. Ký hiệu phát xạ: 100KF3E.

3.5. Tần số phát đề nghị: Kê khai tần số phát đề nghị cấp phép (nếu có).

3.6. Địa điểm đặt: Kê khai tên trụ sở đặt thiết bị; địa chỉ thường trú tại nơi đặt thiết bị (số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/ xã, thành phố (tỉnh).

4. ĂNG-TEN:

4.1 . Kiểu: kê khai tên, ký hiệu của ăng-ten theo tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất (Ví dụ: Dipole, 759101195, Kathrein). Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Dipole, Panel, lồng, chữ V, tháp, v.v...)

4.2 . Phân cực: Kê khai loại phân cực của ăng-ten (ví dụ: đứng, ngang, tròn,...).

4.3 . Hệ số khuếch đại (dBi): kê khai rõ hệ số khuếch đại của ăng-ten theo đơn vị dBi.

4.4 . Độ cao so với mặt đất (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo mét (m).

4.5. Hướng tính: kê khai ăng-ten có hướng (D) hay vô hướng (ND) bằng cách đánh dấu "X" vào ô cho trước. Đối với ăng-ten có hướng (D) kê khai góc phương vị của hướng bức xạ chính (là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ).

4.6. Vị trí (tọa độ): kê khai độ chính xác của kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân.

5. TỔN HAO (DB) (nếu có):

Kê khai tổn hao của hệ thống tính theo đơn vị dB bao gồm tổn hao phi đơ (fider) của hệ thống ăng-ten, tổn hao của kết nối (connector). Mặc định là 0 dB nếu không kê khai.

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có): kê khai các thông tin cần bổ sung chưa có trong bản khai (nếu có).

35. Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu hoạt động tuyến quốc tế

Trình tự thực hiện:	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu hoạt động tuyến quốc tế theo quy định tại *điểm A.II.1.a Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thông báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp giấy phép theo Mẫu 1h1 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* trong thời hạn *09 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Cách thức thực hiện:	*Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:* *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1h1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	*09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* *(Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức, cá nhân lựa chọn nộp hồ sơ thực hiện)*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1h1 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP)*
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1h1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử*

	dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……...	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1h1

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1h1

Áp dụng đối với đài tàu hoạt động tuyến quốc tế

□ Cấp □ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……..

Tờ số: ……/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: …

1. TÊN CHỦ TÀU	
2. TÊN TÀU	
3. SỐ GỌI CHỌN (nếu có)	

4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)

□ 1 năm □ 2 năm □ 3 năm □ 10 năm □ Khác:…….

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐẶT TRÊN TÀU

LOẠI THIẾT BỊ (MF, HF, VHF,…)	**TÊN THIẾT BỊ**	**CÔNG SUẤT PHÁT (W)**	**DẢI TẦN HOẠT ĐỘNG từ. . . .đến.. . . (kHz/MHz)**	**PHƯƠNG THỨC PHÁT**	**THÔNG TIN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**
					• Bổ sung • Hủy bỏ • Thay thế cho thiết bị …….
					• Bổ sung • Hủy bỏ • Thay thế cho thiết bị …
					• Bổ sung • Hủy bỏ • Thay thế cho thiết bị ……
					• Bổ sung • Hủy bỏ • Thay thế cho thiết bị …
					• Bổ sung • Hủy bỏ • Thay thế cho thiết bị ……

					• Bổ sung • Hủy bỏ • Thay thế cho thiết bị ……
6. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)					

Hướng dẫn kê khai bản khai thông số kỹ thuật khai thác 1h1

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với đài tàu hoạt động tuyến quốc tế.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép tần số vô tuyến điện hoặc đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h1 dùng để kê khai cho một đài tàu. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều đài tàu. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ ở từng Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h1 nếu đề nghị cấp. Các thiết bị cùng loại có thông số giống nhau có thể kê khai một lần và ghi rõ số lượng thiết bị.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h1 sửa đổi, bổ sung.

1. TÊN CHỦ TÀU

Kê khai tên của chủ sở hữu (khuyến khích viết chữ in hoa, ví dụ: NGUYỄN VĂN A).

2. TÊN TÀU

Kê khai tên của đài tàu (khuyến khích viết chữ in hoa, ví dụ: VINALINES).

3. SỐ GỌI CHỌN

Kê khai dãy số gồm 9 chữ số do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho tàu.

4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐẶT TRÊN TÀU

Kê khai theo từng loại thiết bị, mỗi loại thiết bị kê khai vào một dòng

- Loại thiết bị: (ví dụ: HF, MF, VHF...)

- Tên thiết bị: kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị.

- Công suất phát (W): kê khai mức công suất phát của thiết bị

- Dải tần hoạt động: kê khai dải tần hoạt động của thiết bị (ví dụ: từ 5 MHz đến 10 MHz).

- Phương thức phát: Kê khai tất cả các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;....

- Thông tin sửa đổi, bổ sung: chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 5

+ Đánh dấu X vào ô "Bổ sung" đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào giấy phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

+ Đánh dấu X vào ô "Hủy bỏ" đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

+ Đánh dấu X vào ô "Thay thế" và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

36. Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu hoạt động tuyến quốc tế

Trình tự thực hiện:	Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày và tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép không vượt quá 10 năm, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu hoạt động tuyến quốc tế theo quy định tại *điểm A.II.1.b Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thông báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thực hiện gia hạn giấy phép theo *Mẫu 1h1 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* trong thời hạn *05 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Cách thức thực hiện:	*Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:* *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ *- Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 04 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	*05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.* *(Việc gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1h1 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP)*
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:	*Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 04 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.*

Mẫu 4

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI GIA HẠN, CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: …….

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1.Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):… Ngày sinh: ……	
1.2.Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): ……..……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại/ Email:……	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
• 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	

4. GIA HẠN

Số giấy phép(1)	**Thời gian đề nghị gia hạn(2)**
...	...

5. CẤP ĐỔI

Số giấy phép(1)	**Lý do cấp đổi(2)**

…	

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Emailcủa tổ chức/cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Mục 4 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn.

(2). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).

Mục 5 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị cấp đổi.

(2). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,....).

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

37. Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu hoạt động tuyến quốc tế

Trình tự thực hiện:	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu hoạt động tuyến quốc tế theo quy định tại *điểm A.II.1.a Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thông báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thực hiện sửa đổi, bổ sung giấy phép theo *Mẫu 1h1 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* trong thời hạn *09 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Cách thức thực hiện:	*Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:* *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1h1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	*09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.* *(Việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1h1 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP)*
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục):	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1h1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.

	- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh. *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.*

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……..	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1h1

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1h1

Áp dụng đối với đài tàu hoạt động tuyến quốc tế

□ Cấp □ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……..

Tờ số: ……/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: …

1. TÊN CHỦ TÀU	
2. TÊN TÀU	
3. SỐ GỌI CHỌN (nếu có)	

4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)

□ 1 năm □ 2 năm □ 3 năm □ 10 năm □ Khác:…….

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐẶT TRÊN TÀU

LOẠI THIẾT BỊ (MF, HF, VHF,…)	TÊN THIẾT BỊ	CÔNG SUẤT PHÁT (W)	DẢI TẦN HOẠT ĐỘNG từ. . . .đến.. . . (kHz/MHz)	PHƯƠNG THỨC PHÁT	THÔNG TIN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
					• Bổ sung • Hủy bỏ • Thay thế cho thiết bị …….
					• Bổ sung • Hủy bỏ • Thay thế cho thiết bị …
					• Bổ sung • Hủy bỏ • Thay thế cho thiết bị ……
					• Bổ sung • Hủy bỏ • Thay thế cho thiết bị …
					• Bổ sung • Hủy bỏ • Thay thế cho thiết bị ……

					• Bổ sung • Hủy bỏ • Thay thế cho thiết bị ……
6. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)					

Hướng dẫn kê khai bản khai thông số kỹ thuật khai thác 1h1

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với đài tàu hoạt động tuyến quốc tế.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép tần số vô tuyến điện hoặc đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h1 dùng để kê khai cho một đài tàu. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều đài tàu. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ ở từng Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h1 nếu đề nghị cấp. Các thiết bị cùng loại có thông số giống nhau có thể kê khai một lần và ghi rõ số lượng thiết bị.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h1 sửa đổi, bổ sung.

1. TÊN CHỦ TÀU

Kê khai tên của chủ sở hữu (khuyến khích viết chữ in hoa, ví dụ: NGUYỄN VĂN A).

2. TÊN TÀU

Kê khai tên của đài tàu (khuyến khích viết chữ in hoa, ví dụ: VINALINES).

3. SỐ GỌI CHỌN

Kê khai dãy số gồm 9 chữ số do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho tàu.

4. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐẶT TRÊN TÀU

Kê khai theo từng loại thiết bị, mỗi loại thiết bị kê khai vào một dòng

- Loại thiết bị: (ví dụ: HF, MF, VHF...)

- Tên thiết bị: kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị.

- Công suất phát (W): kê khai mức công suất phát của thiết bị

- Dải tần hoạt động: kê khai dải tần hoạt động của thiết bị (ví dụ: từ 5 MHz đến 10 MHz).

- Phương thức phát: Kê khai tất cả các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;....

- Thông tin sửa đổi, bổ sung: chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 5

+ Đánh dấu X vào ô "Bổ sung" đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào giấy phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

+ Đánh dấu X vào ô "Hủy bỏ" đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

+ Đánh dấu X vào ô "Thay thế" và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

38. Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá theo quy định tại *điểm A.I.1.a Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thông báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. *+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp giấy phép theo Mẫu 1i mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* trong thời hạn *09 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Cách thức thực hiện	*Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:* *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1i mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* *(Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức, cá nhân lựa chọn nộp hồ sơ thực hiện)*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1i mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP)*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- *Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1i mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.*

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……...	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1i

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1i

Áp dụng đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá

□ Cấp □ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……..

Tờ số: ……/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: ……

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	
2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)	
□ 1 năm □ 2 năm □ 3 năm □ 10 năm □ Khác:……..	
3. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN	
3.1. Tên thiết bị phát/ Hãng sản xuất	
3.2. Công suất phát tối đa	
3.3. Dải tần thiết bị (kHz)	
3.4. Ký hiệu phát xạ	
3.5. Tên/mã trạm (nếu có)	
3.6. Đối tượng liên lạc	
3.7. Địa điểm đặt	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:
	Tỉnh/thành phố:
4. ĂNG-TEN	
4.1.Kiểu (nhãn hiệu)	
4.2.Độ cao so với mặt đất (m)	
4.3.Vị trí (tọa độ)	Kinh độ: ……E/ Vĩ độ:…… N
4. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật khai thác 1i

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp cho đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1i dùng để kê khai một đài vô tuyến điện. Có thể dùng nhiều Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1i nếu cần kê khai nhiều đài. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai, tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1i khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1i khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1.MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai mục đích sử dụng của đài, ví dụ liên lạc với phương tiện nghề cá của cá nhân, tổ chức đề nghị cấp giấy phép hay với phương tiện nghề cá của các cá nhân, tổ chức khác.

2.THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP:

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

3.THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

3.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

3.2. Kê khai công suất phát tối đa của thiết bị.

3.3. Kê khai dải tần hoạt động của thiết bị (ví dụ: từ 1600 kHz đến 30000 kHz).

3.4. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E;304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E,…

3.5. Kê khai tên/mã trạm do tổ chức, cá nhân tự đề nghị để thuận tiện trong công việc. Trường hợp không đề nghị tên/mã trạm sẽ do Cơ quan cấp phép quy định.

3.6. Kê khai tên/mã trạm của các đài vô tuyến điện có truyền thông tin vô tuyến điện với thiết bị vô tuyến điện/ đài vô tuyến điện đang đề nghị cấp phép.

3.7. Địa điểm đặt thiết bị: kê khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh) và kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

4.ĂNG-TEN:

4.1. Kê khai tên, ký hiệu theo tài liệu kỹ thuật (VD: DB404, AD-22/C, …). Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Loga-chu kỳ, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, dàn chấn tử đồng pha, v.v...)

4.2. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

4.3. Kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của vị trí đặt ăng-ten.

5.CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

39. Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá

Trình tự thực hiện	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày và tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép không vượt quá 10 năm, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá theo quy định tại *điểm A.I.1.b Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thông báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thực hiện gia hạn giấy phép theo *Mẫu 1i mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* trong thời hạn *05 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Cách thức thực hiện	*Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:* *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 04 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.* *(Việc gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1i mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP)*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 04 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.*

Mẫu 4

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI GIA HẠN, CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1.Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):… Ngày sinh: ……	
1.2.Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): ……..……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại/ Email:……	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
• 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	

4. GIA HẠN

Số giấy phép(1)	**Thời gian đề nghị gia hạn(2)**
...	...

5. CẤP ĐỔI

Số giấy phép(1)	**Lý do cấp đổi(2)**

…	

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Emailcủa tổ chức/cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Mục 4 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn.

(2). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).

Mục 5 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị cấp đổi.

(2). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,....).

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

40. Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá theo quy định tại *điểm A.I.1.a Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thông báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. *+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thực hiện sửa đổi, bổ sung giấy phép theo *Mẫu 1i mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* trong thời hạn *09 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Cách thức thực hiện	*Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:* *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - *Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1i mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.* *(Việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1i mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP)*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu 1i mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử*

	dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……...	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.	

4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1i

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1i

Áp dụng đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá

□ Cấp □ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……..

Tờ số: ……/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: ……

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	
2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)	
□ 1 năm □ 2 năm □ 3 năm □ 10 năm □ Khác:……..	
3. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN	
3.1. Tên thiết bị phát/ Hãng sản xuất	
3.2. Công suất phát tối đa	
3.3. Dải tần thiết bị (kHz)	
3.4. Ký hiệu phát xạ	
3.5. Tên/mã trạm (nếu có)	
3.6. Đối tượng liên lạc	
3.7. Địa điểm đặt	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:
	Tỉnh/thành phố:
4. ĂNG-TEN	
4.1.Kiểu (nhãn hiệu)	
4.2.Độ cao so với mặt đất (m)	
4.3.Vị trí (tọa độ)	Kinh độ: ……E/ Vĩ độ:…… N
5.CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)	

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật khai thác 1i

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp cho đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hoặc đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1i dùng để kê khai một đài vô tuyến điện. Có thể dùng nhiều Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1i nếu cần kê khai nhiều đài. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai, tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1i khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1i khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1.MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai mục đích sử dụng của đài, ví dụ liên lạc với phương tiện nghề cá của cá nhân, tổ chức đề nghị cấp giấy phép hay với phương tiện nghề cá của các cá nhân, tổ chức khác.

2.THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP:

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

3.THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

3.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

3.2. Kê khai công suất phát tối đa của thiết bị.

3.3. Kê khai dải tần hoạt động của thiết bị (ví dụ: từ 1600 kHz đến 30000 kHz).

3.4. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E;304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E,…

3.5. Kê khai tên/mã trạm do tổ chức, cá nhân tự đề nghị để thuận tiện trong công việc. Trường hợp không đề nghị tên/mã trạm sẽ do Cơ quan cấp phép quy định.

3.6. Kê khai tên/mã trạm của các đài vô tuyến điện có truyền thông tin vô tuyến điện với thiết bị vô tuyến điện/ đài vô tuyến điện đang đề nghị cấp phép.

3.7. Địa điểm đặt thiết bị: kê khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh) và kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

4.ĂNG-TEN:

4.1. Kê khai tên, ký hiệu theo tài liệu kỹ thuật (VD: DB404, AD-22/C, …). Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Loga-chu kỳ, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, dàn chấn tử đồng pha, v.v...)

4.2. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

4.3. Kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của vị trí đặt ăng-ten.

5.CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên (nếu có).

II. Thủ tục hành chính thay thế

A. Thủ tục hành chính cấp Trung ương

1. Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Cục Tần số vô tuyến điện cấp).

Trình tự thực hiện	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày và tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép không vượt quá 10 năm, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (đối với: thiết bị phát thanh truyền hình; tuyến truyền dẫn vi ba; đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển); thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1h1, 1i, 1m) theo quy định và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trong thời hạn *05 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện gia hạn giấy phép theo mẫu tương ứng tại *mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* hoặc từ chối gia hạn giấy phép và nêu rõ lý do. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng *16 ngày làm việc* của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện giải quyết hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; (Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ: + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, thành phố Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, thành phố Đà Nẵng).

	- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- *05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.* - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 16 ngày làm việc của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (theo mẫu tương ứng cho từng loại thiết bị vô tuyến điện tại mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP)*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử

	dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.*

Mẫu 4

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI GIA HẠN, CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:……

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1.Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):… Ngày sinh: ……	
1.2.Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): ……..……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại/ Email:……	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
• 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	

4. GIA HẠN

Số giấy phép(1)	**Thời gian đề nghị gia hạn(2)**
...	...

5. CẤP ĐỔI

Số giấy phép(1)	**Lý do cấp đổi(2)**
…	

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Emailcủa tổ chức/cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô “Cổng Dịch vụ công quốc gia” thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3	Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp. Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng: - Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp
Mục 4	(1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn. (2). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
Mục 5	(1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị cấp đổi. (2). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,....).
Ký tên, đóng dấu	- Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính: + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh + Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

2. Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1h1, 1i, 1m

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1h1, 1i, 1m theo quy định và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện thông báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trong thời hạn *16 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện *(Mẫu 1l đối với Đài bờ) và Mẫu 1a (đối với các thiết bị còn lại) tại mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng *16 ngày làm việc* của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy phép trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; (Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ: + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, thành phố Hồ Chí Minh; + Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, thành phố Đà Nẵng). - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).

Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung theo *Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*; - Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo *Mẫu số 1a mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*; - Bản sao hợp pháp hoặc bản sao điện tử hợp pháp Căn cước công dân hoặc Căn cước (đối với cá nhân là người Việt Nam đề nghị cấp giấy phép) hoặc Hộ chiếu còn thời hạn (đối với cá nhân là người nước ngoài đề nghị cấp giấy phép) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (đối với hộ kinh doanh đề nghị cấp giấy phép). Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ là Căn cước công dân, Căn cước, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Đối với căn cước công dân hoặc căn cước thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện việc khai thác các thông tin, giấy tờ này từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản để yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính. - Tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp phép (Trong trường hợp cơ quan cấp giấy phép cần phải xác minh lại thông tin trong bản khai đề nghị cấp phép để ấn định tần số vô tuyến điện và cấp giấy phép) theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- *16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ* - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 16 ngày làm việc của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1l (đối với Đài bờ) và Mẫu 1a (đối với các thiết bị còn lại) tại mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP)*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1a mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.*

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……..	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1a

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1a

Áp dụng đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1h1, 1i, 1m

Tờ số: ……/tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: …….

1. ĐỀ NGHỊ		□ Cấp □ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……
2.MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG		
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)		
□ 1 năm □ 2 năm □ 3 năm □ 10 năm □ Khác		
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN		
4.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất		
4.2. Các mức công suất phát (W)		
4.3. Ký hiệu phát xạ		
4.4. Độ rộng kênh (nếu có)		
4.5. Dải tần thiết bị	Phát	
	Thu	
4.6. Tần số phát/thu đề nghị (nếu có)		
4.7. Độ nhạy máy thu (dBm) (nếu có)		
4.8. Tên/mã trạm đề nghị (nếu có)		
4.9. Đối tượng liên lạc (nếu có)		
4.10. Địa điểm đặt		□ Di động □ Cố định: Kinh độ:..... E/ Vĩ độ : …….N

	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
	Tỉnh/thành phố:		
4.11. Thiết bị trong mạng (đối với Đài bờ)	Số lượng thiết bị chính		
	Số lượng thiết bị dự phòng		
4.12. Thông tin sửa đổi, bổ sung	□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị …….		
5. ĂNG-TEN			
5.1. Kiểu (Nhãn hiệu)		5.2. Dải tần làm việc	
5.3. Hệ số khuếch đại (dBi)		5.4. Phân cực	
5.5. Hướng tính	□ ND □ D Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°): ……	5.6. Độ cao so với mặt đất (m)	
6. TỔN HAO (dB) (nếu có)			
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1h1, 1i, 1m.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a được dùng để kê khai cho 01 (một) loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ bản khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị khác nhau. Các thiết bị cùng loại, có thông số giống nhau kê khai 01 (một) lần và ghi rõ số lượng thiết bị bên cạnh. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. ĐỀ NGHỊ

Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép lần đầu hoặc không đủ điều kiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép. Đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích: Phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập, nghiên cứu, dự phòng,...

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4.THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

4.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

4.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

4.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E;304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

4.4. Kê khai độ rộng kênh tần số mà thiết bị có thể hoạt động (không bắt buộc).

4.5. Kê khai dải tần số phát, thu mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

4.6. Kê khai tần số phát/ thu theo mong muốn được sử dụng (không bắt buộc).

4.7. Kê khai độ nhạy máy thu đối với thiết bị thu hoặc thiết bị thu phát theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Không bắt buộc.

4.8. Kê khai tên/mã trạm do tổ chức, cá nhân tự đề nghị để thuận tiện trong công việc, hoặc đề nghị theo dãy hô hiệu được Quốc tế phân chia cho Việt Nam sử dụng. Trường hợp không đề nghị tên/mã trạm sẽ do cơ quan cấp giấy phép quy định.

4.9. Kê khai tên/mã trạm của các đài vô tuyến điện có truyền thông tin vô tuyến điện với thiết bị vô tuyến điện/ đài vô tuyến điện đang đề nghị cấp phép.

4.10. Địa điểm đặt thiết bị:

- Đánh dấu "X" vào ô "Cố định" đối với thiết bị đặt cố định. Khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh) và kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

- Đánh dấu "X" vào ô "Di động" đối với thiết bị di động khi hoạt động. Kê khai phạm vi di động của thiết bị theo địa chỉ hành chính ví dụ di động trên địa bàn tỉnh A hoặc xã B tỉnh A,…

4.11. Chỉ kê khai đối với đài bờ

- Số lượng thiết bị chính: kê khai số lượng thiết bị chính trong mạng

- Số lượng thiết bị dự phòng: kê khai số lượng thiết bị dự phòng trong mạng

4.12. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 4

- Đánh dấu "X" vào ô "Bổ sung" đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 4.

- Đánh dấu "X" vào ô "Hủy bỏ" đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

- Đánh dấu "X" vào ô "Thay thế cho thiết bị" và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 4.

5. ĂNG-TEN

Kê khai tất cả các Mục từ 5.1 đến 5.6 đối với thiết bị vô tuyến điện có ăng-ten rời, không tích hợp trên thiết bị. Đối với ăng-ten tích hợp cùng thiết bị chỉ yêu cầu kê khai Mục 5.2 và 5.6 các mục khác không bắt buộc.

5.1. Kê khai tên, ký hiệu theo tài liệu kĩ thuật (VD: DB404, AD-22/C, …). Trong trường hợp trên ăng - ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng - ten (ví dụ: Loga-chu kỳ, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, dàn chấn tử đồng pha, v.v...)

5.2. Kê khai dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được theo thiết kế.

5.3. Kê khai hệ số khuếch đại theo thiết kế tính theo đơn vị dBi.

5.4. Kê khai phân cực của ăng-ten theo thiết kế. Ví dụ: thẳng, đứng, ngang, tròn,...

5.5. Đánh dấu "X" vào các ô tương ứng: ND là ăng-ten với vô hướng, D là ăng-ten có hướng và kê khai là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ

5.6. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

6. TỔN HAO

Kê khai tổn hao của hệ thống tính theo đơn vị dB bao gồm tổn hao phi đơ (fider) của hệ thống ăng-ten, tổn hao của kết nối (connector). Mặc định là 0 dB nếu không kê khai.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.

3. Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1h1, 1i, 1m

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1h1, 1i, 1m theo quy định và nộp hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Tần số vô tuyến điện) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - Cục Tần số vô tuyến điện tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trong thời hạn *16 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Tần số vô tuyến điện sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện *(Mẫu 1l đối với Đài bờ và Mẫu 1a đối với các thiết bị còn lại) tại mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do. + Trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng *16 ngày làm việc* của một tổ chức, cá nhân, Cục Tần số vô tuyến điện giải quyết hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép trong thời hạn 03 tháng.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nộp qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ; (Địa chỉ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ: + Bộ phận Một cửa cơ sở 1 tại Tầng 1, Tòa nhà Cục Đổi mới Sáng tạo, số 113 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội; + Bộ phận Một cửa cơ sở 2 tại Tòa nhà số 1196 đường 3 tháng 2, Phường Bình Thới, thành phố Hồ Chí Minh;

	+ Bộ phận Một cửa cơ sở 3 tại Đại diện Văn phòng Bộ tại miền Trung, số 42 Trần Quốc Toản, thành phố Đà Nẵng). - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1a mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*- 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.* - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 16 ngày làm việc của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Tần số vô tuyến điện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1l (đối với Đài bờ) và Mẫu 1a (đối với các thiết bị còn lại) tại mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP)*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1a mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.*

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……..	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1a

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1a

Áp dụng đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1h1, 1i, 1m

Tờ số: ……/tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: …….

1. ĐỀ NGHỊ		□ Cấp □ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……
2.MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG		
3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)		
□ 1 năm □ 2 năm □ 3 năm □ 10 năm □ Khác		
4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN		
4.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất		
4.2. Các mức công suất phát (W)		
4.3. Ký hiệu phát xạ		
4.4. Độ rộng kênh (nếu có)		
4.5. Dải tần thiết bị	Phát	
	Thu	
4.6. Tần số phát/thu đề nghị (nếu có)		
4.7. Độ nhạy máy thu (dBm) (nếu có)		
4.8. Tên/mã trạm đề nghị (nếu có)		
4.9. Đối tượng liên lạc (nếu có)		
4.10. Địa điểm đặt		□ Di động □ Cố định: Kinh độ:..... E/ Vĩ độ : …….N

	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
	Tỉnh/thành phố:		
4.11. Thiết bị trong mạng (đối với Đài bờ)	Số lượng thiết bị chính		
	Số lượng thiết bị dự phòng		
4.12. Thông tin sửa đổi, bổ sung	□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị …….		
5. ĂNG-TEN			
5.1. Kiểu (Nhãn hiệu)		5.2. Dải tần làm việc	
5.3. Hệ số khuếch đại (dBi)		5.4. Phân cực	
5.5. Hướng tính	□ ND □ D Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°): ……	5.6. Độ cao so với mặt đất (m)	
6. TỔN HAO (dB) (nếu có)			
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1h1, 1i, 1m.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a được dùng để kê khai cho 01 (một) loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ bản khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị khác nhau. Các thiết bị cùng loại, có thông số giống nhau kê khai 01 (một) lần và ghi rõ số lượng thiết bị bên cạnh. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. ĐỀ NGHỊ

Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép lần đầu hoặc không đủ điều kiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép. Đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích: Phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập, nghiên cứu, dự phòng,...

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4.THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

4.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

4.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

4.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E;304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

4.4. Kê khai độ rộng kênh tần số mà thiết bị có thể hoạt động (không bắt buộc).

4.5. Kê khai dải tần số phát, thu mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

4.6. Kê khai tần số phát/ thu theo mong muốn được sử dụng (không bắt buộc).

4.7. Kê khai độ nhạy máy thu đối với thiết bị thu hoặc thiết bị thu phát theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Không bắt buộc.

4.8. Kê khai tên/mã trạm do tổ chức, cá nhân tự đề nghị để thuận tiện trong công việc, hoặc đề nghị theo dãy hô hiệu được Quốc tế phân chia cho Việt Nam sử dụng. Trường hợp không đề nghị tên/mã trạm sẽ do cơ quan cấp giấy phép quy định.

4.9. Kê khai tên/mã trạm của các đài vô tuyến điện có truyền thông tin vô tuyến điện với thiết bị vô tuyến điện/ đài vô tuyến điện đang đề nghị cấp phép.

4.10. Địa điểm đặt thiết bị:

- Đánh dấu "X" vào ô "Cố định" đối với thiết bị đặt cố định. Khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh) và kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

- Đánh dấu "X" vào ô "Di động" đối với thiết bị di động khi hoạt động. Kê khai phạm vi di động của thiết bị theo địa chỉ hành chính ví dụ di động trên địa bàn tỉnh A hoặc xã B tỉnh A,…

4.11. Chỉ kê khai đối với đài bờ

- Số lượng thiết bị chính: kê khai số lượng thiết bị chính trong mạng

- Số lượng thiết bị dự phòng: kê khai số lượng thiết bị dự phòng trong mạng

4.12. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 4

- Đánh dấu "X" vào ô "Bổ sung" đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 4.

- Đánh dấu "X" vào ô "Hủy bỏ" đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

- Đánh dấu "X" vào ô "Thay thế cho thiết bị" và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 4.

5. ĂNG-TEN

Kê khai tất cả các Mục từ 5.1 đến 5.6 đối với thiết bị vô tuyến điện có ăng-ten rời, không tích hợp trên thiết bị. Đối với ăng-ten tích hợp cùng thiết bị chỉ yêu cầu kê khai Mục 5.2 và 5.6 các mục khác không bắt buộc.

5.1. Kê khai tên, ký hiệu theo tài liệu kĩ thuật (VD: DB404, AD-22/C, …). Trong trường hợp trên ăng - ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng - ten (ví dụ: Loga-chu kỳ, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, dàn chấn tử đồng pha, v.v...)

5.2. Kê khai dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được theo thiết kế.

5.3. Kê khai hệ số khuếch đại theo thiết kế tính theo đơn vị dBi.

5.4. Kê khai phân cực của ăng-ten theo thiết kế. Ví dụ: thẳng, đứng, ngang, tròn,...

5.5. Đánh dấu "X" vào các ô tương ứng: ND là ăng-ten với vô hướng, D là ăng-ten có hướng và kê khai là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ

5.6. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

6. TỔN HAO

Kê khai tổn hao của hệ thống tính theo đơn vị dB bao gồm tổn hao phi đơ (fider) của hệ thống ăng-ten, tổn hao của kết nối (connector). Mặc định là 0 dB nếu không kê khai.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.

B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1. Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không.

Trình tự thực hiện	Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không theo quy định tại *điểm A.IX.1.a Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. 1. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thông báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. 2. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định: 2.1. Trường hợp không phải thực hiện phối hợp trong nước và quốc tế về tần số vô tuyến điện: - Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép theo *Mẫu 1a mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do; 2.2. Trường hợp phải thực hiện phối hợp trong nước và quốc tế về tần số vô tuyến điện: (1) Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trường hợp việc ấn định và phối hợp tần số trong nước không khả thi, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do; (2) Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thực hiện việc ấn định, phối hợp tần số vô tuyến điện trong nước, trường hợp tần số khả thi thì gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện. - Trình tự phối hợp trong nước và quốc tế về tần số vô tuyến điện (áp dụng đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không sử dụng tần số ngoài băng tần từ 2850 kHz đến 22000 kHz và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không, bao gồm đài vô tuyến điện đặt

	tại các sân bay chuyên dùng phải đăng ký với Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế): (b1) Trong thời hạn *22 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng thực hiện các công việc sau: (b2) Phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện với các nhà chức trách hàng không quốc tế, Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế; (b3) Phối hợp với tổ chức, cá nhân phát, thu thử tần số vô tuyến điện khi cần thiết trên cơ sở ý kiến đồng ý của *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* có ý kiến về việc phát, thu thử trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu phát, thu thử của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng; (b4) Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về kết quả phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện bao gồm cả trường hợp phối hợp thành công và không thành công. Trường hợp phối hợp thành công, nội dung thông báo bao gồm thông tin về các tần số phối hợp thành công kèm theo nhận dạng của đài vô tuyến điện. Trường hợp việc phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện cần có sự phối hợp chuyên sâu về kỹ thuật, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng phối hợp với *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thực hiện việc phối hợp này. - Trong thời hạn *05 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Bộ Xây dựng về kết quả phối hợp tần số quốc tế, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép theo Mẫu 1a mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	*Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:* *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;*

	- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1a mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; - Văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Quốc phòng về việc mở sân bay chuyên dùng (áp dụng đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không, nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không đặt tại sân bay chuyên dùng); - Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao (áp dụng đối với đài vô tuyến điện của đoàn khách nước ngoài thăm, làm việc tại Việt Nam theo lời mời của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ); hoặc văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Văn phòng Quốc hội (áp dụng đối với đài vô tuyến điện của đoàn khách nước ngoài thăm, làm việc tại Việt Nam theo lời mời của lãnh đạo Quốc hội); hoặc văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản đón đoàn (áp dụng đối với đài vô tuyến điện của đoàn khách nước ngoài khác); - Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao hoặc *Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh* hoặc Sở Ngoại vụ được phân công quản lý (áp dụng đối với đài vô tuyến điện của cơ quan đại diện nước ngoài); - Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao (áp dụng đối với đài vô tuyến điện của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*- 14 ngày làm việc (đối với trường hợp không phải thực hiện phối hợp trong nước và quốc tế về tần số vô tuyến điện hoặc phối hợp tần số trong nước không khả thi) kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định hoặc;* - 41 ngày làm việc (đối với trường hợp phải thực hiện phối hợp trong nước và quốc tế về tần số vô tuyến điện) kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 16 ngày làm việc của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* *(Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức, cá nhân lựa chọn nộp hồ sơ thực hiện)*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện Mẫu 1a mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1a mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy*

	phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……...	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định. 4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.	

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1a

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1a

Áp dụng đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1h1, 1i, 1m

Tờ số: ……/tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

<table>
<tr><td colspan="2">1. ĐỀ NGHỊ</td><td colspan="2">□ Cấp
□ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……</td></tr>
<tr><td colspan="2">2.MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td colspan="4">3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)</td></tr>
<tr><td colspan="4">□ 1 năm □ 2 năm □ 3 năm □ 10 năm □ Khác ……</td></tr>
<tr><td colspan="4">4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN</td></tr>
<tr><td colspan="2">4.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td colspan="2">4.2. Các mức công suất phát (W)</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td colspan="2">4.3. Ký hiệu phát xạ</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td colspan="2">4.4. Độ rộng kênh (nếu có)</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td rowspan="2">4.5. Dải tần thiết bị</td><td>Phát</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td>Thu</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td colspan="2">4.6. Tần số phát/thu đề nghị (nếu có)</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td colspan="2">4.7. Độ nhạy máy thu (dBm) (nếu có)</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td colspan="2">4.8. Tên/mã trạm đề nghị (nếu có)</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td colspan="2">4.9. Đối tượng liên lạc (nếu có)</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td colspan="2" rowspan="3">4.10. Địa điểm đặt</td><td colspan="2">□ Di động □ Cố định: Kinh độ:..... E/ Vĩ độ : …….N</td></tr>
<tr><td colspan="2">Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:</td></tr>
<tr><td colspan="2">Tỉnh/thành phố:</td></tr>
<tr><td colspan="2" rowspan="2">4.11. Thiết bị trong mạng (đối với Đài bờ)</td><td>Số lượng thiết bị chính</td><td></td></tr>
<tr><td>Số lượng thiết bị dự phòng</td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">4.12. Thông tin sửa đổi, bổ sung</td><td colspan="2">□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị …….</td></tr>
<tr><td colspan="4">5. ĂNG-TEN</td></tr>
</table>

5.1. Kiểu (Nhãn hiệu)		5.2. Dải tần làm việc	
5.3. Hệ số khuếch đại (dBi)		5.4. Phân cực	
5.5. Hướng tính	□ ND □ D Góc phương vị của hướng bức xạ chính (º): ……	5.6. Độ cao so với mặt đất (m)	
6. TỔN HAO (dB) (nếu có)			
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1h1, 1i, 1m.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a được dùng để kê khai cho 01 (một) loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ bản khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị khác nhau. Các thiết bị cùng loại, có thông số giống nhau kê khai 01 (một) lần và ghi rõ số lượng thiết bị bên cạnh. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. ĐỀ NGHỊ

Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép lần đầu hoặc không đủ điều kiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép. Đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích: Phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập, nghiên cứu, dự phòng,...

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4.THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

4.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

4.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

4.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E;304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

4.4. Kê khai độ rộng kênh tần số mà thiết bị có thể hoạt động (không bắt buộc).

4.5. Kê khai dải tần số phát, thu mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

4.6. Kê khai tần số phát/ thu theo mong muốn được sử dụng (không bắt buộc).

4.7. Kê khai độ nhạy máy thu đối với thiết bị thu hoặc thiết bị thu phát theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Không bắt buộc.

4.8. Kê khai tên/mã trạm do tổ chức, cá nhân tự đề nghị để thuận tiện trong công việc, hoặc đề nghị theo dãy hô hiệu được Quốc tế phân chia cho Việt Nam sử dụng. Trường hợp không đề nghị tên/mã trạm sẽ do cơ quan cấp giấy phép quy định.

4.9. Kê khai tên/mã trạm của các đài vô tuyến điện có truyền thông tin vô tuyến điện với thiết bị vô tuyến điện/ đài vô tuyến điện đang đề nghị cấp phép.

4.10. Địa điểm đặt thiết bị:

- Đánh dấu "X" vào ô "Cố định" đối với thiết bị đặt cố định. Khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh) và kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

- Đánh dấu "X" vào ô "Di động" đối với thiết bị di động khi hoạt động. Kê khai phạm vi di động của thiết bị theo địa chỉ hành chính ví dụ di động trên địa bàn tỉnh A hoặc xã B tỉnh A,…

4.11. Chỉ kê khai đối với đài bờ

- Số lượng thiết bị chính: kê khai số lượng thiết bị chính trong mạng

- Số lượng thiết bị dự phòng: kê khai số lượng thiết bị dự phòng trong mạng

4.12. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 4

- Đánh dấu "X" vào ô "Bổ sung" đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 4.

- Đánh dấu "X" vào ô "Hủy bỏ" đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

- Đánh dấu "X" vào ô "Thay thế cho thiết bị" và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 4.

5. ĂNG-TEN

Kê khai tất cả các Mục từ 5.1 đến 5.6 đối với thiết bị vô tuyến điện có ăng-ten rời, không tích hợp trên thiết bị. Đối với ăng-ten tích hợp cùng thiết bị chỉ yêu cầu kê khai Mục 5.2 và 5.6 các mục khác không bắt buộc.

5.1. Kê khai tên, ký hiệu theo tài liệu kĩ thuật (VD: DB404, AD-22/C, …). Trong trường hợp trên ăng - ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng - ten (ví dụ: Loga-chu kỳ, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, dàn chấn tử đồng pha, v.v...)

5.2. Kê khai dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được theo thiết kế.

5.3. Kê khai hệ số khuếch đại theo thiết kế tính theo đơn vị dBi.

5.4. Kê khai phân cực của ăng-ten theo thiết kế. Ví dụ: thẳng, đứng, ngang, tròn,...

5.5. Đánh dấu "X" vào các ô tương ứng: ND là ăng-ten với vô hướng, D là ăng-ten có hướng và kê khai là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ

5.6. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

6. TỔN HAO

Kê khai tổn hao của hệ thống tính theo đơn vị dB bao gồm tổn hao phi đơ (fider) của hệ thống ăng-ten, tổn hao của kết nối (connector). Mặc định là 0 dB nếu không kê khai.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.

2. Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không.

Trình tự thực hiện	- Trước khi giấy phép hết hạn ít nhất 30 ngày và tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép không vượt quá 10 năm, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không theo quy định tại *điểm A.IX.1.b Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trong thời hạn *05 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gia hạn giấy phép theo *Mẫu 1a mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* hoặc từ chối gia hạn giấy phép và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	*Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:* *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.* *(Việc gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).*

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện Mẫu 1a mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.*

Mẫu 4

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI GIA HẠN, CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:…….

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1.Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):… Ngày sinh: ……	
1.2.Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): ……..……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại/ Email:……	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
• 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	

4. GIA HẠN

Số giấy phép(1)	**Thời gian đề nghị gia hạn(2)**
...	...

5. CẤP ĐỔI

Số giấy phép(1)	**Lý do cấp đổi(2)**
…	

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Emailcủa tổ chức/cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô “Cổng Dịch vụ công quốc gia” thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp

Mục 4 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn.

(2). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).

Mục 5 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị cấp đổi.

(2). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,....).

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

3. Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không.

Trình tự thực hiện	Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không theo quy định tại *điểm A.IX.1.a Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. 1. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thông báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. 2. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định: 2.1. Trường hợp không phải thực hiện phối hợp trong nước và quốc tế về tần số vô tuyến điện: - Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép theo *Mẫu 1a mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép và nêu rõ lý do; 2.2. Trường hợp phải thực hiện phối hợp trong nước và quốc tế về tần số vô tuyến điện: (1) Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trường hợp việc ấn định và phối hợp tần số trong nước không khả thi, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* từ chối sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép và nêu rõ lý do; (2) Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thực hiện việc ấn định, phối hợp tần số vô tuyến điện trong nước, trường hợp tần số khả thi thì gửi văn bản kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện. - Trình tự phối hợp trong nước và quốc tế về tần số vô tuyến điện (áp dụng đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không sử dụng tần số ngoài băng tần từ 2850 kHz đến 22000 kHz và nghiệp

	vụ vô tuyến dẫn đường hàng không, bao gồm đài vô tuyến điện đặt tại các sân bay chuyên dùng phải đăng ký với Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế): (b1) Trong thời hạn *22 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng thực hiện các công việc sau: (b2) Phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện với các nhà chức trách hàng không quốc tế, Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế; (b3) Phối hợp với tổ chức, cá nhân phát, thu thử tần số vô tuyến điện khi cần thiết trên cơ sở ý kiến đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* có ý kiến về việc phát, thu thử trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu phát, thu thử của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng; (b4) Gửi văn bản thông báo cho *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* về kết quả phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện bao gồm cả trường hợp phối hợp thành công và không thành công. Trường hợp phối hợp thành công, nội dung thông báo bao gồm thông tin về các tần số phối hợp thành công kèm theo nhận dạng của đài vô tuyến điện. Trường hợp việc phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện cần có sự phối hợp chuyên sâu về kỹ thuật, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng phối hợp với *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thực hiện việc phối hợp này. - Trong thời hạn *05 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Bộ Xây dựng về kết quả phối hợp tần số quốc tế, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép theo *Mẫu 1a mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	*Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:* *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;*

	- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1a mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; - Văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Quốc phòng về việc mở sân bay chuyên dùng (áp dụng đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không, nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không đặt tại sân bay chuyên dùng); - Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao (áp dụng đối với đài vô tuyến điện của đoàn khách nước ngoài thăm, làm việc tại Việt Nam theo lời mời của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ); hoặc văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Văn phòng Quốc hội (áp dụng đối với đài vô tuyến điện của đoàn khách nước ngoài thăm, làm việc tại Việt Nam theo lời mời của lãnh đạo Quốc hội); hoặc văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản đón đoàn (áp dụng đối với đài vô tuyến điện của đoàn khách nước ngoài khác); - Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao hoặc *Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh* hoặc Sở Ngoại vụ được phân công quản lý (áp dụng đối với đài vô tuyến điện của cơ quan đại diện nước ngoài); - Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao (áp dụng đối với đài vô tuyến điện của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- *14 ngày làm việc* (đối với trường hợp không phải thực hiện phối hợp trong nước và quốc tế về tần số vô tuyến điện hoặc phối hợp tần số trong nước không khả thi) kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định hoặc; - 41 ngày làm việc (đối với trường hợp phải thực hiện phối hợp trong nước và quốc tế về tần số vô tuyến điện) kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. - 03 tháng trong trường hợp số lượng tần số vô tuyến điện cần phải ấn định vượt quá 100 tần số trong một hồ sơ hoặc vượt quá 100 tần số trong các hồ sơ được gửi trong vòng 16 ngày làm việc của một tổ chức, cá nhân.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.* *(Việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện Mẫu 1a mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 01 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo Mẫu số 1a mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy*

	phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……...	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1a

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1a

Áp dụng đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1h1, 1i, 1m

Tờ số: ……/tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:

<table>
<tr><td colspan="2">1. ĐỀ NGHỊ</td><td colspan="3">□ Cấp
□ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……</td></tr>
<tr><td colspan="2">2.MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td colspan="5">3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)</td></tr>
<tr><td colspan="5">□ 1 năm □ 2 năm □ 3 năm □ 10 năm □ Khác ……</td></tr>
<tr><td colspan="5">4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN</td></tr>
<tr><td colspan="2">4.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td colspan="2">4.2. Các mức công suất phát (W)</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td colspan="2">4.3. Ký hiệu phát xạ</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td colspan="2">4.4. Độ rộng kênh (nếu có)</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td rowspan="2">4.5. Dải tần thiết bị</td><td>Phát</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td>Thu</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td colspan="2">4.6. Tần số phát/thu đề nghị (nếu có)</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td colspan="2">4.7. Độ nhạy máy thu (dBm) (nếu có)</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td colspan="2">4.8. Tên/mã trạm đề nghị (nếu có)</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td colspan="2">4.9. Đối tượng liên lạc (nếu có)</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td colspan="2" rowspan="3">4.10. Địa điểm đặt</td><td colspan="3">□ Di động □ Cố định: Kinh độ:..... E/ Vĩ độ : …….N</td></tr>
<tr><td colspan="3">Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:</td></tr>
<tr><td colspan="3">Tỉnh/thành phố:</td></tr>
<tr><td colspan="2" rowspan="2">4.11. Thiết bị trong mạng (đối với Đài bờ)</td><td>Số lượng thiết bị chính</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td>Số lượng thiết bị dự phòng</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td colspan="2">4.12. Thông tin sửa đổi, bổ sung</td><td colspan="3">□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị …….</td></tr>
<tr><td colspan="5">5. ĂNG-TEN</td></tr>
<tr><td colspan="2">5.1. Kiểu (Nhãn hiệu)</td><td></td><td>5.2. Dải tần làm việc</td><td></td></tr>
</table>

5.3. Hệ số khuếch đại (dBi)		5.4. Phân cực	
5.5. Hướng tính	□ ND □ D Góc phương vị của hướng bức xạ chính (º): ……	5.6. Độ cao so với mặt đất (m)	
6. TỔN HAO (dB) (nếu có)			
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1h1, 1i, 1m.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a được dùng để kê khai cho 01 (một) loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ bản khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị khác nhau. Các thiết bị cùng loại, có thông số giống nhau kê khai 01 (một) lần và ghi rõ số lượng thiết bị bên cạnh. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. ĐỀ NGHỊ

Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép lần đầu hoặc không đủ điều kiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép. Đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích: Phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập, nghiên cứu, dự phòng,...

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4.THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

4.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

4.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

4.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E;304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

4.4. Kê khai độ rộng kênh tần số mà thiết bị có thể hoạt động (không bắt buộc).

4.5. Kê khai dải tần số phát, thu mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

4.6. Kê khai tần số phát/ thu theo mong muốn được sử dụng (không bắt buộc).

4.7. Kê khai độ nhạy máy thu đối với thiết bị thu hoặc thiết bị thu phát theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Không bắt buộc.

4.8. Kê khai tên/mã trạm do tổ chức, cá nhân tự đề nghị để thuận tiện trong công việc, hoặc đề nghị theo dãy hô hiệu được Quốc tế phân chia cho Việt Nam sử dụng. Trường hợp không đề nghị tên/mã trạm sẽ do cơ quan cấp giấy phép quy định.

4.9. Kê khai tên/mã trạm của các đài vô tuyến điện có truyền thông tin vô tuyến điện với thiết bị vô tuyến điện/ đài vô tuyến điện đang đề nghị cấp phép.

4.10. Địa điểm đặt thiết bị:

- Đánh dấu "X" vào ô "Cố định" đối với thiết bị đặt cố định. Khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh) và kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

- Đánh dấu "X" vào ô "Di động" đối với thiết bị di động khi hoạt động. Kê khai phạm vi di động của thiết bị theo địa chỉ hành chính ví dụ di động trên địa bàn tỉnh A hoặc xã B tỉnh A,…

4.11. Chỉ kê khai đối với đài bờ

- Số lượng thiết bị chính: kê khai số lượng thiết bị chính trong mạng

- Số lượng thiết bị dự phòng: kê khai số lượng thiết bị dự phòng trong mạng

4.12. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 4

- Đánh dấu "X" vào ô "Bổ sung" đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 4.

- Đánh dấu "X" vào ô "Hủy bỏ" đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

- Đánh dấu "X" vào ô "Thay thế cho thiết bị" và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 4.

5. ĂNG-TEN

Kê khai tất cả các Mục từ 5.1 đến 5.6 đối với thiết bị vô tuyến điện có ăng-ten rời, không tích hợp trên thiết bị. Đối với ăng-ten tích hợp cùng thiết bị chỉ yêu cầu kê khai Mục 5.2 và 5.6 các mục khác không bắt buộc.

5.1. Kê khai tên, ký hiệu theo tài liệu kĩ thuật (VD: DB404, AD-22/C, …). Trong trường hợp trên ăng - ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng - ten (ví dụ: Loga-chu kỳ, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, dàn chấn tử đồng pha, v.v...)

5.2. Kê khai dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được theo thiết kế.

5.3. Kê khai hệ số khuếch đại theo thiết kế tính theo đơn vị dBi.

5.4. Kê khai phân cực của ăng-ten theo thiết kế. Ví dụ: thẳng, đứng, ngang, tròn,...

5.5. Đánh dấu "X" vào các ô tương ứng: ND là ăng-ten với vô hướng, D là ăng-ten có hướng và kê khai là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ

5.6. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).

6. TỔN HAO

Kê khai tổn hao của hệ thống tính theo đơn vị dB bao gồm tổn hao phi đơ (fider) của hệ thống ăng-ten, tổn hao của kết nối (connector). Mặc định là 0 dB nếu không kê khai.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.

4. Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không.

Trình tự thực hiện	- Trường hợp giấy phép bị mất, bị hư hỏng, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không theo quy định tại *điểm A.IX.1.b Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trong thời hạn *03 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp đổi giấy phép theo *Mẫu 1a mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* hoặc từ chối cấp đổi giấy phép và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	*Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:* *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.* *(Việc cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện Mẫu 1a mục II Phụ lục I.3.2 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*

Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của *Bộ* trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.*

Mẫu 4

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI GIA HẠN, CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHÚ Ý:
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:……..

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1.Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):… Ngày sinh: ……	
1.2.Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): ……..……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại/ Email:……	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
• 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	

4. GIA HẠN

Số giấy phép(1)	**Thời gian đề nghị gia hạn(2)**
...	...

5. CẤP ĐỔI

Số giấy phép(1)	**Lý do cấp đổi(2)**
…	

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Emailcủa tổ chức/cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô “Cổng Dịch vụ công quốc gia” thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3	Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp. Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng: - Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp
Mục 4	(1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn. (2). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
Mục 5	(1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị cấp đổi. (2). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,....).
Ký tên, đóng dấu	- Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính: + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh + Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

5. Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn.

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn theo quy định tại *điểm A.V.1.a Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn hoặc từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn *16 ngày làm việc* từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Cách thức thực hiện	*Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:* *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Bản khai thông tin chung theo *Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;*

	- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo mẫu tương ứng (Mẫu 1g1, Mẫu 1g2) mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; - Đối với đài vô tuyến điện của đoàn khách nước ngoài: Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao (áp dụng đối với đài vô tuyến điện của đoàn khách nước ngoài thăm, làm việc tại Việt Nam theo lời mời của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ); hoặc văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Văn phòng Quốc hội (áp dụng đối với đài vô tuyến điện của đoàn khách nước ngoài thăm, làm việc tại Việt Nam theo lời mời của lãnh đạo Quốc hội); hoặc văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản đón đoàn (áp dụng đối với đài vô tuyến điện của đoàn khách nước ngoài khác). - Đối với đài vô tuyến điện của cơ quan đại diện nước ngoài: Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao hoặc *Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh* hoặc Sở Ngoại vụ được phân công quản lý. - Đối với đài vô tuyến điện của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài: Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*- 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài cơ quan chủ quản đón đoàn, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* *(Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức, cá nhân lựa chọn nộp hồ sơ thực hiện)*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu tương ứng với loại thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1g1, Mẫu 1g2 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP).*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ;*

(nếu có và đính kèm)	*- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo mẫu tương ứng (Mẫu 1g1, Mẫu 1g2) mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về Phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.*

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……..	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1g1

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g1

Áp dụng đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất

Tờ số: …/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: ……

<table>
<tr><td colspan="2">1. ĐỀ NGHỊ</td><td colspan="3">□ Cấp
□ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……</td></tr>
<tr><td colspan="2">2. MỤC ĐÍCH SỬ</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td colspan="5">3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP (đối với cấp)</td></tr>
<tr><td colspan="5">□ 1 năm □ 2 năm □ 3 năm □ 10 năm □ Khác:…….</td></tr>
<tr><td colspan="3">4. TỔNG SỐ THIẾT BỊ TRONG MẠNG</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td colspan="2">5. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td colspan="2" rowspan="2">6. CẤU HÌNH MẠNG</td><td colspan="3">□ Đơn công</td></tr>
<tr><td colspan="2">□ Song công/ Bán song công</td><td>Khoảng cách thu/phát (MHz):</td></tr>
<tr><td colspan="5">7. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN DI ĐỘNG</td></tr>
<tr><td colspan="2">7.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">7.2. Các mức công suất phát (W)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">7.3. Ký hiệu phát xạ</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">7.4. Dải tần thiết bị (MHz)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>Hệ số khuếch đại (dBi) (nếu có)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>

7.5. Ăng-ten	Độ cao sử dụng tối đa so với mặt đất) (m)			
7.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung (nếu có)		□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị	□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị	□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị .....
8. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN CỐ ĐỊNH (nếu có)				
8.1. Tên Thiết bị /Hãng sản xuất				
8.2. Các mức công suất phát				
8.3. Ký hiệu phát xạ				
8.4. Dải tần thiết bị (MHz)				
8.5. Địa điểm đặt		Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
		Tỉnh/thành phố:		
8.6. Tên/mã trạm (nếu có)				
8.7. Ăng-ten	a. Tên (nhãn hiệu)			
	b. Dải tần làm việc			
	c. Hệ số khuếch đại (dBi)			
	d. Độ cao so với mặt đất (m)			
	đ. Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:…… E/ Vĩ độ:…….N		
8.8. Thông tin sửa đổi, bổ sung (nếu có)		□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị		
9.TẦN SỐ PHÁT/THU ĐỀ NGHỊ (nếu có)		Tần số phát (MHz):…… Tần số thu (MHz):…….		
10. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)				

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1 dùng để kê khai cho một mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều mạng. Lưu ý ghi rõ số thứ tự tờ khai, tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai tất cả các thông số trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1 khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1 khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. ĐỀ NGHỊ

Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép lần đầu hoặc không đủ điều kiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép. Đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích: Phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập, nghiên cứu, dự phòng,...

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. TỔNG SỐ THIẾT BỊ TRONG MẠNG

Kê khai tổng số thiết bị trong mạng

5.PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Kê khai phạm vi hoạt động của mạng theo địa chỉ hành chính. Trường hợp phạm vi trong cả tỉnh/thành phố thì kê khai tên tỉnh/thành phố, hoặc hoạt động trong phạm vi phường/xã thì phải ghi địa chỉ phường/xã A, tỉnh/thành phố B. Trường hợp, hoạt động từ hai tỉnh trở lên thì phải liệt kê cụ thể từng tỉnh/thành phố.

6. CẤU HÌNH MẠNG

Đánh dấu "X" vào ô "Đơn công" nếu mạng hoạt động ở chế độ liên lạc thu/phát trên cùng một tần số hoặc "Song công/Bán song công" nếu mạng hoạt động ở chế độ liên lạc thu/phát trên hai tần số khác nhau và ghi khoảng cách thu phát tối thiểu, khoảng cách thu phát tối đa theo đơn vị MHz.

7. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN DI DỘNG

7.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

7.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

7.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 4K00F1E; 7K60FXE; 11K0F3E; ...

7.4. Kê khai dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

7.5. Kê khai hệ số khuếch đại (nếu có) theo thiết kế tính theo đơn vị dBi và độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m)

7.6. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc mục 7

- Đánh dấu "X" vào ô "Bổ sung" đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 7.

- Đánh dấu "X" vào ô "Hủy bỏ" đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị.

- Đánh dấu "X" vào ô "Thay thế cho thiết bị" và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 7.

8. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN CỐ ĐỊNH (chỉ kê khai đối với mạng có thiết bị cố định)

8.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.

8.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

8.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 4K00F1E; 7K60FXE; 11K0F3E; ...

8.4. Kê khai dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

8.5. Khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

8.6. Kê khai tên/mã trạm đề nghị sử dụng để thuận tiện cho công việc (lưu ý: khi mạng hoạt động sẽ phải sử dụng các hô hiệu đã được ghi trong giấy phép, trường hợp không kê khai thì hô hiệu sẽ do cơ quan cấp phép quy định).

8.7. Kê khai các thông tin của ăng-ten:

a. Kê khai tên, ký hiệu theo tài liệu kỹ thuật (VD: DB404, AD-22/C, …). Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Loga-chu kỳ, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, dàn chấn tử đồng pha, v.v...)

b. Dải tần làm việc là dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được với các chỉ tiêu kỹ thuật đã cho.

c. Kê khai hệ số khuếch đại của ăng-ten theo thiết kế tính theo đơn vị dBi.

d. Độ cao (so với mặt đất) (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten), tính theo mét (m).

đ. Kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt ăng-ten.

8.8. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc mục 8.

- Đánh dấu "X" vào ô "Bổ sung" đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 8.

- Đánh dấu "X" vào ô "Hủy bỏ" đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

- Đánh dấu "X" vào ô "Thay thế cho thiết bị" và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 8.

9. TẦN SỐ PHÁT/ THU ĐỀ NGHỊ

Kê khai tần số phát/ thu theo mong muốn được sử dụng tương ứng với cấu hình mạng tại mục 6 (không bắt buộc).

10. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin cần bổ sung chưa có trong bản khai nếu có.

Mẫu 1g2

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g2

Áp dụng đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ

□ Cấp □ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……..

Tờ số: ……/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: ……

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	□ Liên lạc nội bộ □ Điều hành sản xuất □ Bảo vệ □ Liên lạc trong nhà hàng, khách sạn □ Khác:…….		
2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)			
□ 1 năm □ 2 năm □ 3 năm □ 10 năm □ Khác:…….			
3. TỔNG SỐ THIẾT			
4. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG	Địa chỉ	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:	
		Tỉnh/thành phố:	
	Vị trí (toạ độ)	Kinh độ: ……E	Vĩ độ: ……N
5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN			
5.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất			
5.2. Các mức công suất phát			
5.3. Ký hiệu phát xạ			
5.4. Dải tần thiết bị (MHz)			
5.5. Độ cao sử dụng tối đa so với mặt đất (m)			

5.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung	□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị…….	□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị……	□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị……
5. TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ (nếu có)			
7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

Hướng dẫn kê khai bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp hoặc đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 dùng để kê khai cho một mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều mạng. Lưu ý ghi rõ số thứ tự tờ khai, tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai tất cả các thông số trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu "X" mục đích sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện tương ứng hoặc ghi rõ mục đích sử dụng mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ nếu khác với các lựa chọn đã có.

2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

3. TỔNG SỐ THIẾT BỊ

Kê khai tổng số thiết bị trong mạng.

4. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh) và kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

5.1. Kê khai tên thiết bị hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

5.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

5.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 4K00F1E; 7K60FXE; 11K0F3E; ...

5.4. Kê khai dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

5.5. Kê khai độ cao lớn nhất so với mặt đất khi sử dụng thiết bị, tính theo mét (m).

5.6. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 5

- Đánh dấu "X" vào ô "Bổ sung" đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

- Đánh dấu "X" vào ô "Hủy bỏ" đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị.

- Đánh dấu"X" vào ô "Thay thế cho thiết bị" và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

6. TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ

Kê khai tần số theo mong muốn được sử dụng (không bắt buộc).

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin khác chưa có trong bản khai (nếu có).

6. Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn.

Trình tự thực hiện	- Trước khi hết hạn ít nhất 30 ngày và tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép không vượt quá 10 năm, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn theo quy định tại *điểm A.V.1.b Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn hoặc từ chối gia hạn giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn *05 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Cách thức thực hiện	*Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:* *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết	*05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài cơ quan chủ quản đón đoàn, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.* *(Việc gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu tương ứng với loại thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1g1, Mẫu 1g2 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP).*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

	- Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.*

Mẫu 4

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI GIA HẠN, CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:……..

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1.Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):… Ngày sinh: ……	
1.2.Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): ……..……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại/ Email:……	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
• 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	

4. GIA HẠN

Số giấy phép(1)	**Thời gian đề nghị gia hạn(2)**
...	...

5. CẤP ĐỔI

Số giấy phép(1)	**Lý do cấp đổi(2)**

…	

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Emailcủa tổ chức/cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Mục 4 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn.

(2). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).

Mục 5 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị cấp đổi.

(2). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,....).

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

7. Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn.

Trình tự thực hiện	- Khi giấy phép còn hiệu lực, tổ chức có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng) thì phải hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn theo quy định tại *điểm A.V.1.a Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn hoặc từ chối sửa đổi, bổ sung nội du giấy phép và nêu rõ lý do trong thời hạn *16 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Cách thức thực hiện	*Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:* *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ:

	- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo mẫu tương ứng (mẫu 1g1, mẫu 1g2) mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* - Đối với đài vô tuyến điện của đoàn khách nước ngoài: Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao (áp dụng đối với đài vô tuyến điện của đoàn khách nước ngoài thăm, làm việc tại Việt Nam theo lời mời của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ); hoặc văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Văn phòng Quốc hội (áp dụng đối với đài vô tuyến điện của đoàn khách nước ngoài thăm, làm việc tại Việt Nam theo lời mời của lãnh đạo Quốc hội); hoặc văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản đón đoàn (áp dụng đối với đài vô tuyến điện của đoàn khách nước ngoài khác). - Đối với đài vô tuyến điện của cơ quan đại diện nước ngoài: Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao hoặc *Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh* hoặc Sở Ngoại vụ được phân công quản lý. - Đối với đài vô tuyến điện của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài: Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Ngoại giao. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài cơ quan chủ quản đón đoàn, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.* *(Việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu tương ứng với loại thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1g1, Mẫu 1g2 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP).*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*- Bản khai thông tin chung theo Mẫu số 1 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP;* *- Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác theo mẫu tương ứng (Mẫu 1g1, Mẫu 1g2) mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.*

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG

CHÚ Ý
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: .....

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1. Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): ….. Ngày sinh: ..... Địa chỉ thường trú: ……	
1.2. Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): …… Địa chỉ trụ sở chính: ……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại / Email: ……...	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
□ 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	
4. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY: 4.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ. 4.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.	

4.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

4.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.

4.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai bản khai thông tin chung

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Bản khai thông tin chung: Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Email của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong ba hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

Mẫu 1g1

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g1

Áp dụng đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất

Tờ số: …/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: ……

<table>
<tr><td colspan="2">1. ĐỀ NGHỊ</td><td colspan="3">□ Cấp
□ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……</td></tr>
<tr><td colspan="2">2. MỤC ĐÍCH SỬ</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td colspan="5">3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP (đối với cấp)</td></tr>
<tr><td colspan="5">□ 1 năm □ 2 năm □ 3 năm □ 10 năm □ Khác:…….</td></tr>
<tr><td colspan="3">4. TỔNG SỐ THIẾT BỊ TRONG MẠNG</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td colspan="2">5. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td colspan="2" rowspan="2">6. CẤU HÌNH MẠNG</td><td colspan="3">□ Đơn công</td></tr>
<tr><td colspan="2">□ Song công/ Bán song công</td><td>Khoảng cách thu/phát (MHz):</td></tr>
<tr><td colspan="5">7. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN DI ĐỘNG</td></tr>
<tr><td colspan="2">7.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">7.2. Các mức công suất phát (W)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">7.3. Ký hiệu phát xạ</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">7.4. Dải tần thiết bị (MHz)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="2">7.5. Ăng-ten</td><td>Hệ số khuếch đại (dBi) (nếu có)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Độ cao sử dụng tối đa so với mặt đất) (m)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>

7.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung (nếu có)	□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị	□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị	□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị .....
8. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN CỐ ĐỊNH (nếu có)			
8.1. Tên Thiết bị /Hãng sản xuất			
8.2. Các mức công suất phát			
8.3. Ký hiệu phát xạ			
8.4. Dải tần thiết bị (MHz)			
8.5. Địa điểm đặt	Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:		
	Tỉnh/thành phố:		
8.6. Tên/mã trạm (nếu có)			
8.7. Ăng-ten	a. Tên (nhãn hiệu)		
	b. Dải tần làm việc		
	c. Hệ số khuếch đại (dBi)		
	d. Độ cao so với mặt đất (m)		
	đ. Vị trí (tọa độ)	Kinh độ:…… E/ Vĩ độ:…….N	
8.8. Thông tin sửa đổi, bổ sung (nếu có)	□ Bổ sung □ Hủy bỏ □ Thay thế cho thiết bị		
9.TẦN SỐ PHÁT/THU ĐỀ NGHỊ (nếu có)	Tần số phát (MHz):…… Tần số thu (MHz):…….		
10. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)			

Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1 dùng để kê khai cho một mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều mạng. Lưu ý ghi rõ số thứ tự tờ khai, tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai tất cả các thông số trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1 khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g1 khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. ĐỀ NGHỊ

Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép lần đầu hoặc không đủ điều kiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép. Đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích: Phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập, nghiên cứu, dự phòng,...

3. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

4. TỔNG SỐ THIẾT BỊ TRONG MẠNG

Kê khai tổng số thiết bị trong mạng

5.PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Kê khai phạm vi hoạt động của mạng theo địa chỉ hành chính. Trường hợp phạm vi trong cả tỉnh/thành phố thì kê khai tên tỉnh/thành phố, hoặc hoạt động trong phạm vi phường/xã thì phải ghi địa chỉ phường/xã A, tỉnh/thành phố B. Trường hợp, hoạt động từ hai tỉnh trở lên thì phải liệt kê cụ thể từng tỉnh/thành phố.

6. CẤU HÌNH MẠNG

Đánh dấu "X" vào ô "Đơn công" nếu mạng hoạt động ở chế độ liên lạc thu/phát trên cùng một tần số hoặc "Song công/Bán song công" nếu mạng hoạt động ở chế độ liên lạc

thu/phát trên hai tần số khác nhau và ghi khoảng cách thu phát tối thiểu, khoảng cách thu phát tối đa theo đơn vị MHz.

7. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN DI DỘNG

7.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

7.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

7.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 4K00F1E; 7K60FXE; 11K0F3E; ...

7.4. Kê khai dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

7.5. Kê khai hệ số khuếch đại (nếu có) theo thiết kế tính theo đơn vị dBi và độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m)

7.6. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc mục 7

- Đánh dấu "X" vào ô "Bổ sung" đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 7.

- Đánh dấu "X" vào ô "Hủy bỏ" đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị.

- Đánh dấu "X" vào ô "Thay thế cho thiết bị" và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 7.

8. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN CỐ ĐỊNH (chỉ kê khai đối với mạng có thiết bị cố định)

8.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị/ Hãng sản xuất thiết bị.

8.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

8.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 4K00F1E; 7K60FXE; 11K0F3E; ...

8.4. Kê khai dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

8.5. Khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh).

8.6. Kê khai tên/mã trạm đề nghị sử dụng để thuận tiện cho công việc (lưu ý: khi mạng hoạt động sẽ phải sử dụng các hô hiệu đã được ghi trong giấy phép, trường hợp không kê khai thì hô hiệu sẽ do cơ quan cấp phép quy định).

8.7. Kê khai các thông tin của ăng-ten:

a. Kê khai tên, ký hiệu theo tài liệu kỹ thuật (VD: DB404, AD-22/C, …). Trong trường hợp trên ăng-ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng-ten (ví dụ: Loga-chu kỳ, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, dàn chấn tử đồng pha, v.v...)

b. Dải tần làm việc là dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được với các chỉ tiêu kỹ thuật đã cho.

c. Kê khai hệ số khuếch đại của ăng-ten theo thiết kế tính theo đơn vị dBi.

d. Độ cao (so với mặt đất) (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten), tính theo mét (m).

đ. Kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt ăng-ten.

8.8. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc mục 8.

- Đánh dấu "X" vào ô "Bổ sung" đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 8.

- Đánh dấu "X" vào ô "Hủy bỏ" đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

- Đánh dấu "X" vào ô "Thay thế cho thiết bị" và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc mục 8.

9. TẦN SỐ PHÁT/ THU ĐỀ NGHỊ

Kê khai tần số phát/ thu theo mong muốn được sử dụng tương ứng với cấu hình mạng tại mục 6 (không bắt buộc).

10. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin cần bổ sung chưa có trong bản khai nếu có.

Mẫu 1g2

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g2

Áp dụng đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ

□ Cấp □ Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số ……..

Tờ số: ……/ tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: ……

<table>
<tr><td colspan="2">1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG</td><td colspan="3">□ Liên lạc nội bộ
□ Điều hành sản xuất
□ Bảo vệ
□ Liên lạc trong nhà hàng, khách sạn
□ Khác:…….</td></tr>
<tr><td colspan="5">2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)</td></tr>
<tr><td colspan="5">□ 1 năm □ 2 năm □ 3 năm □ 10 năm □ Khác:…….</td></tr>
<tr><td colspan="2">3. TỔNG SỐ THIẾT</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td rowspan="3">4. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG</td><td rowspan="2">Địa chỉ</td><td colspan="3">Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã:</td></tr>
<tr><td colspan="3">Tỉnh/thành phố:</td></tr>
<tr><td>Vị trí (tọa độ)</td><td>Kinh độ: …….E</td><td colspan="2">Vĩ độ: ……N</td></tr>
<tr><td colspan="5">5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN</td></tr>
<tr><td colspan="2">5.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">5.2. Các mức công suất phát</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">5.3. Ký hiệu phát xạ</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">5.4. Dải tần thiết bị (MHz)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">5.5. Độ cao sử dụng tối đa so với mặt đất (m)</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">5.6. Thông tin sửa đổi, bổ sung</td><td>□ Bổ sung
□ Hủy bỏ
□ Thay thế cho thiết bị…….</td><td>□ Bổ sung
□ Hủy bỏ
□ Thay thế cho thiết bị……</td><td>□ Bổ sung
□ Hủy bỏ
□ Thay thế cho thiết bị……</td></tr>
<tr><td colspan="2">6.TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ (nếu có)</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td colspan="2">7.CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)</td><td colspan="3"></td></tr>
</table>

Hướng dẫn kê khai bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2

- Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cấp" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp hoặc đánh dấu "X" vào ô "Sửa đổi, bổ sung" và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 dùng để kê khai cho một mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều mạng. Lưu ý ghi rõ số thứ tự tờ khai, tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai tất cả các thông số trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 khi đề nghị cấp.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g2 khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đánh dấu "X" mục đích sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện tương ứng hoặc ghi rõ mục đích sử dụng mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ nếu khác với các lựa chọn đã có.

2. THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026" (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

3. TỔNG SỐ THIẾT BỊ

Kê khai tổng số thiết bị trong mạng.

4. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), thành phố (tỉnh) và kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.

5. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

5.1. Kê khai tên thiết bị hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

5.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...

5.3. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 4K00F1E; 7K60FXE; 11K0F3E; ...

5.4. Kê khai dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

5.5. Kê khai độ cao lớn nhất so với mặt đất khi sử dụng thiết bị, tính theo mét (m).

5.6. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 5

- Đánh dấu "X" vào ô "Bổ sung" đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

- Đánh dấu "X" vào ô "Hủy bỏ" đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị.

- Đánh dấu"X" vào ô "Thay thế cho thiết bị" và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 5.

6. TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ

Kê khai tần số theo mong muốn được sử dụng (không bắt buộc).

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Kê khai các thông tin khác chưa có trong bản khai (nếu có).

8. Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn

Trình tự thực hiện	- Trường hợp hồ sơ bị mất, bị hư hỏng, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn theo quy định tại *điểm A.V.1.b Mục 2 Phụ lục I.3 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn *05 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được hồ sơ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thông báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trong thời hạn *03 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* cấp đổi giấy phép.
Cách thức thực hiện	*Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:* *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ	6. Thành phần hồ sơ: *- Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	*03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài cơ quan chủ quản đón đoàn, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn khách nước ngoài

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.* *(Việc cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	*Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu tương ứng với loại thiết bị vô tuyến điện (Mẫu 1g1, Mẫu 1g2 mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP).*
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 4 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.*

Mẫu 4

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI GIA HẠN, CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi:……..

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1.Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):… Ngày sinh: ……	
1.2.Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): ……..……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại/ Email:……	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
• 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	

4. GIA HẠN

Số giấy phép(1)	**Thời gian đề nghị gia hạn(2)**
...	...

5. CẤP ĐỔI

Số giấy phép(1)	**Lý do cấp đổi(2)**

…	

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Emailcủa tổ chức/cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô “Cổng Dịch vụ công quốc gia” thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3	Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp. Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng: - Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp
Mục 4	(1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn. (2). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).
Mục 5	(1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị cấp đổi. (2). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,....).
Ký tên, đóng dấu	- Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính: + Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh + Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép - Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này.

9. Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với các giấy phép mẫu 1đ, 1i, 1g1, 1h1

Trình tự thực hiện:	- Trường hợp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (đối với: đài truyền thanh không dây; đài tàu hoạt động tuyến quốc tế; đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá, mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất) bị mất, bị hư hỏng, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định và nộp hồ sơ đến *Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. - *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định về thành phần hồ sơ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thông báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thực hiện cấp đổi giấy phép theo mẫu tương ứng cho từng loại thiết bị vô tuyến điện tại *mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP* trong thời hạn *03 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Cách thức thực hiện:	*Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:* *- Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).* *- Nộp qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).*
Thành phần, số lượng hồ sơ:	1. Thành phần hồ sơ: *Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 04 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.* 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết:	*03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.* *(Việc cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện).*
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	*Giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện (theo mẫu tương ứng cho từng loại thiết bị vô tuyến điện tại mục II Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP)*
Lệ phí (nếu có):	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:	*Bản khai đề nghị gia hạn, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo Mẫu số 04 mục I Phụ lục I.3.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.*
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	*Không*
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09/11/2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15. - Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện và Thông tư số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. *- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.* *- Thông tư số 31/2026/TT-BKHCN ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện.*

Mẫu 4

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI GIA HẠN, CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

Kính gửi: ……

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ	
1.1.Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/ Hộ chiếu (đối với cá nhân):… Ngày sinh: ……	
1.2.Số định danh/Mã số thuế (đối với tổ chức): ……..……	
1.3. Địa chỉ liên lạc: ……	
1.4. Số điện thoại/ Email:……	
2. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ	□ Trực tiếp □ Dịch vụ bưu chính □ Cổng Dịch vụ công quốc gia
3. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng)	
• 01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép	

4. GIA HẠN

Số giấy phép(1)	**Thời gian đề nghị gia hạn(2)**
...	...

5. CẤP ĐỔI

Số giấy phép(1)	**Lý do cấp đổi(2)**

…	

……, ngày….. tháng….. năm…….

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn kê khai

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn.

Mục 1. Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.

Nếu là cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.1.

Nếu là tổ chức đề nghị cấp đổi, gia hạn chuyển sang kê khai mục 1.2.

Mục 1.1. Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu đối với cá nhân

Mục 1.2. Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức/số định danh của tổ chức.

Mục 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ.

Mục 1.4. Kê khai số điện thoại /Emailcủa tổ chức/cá nhân đề nghị cấp đổi, gia hạn nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ.

Mục 2. Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:

- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.

- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3.

- Đánh dấu "X" vào ô "Cổng Dịch vụ công quốc gia" thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Mục 3 Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:

- Đánh dấu "X" vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.

Mục 4 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn.

(2). Thời gian đề nghị gia hạn: kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).

Mục 5 (1). Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị cấp đổi.

(2). Ghi lý do/nguyên nhân cấp đổi giấy phép (ví dụ: do giấy phép cũ bị mất, thất lạc, cháy, rách,....).

Ký tên, đóng dấu - Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính:

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh

+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép

- Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia: không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này./.